KINH TẬP (Suttanipāta)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 1 (VNC PHVN, 2021)

KINH TẬP (Suttanỉpãta)

Dịch giả Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH TẬP CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Kinh Tập (Suttanipãtă) gồm có 5 phẩm, 71 kinh: Phẩm I "Phẩm Ran"' (Uragavaggă) gôm có 12 kinh; phâm II ^Tỉêu phẩm(CũỊavaggă) gôm có 14 kinh; phẩm III "Đại phẩmfĩ {Mahãvaggă) gồm có 12 kinh; phẩm IV "Phấn Tám " (Atthakavagga) gồm có 16 kinh, và phẩm V "Phẩm Con đường đến bờ bên kia" (Pãrãyanavaggă) gồm có 17 kinh. Đặc biệt của tập này gôm những kinh có thê được xem là những kinh xưa nhất, cổ nhất, nghĩa là gần với thời đức Phật nhất. Chúng tôi dựa trên một số yếu tố để xác nhận tánh chất thật, sự nguyên thủy của tập Suttanipãta này về cả hai mặt văn cú và nội dung. Trước hêt, tập Suttanipãta viêt băng một thê văn Pãli xưa nhât và cô kính nhất, so sánh với các thể văn chúng ta thường được gặp trong các bộ Dĩgha Nỉkãya (Trường bộ). Majjhima Nikãya (Trung bộ), Samyutta Nikãya (Tương ưng bộ), Anguttara Nỉkãya (Tăng chi bộ). Nhiều thể văn gần với văn Veda (Vệ-đà) được tìm thấy rất nhiều trong tập nà* nhimg không tìm thấy trong các tập khác, như các danh từ và động từ sô nhiêu: Sitãse, upatthitãse, caramãse. Các hình thức chủ cách số nhiều và sử dụng cách số ít của một số danh từ như: Vinicchayã thế cho vinicchayãni, lakkhanã thế cho lakkhanãni, mantã thế cho mantãya. Ngoài ra, chúng ta thường gặp các nguyên mẫu Vedã như vippahãtane, sampayãtave, unnametave rất ít khi được tìm thấy trong các tập kinh khác. Nhiều khi chúng ta thấy một số danh từ đặc biệt như chữ datthu thế cho disvã, atisĩtvã thế cho atỉkkamivã. maga thế cho miga, tumo thế cho so. v.v... Những danh từ này rất gần với tiếng Vệ-đà mà không tìm thấy ở các bộ kinh khác. Như vậy? chứng tỏ tập Suttanipãta được viết trong thời kỳ xưa nhất của ngôn ngữ Pãli5 chưa được trau chuốt lưu loát nhiều âm điệu như ngôn ngữ Pãli sau này. Giá trị cổ kính của ngôn ngữ Pãli tròng tập này đánh giá tánh chất nguyên thủy của tập Suttanipãta} Một yêu tô nữa giúp chúng ta biêt giá trị cô kính của kinh này là một sô kinh của tập này được tìm thấy trong các bộ kinh khấc, và chứng tỏ các kinh khác đã sưu tầm một số kinh hiện có trong bộ Suttanipãta. Ví dụ: Kỉnh Sela (Sn. III: 553-78) được tìm thấy trong M. I. 146; Kinh Vasettha (Sn. III: 599-661) được tìm thấy cũng trong M. II. 196.

I Xem V. Fausboll (tr.), The Sutta Nipãta (Oxford: Clarendon Press, 1881), p. xi.

290 KINH TIỂU Bộ

Ngoài ra, tập Suttanipãta có ghi chép lại một vài giai đoạn trong đời sống tìm đạo và học đạo của Thái tử, những mẫu chuyện này rất giản dị và mộc mạc, không có xen lẫn thần thông phù phép, với những hình ảnh thật đơn sơ và tươi đẹp. Kỉnh Xuất gia (Sn. III: 407-26) diễn tả cuộc gặp gỡ giữa Thái tử với Vua Bimbisãra, khi Thái tử vừa mới xuất gia. Vua Bimbisãra đứng trên lầu nhìn xuống thấy Thái tử đang đi khất thực. “Binh-sa vưcmg thấy Ngài, Đứng trên sân lầu thượng, Thấy đầy đủ tướng tốt, Bèn nói

lên lời này." (Sn. 111:411) Sau khi sai sứ giả đi theo để tìm chỗ ở của Thái tử, Vua Bimbisãra liền đi đến gặp Thái tử và thưa: uNgười thanh niên tuổi trẻ, Ngây thơ, bước vào dời, Cao đẹp được viên mãn, Thiện sanh giòng Sát-lỵ... ...Tài sản ta cho người, Hãy hưởng và trả lời/9 (Sn. III: 422-23) Và Thái tử dứt khoát trả lời: "Dòng họ thuộc Mặt Trời, Sanh tộc là Thích-ca, Từ bỏ gia tộc ây, Thưa vua, Ta xuất gia. Ta không có thiết tha, Đối với các loại dục, Thấy nguy hiểm trong dục, Bỏ chúng là an ổn, Ta sẽ di, tinh tấn, Ý Ta được hoan hy." (Sn. III: 425-26) Kỉnh Tỉnh cần tiếp theo nói lên sự cám dỗ của Ác ma. Khi Thái tử ngồi dưới J cây Bồ-đề tu hành, Ác ma đến gần, nói lên giọng từ mân: "Ông ốm, không dung sắc, Ông đã gần chết rồi, A r Cả ngàn phân ông chêt, Chỉ một phần còn sống. Hãy sống, sống tốt hơn, Sẽ làm các công dức." (Sill: 428-29) Thái tử trả lời từ tốn nhimg không kém phần nghị lực: "Bà con ác, phóng dật, Ngươi đến đây lam gì? Với công đức nhỏ bé5 Ta đâu có cần đến, Với ai cần công đức, Ác ma nên nói chúng. Đây có tín, tinh tấn, Và Ta có trí tuệ, Như vậy Ta tinh tấn, Sao ngươi hỏi Ta sống?9 (Sn. III: 432-34) Và Thái tử nói lên quyết tâm chiến đấu của mình: "Oi, này Namuci! Đây là quân đội ngươi, Đây quân đội chiến trận, Của dòng họ Kanha,

Kẻ nhát không thăng ngươi, Ai thăng ngươi được lạc. Ta mang cỏ mufya, Vững thay đây đời sống, Thà Ta chết chiến ựận, Tốt hơn sống thất bại." (Sn. III: 441-42) Và cuôi cùng, Ac ma that bại trước dũng chí của Thái tử, vừa bỏ đi vừa than: uBảy năm ta bước theo, Chân theo chân Thế Tôn, Không tìm được lỗi lầm, Nơi Thế Tôn chánh niệm. Như quạ bay xung quanh, Hòn đá như đống mỡ. Có thể có gì mềm? Có thể có gì ngọt? Không tìm được gì ngọt, Quạ từ đó bay di, Như quạ mổ hòn đá5 Ta bỏ Gotama." (Sn. III: 448-50) Câu chuyện thứ ba nói về Ẩn sĩ Asita (A-tư-đà) đoán tướng cho Thái tử. Asita thấy chư thiên vui mừng liền hỏi duyên cớ. Chư thiên đáp: "Tại xứ Lâm-tỳ-ni, Trong làng các Thíchca, Có sanh vị Bồ-tát, Báu tối thắng, vô tỷ. Ngài sanh, đem an lạc, Hạnh phúc cho loài người, Do vậy chúng tôi mừng, Tâm vô cùng hoan hỷ. Ngài, chúng sanh tối thượng, Ngài, loài người tối thắng, Bậc Ngưu vương loài người, Thượng thủ mọi sanh loại. Ngài sẽ chuyển pháp luân, Trong khu rừng ân si, Rống tiếng rống sư tử, Hùng mạnh, nhiếp loài (Sn. III: 688-89) Ẩn sĩAsita liền vội vàng đi đến Kapilavatthu để được chiêm ngưỡng Thái tử. "Sau khi thấy Thái tử, Chói sáng như lửa ngọn, Thanh tịnh như sao Ngưu, Vận hành giữa hư không, Sáng chiếu như mặt trời, Giữa trời thu, mây tịnh? Ẩn sĩ tâm hân hoan, Được hỷ lạc rộng lớn.,, (Sn. III: 692) Khi thấy Thái tử chói sáng như mặt trời, khi nghĩ đến viễn cảnh Chánh pháp được tuyên thuyêt, nghĩ đên phận mình già yêu, Asita đã phát khóc. "Khi vị ấy nghĩ đến, số mệnh của tự mình, Số mệnh không tốt dẹp, Vị ấy rơi nước mắt..." (Sn. III: 696) Trước sự lo lăng của các vị Thích-ca, An sĩ Asita giải tỏa môi lo lăng: "Thấy họ Thích lo lắng, Vị ẩn sĩ trả lời: 'Ta không thấy bất hạnh, Xảy đến cho Thái tử, Đối với Thái tử ấy, Chướng ngại sẽ không c6,

Vị này không hạ liệt, Chớ có lo lăng gì. Thái tử này sẽ chứng Tối thượng quả Bồ-đề, Sẽ chuyển bánh xe pháp, Thấy thanh tịnh tối thắng, Vì lòng từ thương x6t, Vì hạnh phúc nhiều người, Và đời sống Phạm hạnh Được truyền bá rộng rãi. Thọ mạng ta ở đời, Còn

lại không bao nhiêu, Đến giữa đời sống Ngài, Ta sẽ bị mạng chung. Ta sẽ không nghe pháp, Bậc Tinh Cần Vô Ty, Do vậy ta sầu não9 Bất hạnh và khổ dau." (Sn III: 697-99) Yếu tố thứ tư xác nhận sự cổ kính của tập Suttanipãta này là một số câu văn, một số ví dụ, một số hình ảnh được diễn tả? đã trở thành những câu cách ngôn dân gian: uBiển lớn thì im l/ng", "Khe nước thời chảy “Cái gì trống kêu to"? "Cái gì đầy yên lang." Những VI dụ này chp chúng ta thấy những kẻ ít hiểu biết thì hay nói nhiều, những kẻ hiểu biết nhiều thời thường im lặng như 2 câu kệ sau đây: "Hy học các dòng nước, Từ khe núi vực sâu, Nước khe núi chảy ồn? Biển lớn thì im lặng." (Sn. III: 725) “Cái gì trống kêu to, Cái gì đầy yên lặng, Ngu như ghè vơi nước, Bậc trí như ao dầy." (Sn. III: 726) Với những kẻ hay nói, họa sẽ tự miệng sanh, như câu kệ khéo diễn tả dưới đây: "Phàm con người đã sanh, Sanh với búa trong miệng, Kẻ ngu khi nói bậy9 Tự chặt đứt lấy minh." (% III: 662) r 7 y Hình ảnh sau đây có vẻ trào phúng, nói đên đàn quạ thây hòn đá lâm tưởng là miếng thịt mỡ, đển mổ để tìm cái gì ngọt, khi mo xong biết mình lầm liền bay đi. Câu kệ châm biếm Ác ma đi theo đức Phật để tìm cơ hội hại Ngài, cuối cùng hại Ngài không được nên bỏ đi. "Nhu quạ bay xung quanh, Hòn đá như đống mỡ, Có thể có gì mềm? Có thể có gì ngpt?" (Sn. III: 449) í4Không tìm được gì ngọt, Quạ từ đó bay di, Như quạ mổ hòn đá, Ta bỏ Gotama." (Sn III: 450) Một câu kệ nữa nói đến sóng biển không sanh ở giữa đại dương, cho chúng ta biết, kẻ đã giải thoát bao giờ cũng trầm tĩnh yên lặng, như bài kệ sau đây:

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH TẬP 293

"Nhu chính giữa trung ương Của biển cả đại dương, Sóng biển không có sanh, Biển hoàn toàn đứng lặng. Cũng vậy này Tỷ-kheo9 Hãy đứng lặng không động, Không tạo nên bồng bột, Đối sự gì ở dời" (% IV: 926) Đức Phật khuyên các người xuất gia, nên sống riêng một mình tinh tấn tu hành, như con tê giác chỉ có một sừng sống một mình trong rừng. "Do thân cận, giao thiệp, Than ái từ đấy sanh, Tùy thuận theo thân ái, Khổ này có thể sanh. Nhìn thấy những nguy hại, Do thân ái sanh khởi, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng." J (M: 36) "Nhu nai trong núi rừng, Không gì bị trói buộc, Tự đi chỗ nó muốn, Để tìm kiếm thức ăn. Như các bậc hiền trí, Thấy tự do giải thoát, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngtru một sừng."39) 9 (SnA:

Khi đức Phật thuyết pháp, giới thiệu đạo mới của Ngài, Ngài phải đương đầu với hai hệ thống xã hội rất hùng mạnh đang ngự trị trên xã hội Ấn Độ bấy giờ, tức là tổ chức Sa-môn và tổ chức Bà-la-môn. Mỗi hệ thống có một số giáo chủ cầm đầu với hội chúng, với chủ thuyết, với phương pháp tu hành sai biệt và nhiều khi mâu thuẫn nhau. Đức Phật đã mạnh dạn loại bỏ những gì Ngài xem là trở ngại cho con người giác ngộ, giải thoát, và tự mình vạch ra một con đường mới mẻ đặc biệt của Ngài. Trước hết, đức Phật không chấp nhận đời Sống người tu hành mà còn đoán số, đoán mộng, bói toán, ăn các đồ ăn do kệ tụng đem lại: “Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng, Hỡi này Bà-la-môn? Đây không phải là pháp, Của những người có trí, Chư Phật đêu từ bo, Ca hát các bài kệ, Chỗ nào pháp an trú, Hỡi này Bà-la-môn? Đấy chính là truyền thong.59 (Sn. Ill: 484) "Chớ có dùng bùa chú, Atharva, Vệ-đà, Chớ tổ chức đoán mộng, Coi tướng và xem sao, Mong răng đệ tử Ta, Không đoán tiếng thú kêu, Không chữa bệnh, không

sanh, Không hành nghề lang băm?5 (Sn. IV: 933) Đức Phật cũng không chấp nhận cầu mong điềm lành. Các chư thiên hỏi đức Phật làm thế nào được điềm lành (rnangală), đức Phật trả lời bằng 38 hành

động tốt, vì chỉ có hành động lành là điềm lành tối thượng, như Kinh Mangala đã khéo diễn tả:

"Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí,
Đảnh lễ người đáng lễ, Là điềm lành tối thượng?9
(Sn. II: 259)
"Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Khéo huấn luyện, học tập,
Nói những lời khéo nói, Là điềm lành tối thuợng.”
(Sn. II: 264)
“Hiếu dưỡng mẹ và cha, Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối5 Là điềm lành tối thượng.59
(Sn. li: 265) “b6 thí, hành đúng pháp, Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm, Là điềm lành tối thuợng.”
(Sn. II: 266)
“Chấm dứt, từ bỏ ác, Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp không phóng dật, Là điềm lành tối thượng.55
(Sn. II: 267)
“Kính lễ và hạ mình, Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời nghe Chánh pháp, Là điềm lành tối thượng."
(Sn. li: 268)

Như vậy, đức Phật bác bỏ sự tin tưởng ở điêm lành và khuyên khích làm các hạnh lành, vì các hạnh lành là điềm lành tối thượng. Thêm một bước nữa, đức Phật không chấp nhận quan điểm của các Bà-la- môn tin tưởng ở thuyết thọ sanh, cho mình là giai cấp đáng tôn trọng nhất, chỉ vì sanh ra từ miệng Phạm thiên và do vậy các giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà phải tôn trọng phục vụ giai cấp Bà-la-môn. Đức Phật chống lại quan điểm thọ sanh này và tuyên bố rằng chỉ do hành động mới đánh giá giá trị con người, xem con người có đáng tôn trọng hay không. "Bần tiện không vì sanh, Phạm chí không vì sanh, Do hành thành bần tiện, Do hành thành Phạm chí." (Sn. I: 136) "Không phải do sanh đẻ, Được gọi Bà-la-môn, Không phải do sanh đẻ, Gọi phi Bà-la-môn. Chính do sự hành động, Được gọi Bà-la-môn, Chính do sự hành động, Gọi phi Ba-la-mon?9 (M. 98, Kinh Vãsetthă) Bước thêm một bước nữa, đức Phật bác bỏ các luận thuyết, các triết lý suông, vì chúng không thể đưa con người đến giải thoát, an tịnh. Có đến 63 luận

thuyết thịnh hành trong thời đức Phật và đức Phật đều bác bỏ chúng, vì chúng chỉ gây thêm tranh luận:

"Các Sa-môn tranh luận, Có đến sáu ba thuyết,

Các ngôn thuyết văn tự, Y đây các tưởng khởi,
Vị ây vượt qua được, Dòng nước mạnh sanh tử."
(S III: 543)
“Ai thiên trú trong kiến, Xem kiến ấy tối thắng,
Ở đời đạt kiến ấy? Vào địa vị tối thượng,
Người ấy nói tất cả Người khác là hạ liệt,
Do vậy không vượt khỏi Sự tranh luận ở
(Sn. IV: 802)
"Những ai muốn tranh luận, Sau khi vào hội chúng,
Họ công kích lẫn nhau, Họ gọi nhau là ngu,
Họ đi đến người khác, Và khởi lên tranh luận,
Họ muốn được tán than, Họ gọi chúng thiện xảo.^,
(Sn IV: 831)
"Cái làm nó công cao, Cũng là đất hại nó,
Tuy vậy nó vẫn nói, Lời cống cao5 kiêu mạn,
Khi thấy được như vậy, Hãy đừng có tranh luận,
Bậc thiện xảo nói răng, Thanh tịnh không do vay."
(S. IV: 836)
"Không phải từ tri kiến, Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới câm, Thanh tịnh được đem đến.,,
(Sn IV: 845)
"Ngươi đã có cuồng tín, Không đưa đến thanh tịnh,
Vì đã có thiên vị, Với tri kiến tác thành,
Y chỉ nơi cái gì, Nơi đấy là tinh sạch,
Người tuyên bố thanh tịnh, Thấy ở đấy như vay."
(Smiv 916)
Sau khi bác bỏ mê tín dị đoan, tà kiên5 truyên thông, điêm lành, các luận thuyết, tế thần, tế lửa, VV...đức Phật tự mình xây dựng con đường giải thoát, giác ngộ của mình. Và tập Suttanipãta sưu tầm cho chúng ta thấy những bài kệ diễn tả đức Phật sai khác với các ngoại đạo sư hiện tại như thế nào. Trước hết, Ngài là bậc Có Mắt (Cakkhumantù). Có Pháp Nhãn thấy rõ tất cả: uĐức Phật thật có mắt, Đối với tất cả pháp.” .I: I6l)

296 KINH TIỂU Bộ

"Bậc Có Mắt xuất hiện, Đời này và thiên giới, Quét sạch mọi u ám, Độc cư, chứng an]ạc" (Sn. IV: 962) ấy, Chánh Đẳng Giác, Hỡi này Bà-la-môn, Đã đi đến bờ kia, Đối với tất cả pháp, Đạt được cả sức mạnh? Của tất cả thắng trí, Bậc Có Mắt thấy được, Trong tất cả các pháp, Đạt được sự diệt tận, Của tất cả các pháp, Được giải thoát, diệt tận, Đối với các sanh y." (Sn. V: 998) Đức Phật là vị có một cái nhìn sáng suốt, một sự hiểu biết thấu triệt, thấy đau khổ trong các chủ thuyết, không chấp nhận chủ thuyết nào, tìm đến

chân lý, Ngài thấy được sự an tịnh nội tâm. "V&i Ta không có n6i, Ta nói như thế này5 Sau khi quán sát kỹ, Sự chấp thủ trong pháp. Trong tất cả tri kiến, Ta không có chấp trước, Ta thấy sự cất chứa, Tịch tịnh trong nội tâm.” (Sn. IV: 843) "Ai đã chặt sanh hữu, Không còn gieo giống thêm, Sanh hữu đã đoạn tận5 Không muốn nó tùy sanh, Được gọi là Ẩn sĩ, Một mình đi im lặng, Bậc Ẩn sĩ đã thấy, Con đường tịch tịnh ấy." (Sn. I: 210) Nếp sông đức Phật giới thiệu là một nếp sông của vị An sĩ Mâu-ni, một vị đã từ bỏ gia đình sống không gia đình, không có trú xứ nào. "Thân mật sanh sợ hãi, Trú xứ sanh bụi bặm, Không trú xứ, không thân, Hình ảnh bậc Ẩn si." (Sn. I: 209) Một vị đã nhiếp phục tham ái và ái dục, không để ái dục chi phối. "Vị ấy sống viễn ly, Mọi sự việc ở đời? Bậc Long tượng không chấp, Và không nói đến họ, Như hoa sen có gai, Sanh ra ở trong nước, Kh6ng bị nước và bùn, Mắc dính và thân ướt. Như vậy bậc Ẩn sĩ, Nói an tịnh, không tham, Không bị dục và đời5 Mắc dính và thấm ướt." (Sn. IV: 851) Một vị ẩn sĩ không có thiếu thốn, không có tri kiến, không có tà kiến, từ bỏ các chủ thuyết và không có tranh luận với ai ở đời.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH TẬP 297

"V&i ai có chấp thủ, Bị chỉ trích trong pháp, Với ai không chấp thủ, Lấy gì có thể nói? Chính đối với vị ấy, Ngã, phi ngã đều không, Vị ấy đã tẩy sạch, Mọi tà kiến ở (Sn. IV: 793) uMột sô người nói răng: 'Đây mới là sự thật\ Họ nói các người khác, Là trống không, giả dối. Do chấp thủ như vậy, Họ tranh luận, đấu tranh, Vì sao bậc Sa-môn, Không cùng nói một lòd?" (Sn. IV: 889) "Thường trú xả, chánh niệm, Ở đời không nghĩ mình, Bằng, hơn hay thua người, Vị ấy không bồng b0t." IV: 861) Sống đời sống viễn ly, không tham đắm vật gì, vị ẩn sĩ sống đời sống vô hữu, không có "ta"; không có ucủa ta9\ thực hành hạnh vô ngã một cách tốt đẹp. ấy không con cái, Thú vật, ruộng, đất đai, Không có gì nắm lấy, Là ta, là không ta.” (Sn. IV: 864) "Ai không có vật gi, Không có, không sầu muộn, Không đi đến các pháp, Vị ấy gọi an tịnh?9 (Sn IV: 867) "Không nghĩ 'đây của tôi\ Không nghĩ 'đây của người\ Người không có tự ngã, Không sầu vì không ngâL" (Sn IV: 957) Nhờ thực hành vô ngã, vị ẩn sĩ đi đến an tịnh trong nội tâm: "Hãy giữ được an tịnh, về phía tự nội tâm, Tỷ-kheo không cầu tìm, An tịnh từ chỗ khác. Với người được an tịnh, Từ phía tự nội tâm, Đã không có tự ngã, Từ đâu co vô ngã! (Sn. IV: 925) Và đích cuối cùng của con đường tu hành, đối với vị ẩn sĩ là "Niết-bàn tịchtịn^.

"Từ bỏ lòng tham dục, Đây Tỷ-kheo có tuệ, Chứng bất tử, tịch tịnh, Niết-bàn giới thường trú.” (Sn. n 206) Một điêm son đáng chú ý là tập này có một sô kinh rât phô thông, và được chư Tăng các nước Nam tông tụng đọc thường xuyên như Kinh Châu báu (Ratanasuttă). Kinh Điềm lành (Mangaỉasutta) và Kinh Tâm từ (Metíasutta).

298 > KINH TIỂU Bộ

Ngoài ra, có nhiều bài kinh ngắn gọn, ý tứ hàm súc, tán thán hạnh ẩn si, làm nổi bật đặc điểm của tập này là tán dương đời sống của vị xuất gia tầm đạo như Kỉnh Răn (Uragasuttă), Kinh An sĩ (Munisuttd), Kinh Rãhula (Rãhulasuttd), Kỉnh Dhammỉka (Dhammikasuttă). Kinh Nãlaka (Nãlakasuttà), Kinh Bại vong (Parãbhavasutta), Kinh Con đường mau chóng (Tuvatakasuttd), Kinh Chấp trượng (Attadandd), Kỉnh Sãrỉputta

(Sãriputtasuttă). Những kinh này phần lớn đề cập đến hạnh ẩn si, và như vậy làm nổi bật bối cảnh an tịnh tu hành mà tập Suttanỉpãta này đề cao một cách đặc biệt.

(Lời Giới thiệu Kinh tập 1978 và 1982)

DẪN LUẬN KINH TẬP SUTTANIPẢTA 1. về từ ngữ và sự trùng lặp Nói về ý nghĩa từ nguyên của Kinh tậpf các tác giả của Phật Quang đại từ cho rằriẸ “Vi các bộ kinh khác đều có bản săc, có tựa đề riêng, chỉ có Kinh tập là tuyển tập do tổng hợp từ các bộ kinh khác nên gọi là Kinh tập Bản văn kinh thứ năm của Kinh Tiểu bộ trong Kinh tạng Pãli có tên nghĩa đen là ^Tuyến tập các bài kinh' The Sutta Collection gồm 5 phẩm yaggaf 70 kinh sutta,,1.155 bài thi tụng gãthã,,mỗi bài có 4-12 câu thơ. Phẩm Nhóm tám Atthakavagga, Sn. IV: 772-981, 2 và phẩm Con đường đến bờ bên kia Pãrãyanavagga, Sn. V: 982-1155,được lưu truyền dưới dạng biệt bản rất sớm nên Kinh tập được xem là bản văn cổ xưa nhất của kinh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ.23 Dựa trên ấn bản Pãli Tích Lan, PTS và ấn bản Pali của Chattha Saõgăyana Tipitaka CST, cách phân chia và bố cục cũng có phần chưa ăn khớp với nhau:

Bản CST Bản Tích Lan Bản PTS Phẩm Số kinh Số thi kệ Số kinh Số thi kệ Số kinh Số thi kệ Phẩm I 12 kinh 1-223 12 kinh 1-223 12 kinh 1-221 Phẩm II 14 kinh 224-406 14 kinh 224-406 14 kinh 222-404 Phẩm III 12 kinh 407-771 12 kinh 407-769 12 kinh 405-765 Phẩm IV 16 kinh 772-981 16 kinh 770-979 16 kinh 766-975

\Tham chiếu: Phật Quạng đại từ điển (): fgs drser.aspx/ (truy cập ngày 14/2/2021). Atthakavagga, (Aithakavagga còn được dịch nghĩa là Phẩm Tdm, Phẩm Tám phảp hoặc Phẩm Tám kệ). 3 Tham ^ếu:PhậtQuạngđại từ điện (). book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 14/2/2021).

16 kinh, 16 kinh, 16 kinh, Phẩm V 982-1155 980-1154 976-1149 3 bài kệ 2 bài kệ 2 bài kệ 70 kinh, 1155 72 kinh, 1154 72 kinh, 1149 3 bài kệ thi kệ 2 bài kệ thi kệ 2 bài kệ thi kệ Vê ngôn ngữ và văn phong, Kinh tập được viêt băng văn phong Pãli cô xưa, cách chia động từ, danh từ sô nhiều, chủ cách sô nhiều và sử dụng cách số ít của danh từ không tìm thấy trong 4 bộ kinh Pãli nhưng rất gần với văn phong kinh điển Veda của Ấn Độ giáo. Điều này góp phần tạo nên tính chất nguyên thủy của Kinh tập.4 Đối tượng nẹười nghe và đối thoại với đức Phật trong Kinh tập rất đa dạng, đại diện cho nhiêu thành phần trong xã hội như nhà vua, đạo sĩ Bà-la-môn, tiên nhân, người nông dân và người chăn trâu. Ngôn ngữ lời thoại trong Kinh tập rất giản dị? đi vào các vấn đề thực tiễn, đồng thời cũng nhấn mạnh đến việc tu dưỡng đạo đức. Khi phiên dịch và giới thiệu kinh này, Laurence Khantipalo Mills có ý cho rằng đặc điểm của Kỉnh tập là bản văn không trùng lặp so với Kinh tạng Trung Quôc và Kinh tạng của Phật giáo Tây Tạng, mặc dù có một số trùng lặp so với Kinh tạng Pãli.5 Bhikkhu Thanissaro chứng minh ngược lại một cách thuyết phục rằng: “Nhiều truyền thống [Phật giáo] chia sẻ cùng các thi kệ nhưng có cách sắp xếp các thi kệ theo cách khác nhau. Chẳng hạn, kinh điển Trung Quốc có 16

bài kệ giống với 16 bài kệ trong phẩm IV của Kinh tập, phẩm Atthaka. nhưng 2 trong các bài thi kệ này lại được tìm thấy trong các kinh điển Pãli khác9\67như 16 kinh thuộc Phật thuyết Nệhĩa túc ().7 Ngoài ra, còn có nhiều bài kinh của Kinh tập có the tìm thấy trong Trung A-hàm ( ) và Tạp A-hàm ().Ví dụ: Sn. II. §7 được tìm thay trong MÃ. 156;8 Sn. I. §10 â\xợc tìm thấy trong SÃ. 1326.9

4 Tham chiếu chi tiết trong uLời giới thiêu" ciỉa HT. Thích Minh Châu về Kỉnh tập (TP. HCM: Thiền viện Vạn Hạnh, 1978), tr. 204-05. 5 Tham chiếu: Laurence Khantipalo Mills (tr.), Anthology of Discourses (Kỉnh tập) (SuttaCentral, 2015), p. xiii: "The text is, so far as we know, unique to the Pali tradition. There are no parallels to the book as a whole in the Tibetan or Chinese canons, nor any references to it in the northern traditions. There are, however, many parallels to specific verses or sections of the text; among others, the Ratana Sutta, Khaggavisãna Sutta, and Atthakavagga have important parallels. Several of úie texts, such as the Sela Sutta, Te found elsewhere in the Pali òấnon." http://ftp.budaedu.org/ebooks/pdf/EN39 1 .pdf7 (truy cập ngày 14/2/2021). 6 Bhikkhu Thanissaro: "Different traditions shared many of the same verses, but that they organized those verses in different ways. The Chinese Canon, for instance, contains a section composed of 16 poems similar to the 16 poems in the fourth chapter of the Sutta Nipãta - the Atthaka Vagga - but to two of those poems it adds verses found elsewhere in the Pali Canon.^, Xem https://www.dhammatalks.org/suttas/KN/StNp/introduction.html#stnp_intro_note01/ (truy cập ngày 14/2/2021). 7 Xem (r.O4. 0198. 0174b08). 8 Xem Trung A-hàm 4tPhạm chí phẩm", Phạm Bà-la-diên kinh (7.01. 0026.156. 0678a25). 9 Xem TạpA-hàm kỉnh (r.02. 0099.1326. 0364b21).

DẪN LUẬN KINH TẬP 301

CÓ một Số kệ trùng lặp giữa Kinh tập với kinh điển Pãli khác. Kinh Dhanỉya (Sn. I: 18-34) trùng với s. I. 6, 107; Kinh Thế nào là giới? (Sn. II: 326-32) trùng với J. III. 441; Kinh Tinh cần (Sn. III: 427-51) trùng với s. I. 122; Kinh Khéo thuyết (Sn. III: 452-56) trùng với s. I. 188, Thag, V. 1209; Kinh Sundarika Bhãradvặịa (Sn. III: 457-90) trùng với s. I. 167; Kinh Mũi tên (Sn. III: 579- 98) trùng vơi Vỉn, I. 199; Kỉnh Vasettha (Sn. Ill: 599-661) tìm thấy trong Kỉnh Vãsettha (số 98) thuộc Kinh Trung bộ. Hai kệ Sn. I: 45-6 trong Kinh Con tê ngưu một sừng trùng với M. III. 152, Dh. V. 328-9, Vìn. I. 337 Kẹ 5«. I: 73, Sn, I: 175-77 trùng với 5.1. 16, 53. Kinh Kasỉbhãradvãja (Sn. I: 76-82) trùng với s. L 172, Sn. 79. Các bài kinh Sn. L §4 trùng với S. I. 172; Sn. I. §10 trùng với s. I. 213; Sn. II. §5, Sn. IIL §3, ók III. §7 và Sn. III. §9 trùng lặp với Kinh Vãsettha (số 98) trong Kinh Trung bộ (Majjhima Nikãya). Các Kinh Châu báu (Ratanasutta, Sn. II: 224-41) trùng với Kh. VI; Kinh Tâm từ (Mettasutta, Sn. I: 143-52) trùng với Kh. VIII; Kinh Điềm lành (Mangalasutta, Sn, II: 261-72) trùng vơi Kh. II. Trải qua hàng thế kỷ, các bài kinh nêu trên đã trở thành các kinh gối đầu giường rất quen thuộc với cộng đồng Phật giáo Nam truyền.

2. về các bản dịch Bản dịch tiếng Trung của "Kinh tập" do Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc xuất bản ()và phát hành lần đàu tiên vào tháng 1 năm

1990, chỉ có 1.000 bản. Kinh tập có các bản dịch tiêng Anh của L B. Homer, Walapola Rahula và Hội Thánh điển Pãli. Ngoài ra còn có các bản dịch: Bodhi Bhikkhu (tr.)? The Suttanỉpãta: An Ancient Collection ofthe Buddha's Discourses Together with Its Commentaries (Kinh tập: Tuyên tập cô vê các bài kinh Phật và bản Chú giải) (Boston: Wisdom Publications, 2017). John Ireland, The Discourse Collection: Selected Texts from the Sutta Nipãta (Tuyển tập các bài kinh: Các bản văn chọn lọc từ Kinh tập) (Sri Lanka: BPS "Wheel59 Publication, No. 82). Norman, K. RThe Group ofDiscourses (Nhóm các bài kinh) (Oxford: PTS, 2001, 2nd edn.). Saddhatissa, HThe SuttaNipãta (Kinh tap) (London: Curzon Press, 1985). Thanissaro Bhikkhu (tr.), Sutta Nipãta: The Discourse Group (Kinh tap: Nhóm các bài kinh) (USA: Metta Forest Monastery, 2016). Mills, Laurence Khantipalo (tr)Anthology of Discourses (Kinh tập) (SuttaCentral, 2015).

Đối với hơn 10 bản dịch trong các ngôn ngữ khác, độc giả có thể xem tại 3. về thể tài văn học và số lượng bảỉ kỉnh kệ Phần lớn Kinh tập là tuyển tập các bài kinh thuộc giai đoạn đầu của Kinh tạng, với tổng cộng 1.155bài thi tụng ().Nếu Kinh Pháp cú (Dhammapadă) là tuyển tập các thi kệ gắn liền với các chủ đề khác nhau, hoặc Kỉnh Phật tự thuyết (Udãna) và Kinh Phật thuyết như vậy ựíivuttaka) là hai tuyển tập thi kệ gắn liền với các câu chuyện văn xuôi trước đó thì Kinh tập là chuỗi các bài thi kệ không thuộc các mô-típ trên. Có rất nhiều bài kinh chỉ là các thi kệ. về số lượng, các bài thi kệ trong Kinh tập rất khác nhau trong các phẩm, về hình thức, bài kinh dài nhất trong Kinh tập có 63 thi kệ (Vasetthasutta, Sn. III. §9), trong khi kinh ngắn nhất chỉ có 3 thi kệ (Sũcilomasutta, Sn. II. §5). Có điểm tương đồng giữa Kỉnh tập và Phẩm Sagãthã trong Kinh Tương ưng bộ (Samyutta Nỉkãyă) gồm chuỗi các thi kệ được trình bày theo dạng đối thoại và vấn đáp. Có các câu chuyện đối thoại khá dài như Sn. III. § 1, §2, § 10. Đây được xem là đặc điểm thi kệ trong Kinh tập, so với các bản kinh thuộc Kinh Tiểu bộ có nhiều thi kệ. Kinh tập có nhiều bài kinh chứa những ẩn dụ (upamã) sâu sắc như Sn. I § 1, §3, §8, §9 §12; II. §], §3, §5, §6, §8 §14; III. §1,§2? §4§6, §8-12; IV. §], §2 §4, §6-9, §14-6; V. §6, §11. Đồng thời, Kỉnh tập cũng có nhiều dụ ngôn như Sn. I. §4, §6, §9, §12; II. §1, §9, §13-4; III. §2, §& §7, §11-2; IV. §7, §13, §15; V. §l-3?§6?§10,§13. 4. về chủ đề và nội dung Phẩm thứ nhất là Phẩm Rắn (Ưragavagga,)gồm có 12 kinh với 223 thi kệ, bắt đầu từ kệ 1-223, phần lớn một khổ kệ có 8 câu. Kỉnh Rắn (Uragasutta, Sn. I. §1,)gồm các kệ 1-17, khích lệ từ bỏ các trói buộc tâm gồm phẫn nộ, tham dục, tham ái, kiêu ngạo, sanh hữu, phẫn hận, nghi hoặc. Kinh Dhaniya (Dhaniyasutía, Sn. I. §2")gồm các kệ 18-34. Đức Phật nói về việc Ngài đã dứt tâm phẫn nộ, sống nhu thuận, không chấp sở hữu, an vui, vượt qua bờ bên kia, không còn tái sanh. Kinh Con tê ngưu một sừng (Khaggavisanasutta, Sn. I. §3,)gồm các kệ 35-75. Đức Phật dạy dứt nghiệp sát hại, hận thù; từ bỏ tham ái, tham dục buộc ràng; buông bỏ tranh luận, hý luận; gàn bạn thiện, thích nghe chân lý; từ bỏ các trói buộc tâm; xuất gia có lý tưởng, cứu độ nhân sinh. Kinh Kasibharadvaja (Kasibharadvajasutta, Sn. I. §4,) gồm các kệ 76-82.
Đức Phật dạy kỹ năng cày ruộng tâm gồm niềm tin, sự thực hành, trí tuệ, xâu hô, chánh niệm, phòng hộ các giác quan, tinh tân không ngừng.

DẪN LUẬN KINH TẬP 303

Kinh Cunda Cundasutta, Sn. L §5,gồm các kệ 83-90, nói về bốn hạng Sa-môn gồm người chiến thắng con đường, người thuyết giảng con đường, người sống trên con đường và kẻ làm ô uế đạo. Kinh Bại vong Parãbhavasutta^ Sn, I. §6,gồm các kệ 91-115, nói về 12 cửa ngõ bại vong. Kinh Kẻ bần tiện Vasalasutta, Sn. I. §7,gồm các kệ 116-42, trình bày cách nhận biết người bần tiện qua các thói xấu như phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha, tà kiến, man trá, hại vật, cướp đoạt, lấy của không cho, trốn nợ, giết người, cướp của, nói láo, ép tình, không báo hiếu, dối trá, ngụy quân tử, vô ơn, lường gạt, hám lợi? cao ngạo, khinh người, gây hấn, hà tiện, ác dục9 xan tham, xảo quyệt, không có tàm quý, phỉ báng đức Phật và đệ tử của Phật, không phải là bậc A-la-hán nhưng lại tự nhận mình là A-la-hán và ăn thịt chó. Kinh Tâm từ Mettasutta, Sn; I. §8,gồm các kệ 143-52. Đức Phật dạy cách phát triển và trải tâm từ đến với mọi người, động vật và thực vật để xây dựng một cuộc sống hòa bình và hạnh phúc. Kinh Hemavata Hemavatasutta, Sn. I. §9,gồm các kệ 153-82. Hai vị dạ-xoa ca ngợi đức Phật được đức Phật dạy về sáu pháp tác thành thế giới và chỉ ra con đường thoát khổ. Kinh ÃỊavaka ÃỊavakasutta, Sn. I. §10,gồm các kệ 183-94, nói về giá trị đặc biệt của lòng tin, Chánh pháp, chân lý và trí tuệ. Kinh Thắng trận Vijayasutta, Sn, I. §11,gồm các kệ 195-208, nói về nhận thức tính tổ hợp, duyên sinh, bất tịnh của 32 thể trược và sự tan rã thân sau khi chết. Kinh Ân sĩ Munisutta, Sn, I. §12,gồm các kệ 209-23, ca ngợi ẩn sĩ chiến thắng tham ái, dứt được tái sanh, làm chủ tâm trong mọi hoàn cảnh. Phẩm thứ hai là Phẩm Nhỏ CũỊavagga,gồm 14 kinh với 183 thi kệ, bắt đầu từ kệ 224-406. Quen thuộc nhất là Kinh Châu báu Ratanasutta, Sn. II. §1,gồm các kệ 224-41, nói về giá trị siêu tuyệt của Phật, Pháp, Tăng; giá trị về sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm do thiền định. Kinh Hôi thối Amagandhasutta, Sn. II. §2,gồm các kệ 242-55. Đức Phật Kassapa dạy thế nào gọi là người ăn đồ thối và không ăn đồ thối. Kinh Xấu hổ Hirisutta, Sn. II §3,gồm các kệ 256-60, nói về bạn đáng xấu hổ với các tính cách không chịu khó, nói suông, nghi ngờ, tìm nhược điểm người khác. Kinh Điềm lành hay Kinh Cat tường Mangalasutta, Sn. II. §4, gồm các kệ 261-72, dạy về 38 giá trị sống tạo nên chất lượng hạnh phúc cao và bền vững.

304 KINH TIỂU Bộ

Kinh Sũciloma (Sũcilomasutta, Sn. II. §5,)gồm các kệ 273-75, cho rằng tham, sân, ghét, thích, sợ hãi phát sanh từ cao ngạo và chấp ngã. Kinh Hành Chánh pháp (Dhammacarỉyasutta. Sn. II. §6,)gồm các kệ 276-85, nói về người xuất gia chân chánh phải vượt qua thói lắm mồm? ưa tranh cãi, vô minh, ác dqc, ác tư duy, ác oai nghi. Kinh Theo pháp Bà-la-môn (Brahmanadhammikasutta, Sn. II. §7,)gồm các kệ 286-317. Đức Phật nhắc lại pháp Bà-la-môn thơi xưa, đó là pháp của bậc ẩn sĩ sống chế ngự, từ bỏ năm dục trưởng dưỡng, sống Phạm hạnh, nhẫn nhục, tổ chức tế tự đúng pháp, không có giết hại,...; pháp Bà-la- môn thời xưa này đem lại sự an lạc cho dân chúng. Kinh Chiếc thuyền (Nãvãsutta, Sn. II. §8,)gồm các kệ 318-25, dạy mọi người cung kính, thực hành theo vị đa văn rõ biết Chánh pháp, truyền bá chân lý5 hướng dẫn cách tu hành. Kinh Thế nào là giới? (Kỉmsĩỉasutta, Sn. II. §9,)gồm các kệ 326-32, nói

về giới đức và hạnh chân chánh, đạt được mục đích giải thoát. Kinh Đứng dậy (Utthanasutta, Sn. II. § 10,)gồm các kệ 333-36, dạy cách phải sống tỉnh thức để tinh tấn tu tập không bị phóng dật, vượt qua ái dục? vô minh. Kinh Rãhula (Rãhulasutta, Sn. II. §11,)gồm các kệ 337-44. Đức Phật dạy Tôn giả Rãhula hạnh tôn trọng những bậc có trí tuệ và cách sống để trở thành người trí. Kinh Vangĩsa (Vangisasutta, Sn. II. §12, gồm các kệ 345-60. Tôn giả Vangĩsa đến gặp đức Phật hỏi về việc nhập Niết-bàn của vị thầy tế độ của mình và xin cầu pháp giải thoát. Kỉnh Du hành chơn chánh (Sammãparibbậjanỉỵasutta. Sn. II. §13,)gồm các kệ 361-77. Đức Phật dạy các phẩm chất để trở thành người xuất gia có lý tưởng và độ sanh hữu hiệu. Kinh Dhammika (Dhammikasutta. Sn. II. §14,)gồm các kệ 378-406. Đức Phật dạy cách tu để người xuất gia hoàn thành hạnh Thánh. Phẩm thứ ba là Phẩm Lớn (Mahãvagga,)gồm 12 bài kinh với 365 thi ke, bắt đầu từ kệ 407-771. “ Kinh Xuất gia (Pabbajjasutta, Sn. IIL §1,)gồm các kệ 407-26, ca ngợi hạnh xuất gia của đức Phật. Kỉnh Tỉnh cần (Padhãnasutta, Sn, III. §2,)gồm các kệ 427-51. Đức Phật dạy cách tu tập tinh tấn và trí tuệ để đạt được thành quả tu học. Kinh Khéo thuyết (Subhãsitasutta, Sn. III. §3,)gồm các kệ 452-56, dạy cách nói lời khả ái? vượt qua tự ngã.

DẪN LUẬN KINH TẬP 305

Kinh Sundarika Bhãradvãja Sundarỉkabhãradvãịasutta, Sn. III. §4, gồm các kệ 457-90. Phật nói về những phẩm chất đạo đức và trí tuệ mà đạo sĩ Bà-la-môn cần có. Kinh Mãgha Mãghasutta, Sn, III. §5,gồm các kệ 491-514. Đức Phật dạy bố thí và tạo dựng sự nghiệp đúng cách để được hưởng quả phúc, qua đó, đề cao giá trị của người xuất gia. Kinh Sabhỉya Sabhiyasutta, Sn. III. §6,gồm các kệ 515-52. Đức Phật dạy những pháp mà người xuất gia cần thực tập để đưa đến giác ngộ, giải thoát. Kỉnh Sela Selasutta, Sn. III. §7,gồm các kệ 553-78, trùng với nội dung Kinh Sela số 92 trong Kinh Trung bộ và Vỉn. I. 199. Kinh Mũi tên Sallasutta, Sn. III. §8,gồm các kệ 579-98, nói về vòng sinh mạng của con người và cách trở thành người hữu ích. Kinh Vãsetthayãsetthasutta. Sn. III. §9,gồm các kệ 599-661, nói về những đức tính của một Bà-la-môn chân chính. Kinh Kokãliya Kokãliyasutta, Sn III. §10,gồm các kệ 662-83, nói về nguyên nhân sa đọa cõi dữ chính bởi các hành động và lối sống bất thiện. Kinh Nãlaka Nãlakasutta, Sn. III. §11,gồm các kệ 684-728, nói về câu chuyện đức Phật đản sinh tại Lumbini và xuất gia tu tập. Kinh Hai pháp tùy quản Dvayatãnupassanãsutta, Sn. III. §12, gồm các kệ 729-71, dạy hai pháp quán về khổ và nguyên nhân khổ cũng như Niết-bàn và con đường giải thoát. Phẩm thứ tư là Phẩm Nhóm Tám Atthakavagga,có 16 bài kinh, với 210 thi kệ5 bắt đầu từ kệ 772-981. Kinh về dục Kãmasutta. Sn. IV. §1,gồm các kệ 772-77, giảng về giá trị của sự chuyển hóa tham dục đưa đên bờ giải thoát. Kinh Hang độnệ tám kệ Guhatthakasutta, Sn. IV. §2,gồm các kệ 778-85, đề cập đên tác hại của dục, si mê trói buộc và cách tu tập để vượt qua. Kinh Sai lạc tám kệ Dutthatthakasutta, Sn, IV. §3,gồm các kệ 786-93, nói về cách vượt qua sân hận, gian dối, cao ngạo và chấp thủ. Kinh Thanh tịnh tám kệ Suddhatthakasutta, Sn. IV. §4,gồm các kệ 794-801, giải thích cách tu để đạt được sự thanh tịnh, hoàn thiện đạo đức, trí tuệ, không chấp thủ mọi thứ trên đời. Kinh Tối thắng tám kệ Paramatthakasutta^ Sn. IV.

§5,gồm các kệ 802-09, phản ánh kiên chấp cực đoan của những người tự cho mình là tối thượng, người vượt qua chấp ngã, không nắm giữ bất cứ điều gì sẽ đến bờ bên kia.

306 KINH TIỂU Bộ _____

Kinh Già ựarãsutta, Sn. IV. §6,gồm các kệ 810-19. Sự vô thường, già chết của đời người, kéo theo sầu khổ, nên đức Phật dạy từ bỏ mọi chấp thủ về sở hữu. Bậc hiền trí với hạnh sống viễn ly, vượt qua các trói buộc, những ham muốn và ganh tị không làm bẩn tâm vị ấy. Kinh Tissa Metteyya Tissametteyyasutta, Sn. IV. §7,gồm các kệ 820-29, nói đến tác hại của dâm dục. Bậc ẩn sĩ là vị vượt khỏi bộc lira, không bị tham dục trói buộc, không còn sầu não nên người đời ganh tị. Kinh Pasũra Pasũrasutta, Sn. IV. §8,gồm các kệ 830-40, khích lệ vượt qua mọi tranh luận hơn thua để không chìm trong vui buồn tương đối, sống hữu ích và giá trị. Kinh Magandiya {Magandiyasutta, Sn. IV. §9,gồm các kệ 841-53. Nhân việc từ chối ông Mãgandiya muốn gả con gái cho Phật, đức Phật dạy cách vượt qua mọi sự so sánh? tranh chấp? sông không bị trói bug xung đột, như hoa sen trong bùn. Kinh Trước khi bị hủy hoại Purãbhedasutta, Sn. IV. §10,gồm các kệ 854-67, dạy cách sống an lạc, vượt lên trên mọi đối đãi, giới hạn. Kinh Tranh luận Kalahavỉvãdasutta, Sn. IV. §11,gồm các kệ 868-83. Đức Phật giải thích nguyên nhân của tranh luận, tranh chấp, tham ái, cảm xúc, đồng thời chỉ ra lối sống đạt được sự an tịnh. Kinh Những vấn đề nhỏ bé CũỊabyũhasutta, Sn. IV. §12,gồm các kệ 884-900, đề cập giá trị của sự thật đích thực giữa vô vàn các tuyên bố về sự thật của các tôn giáo và học thuyết. Kinh Những vấn đề to lớn Mahabyiihasutta, Sn. IV. §13,gồm các kệ 901-20, nói về quan điểm thấy biết, chân lý và kỹ năng sống vượt qua các hệ lụy của tà kiến và giới cấm thủ. Kinh Con đường mau chóng Tuvatakasutta, Sn. IV. §14,gồm các kệ 921-40. Đức Phật dạy cách làm chủ giác quan, cảm xúc, ăn uống tiết độ5 tu thiền định, không bùa chú, không sợ hãi, không phóng túng để được an vui. Kinh Chấp trượng Attadandasutta, Sn. IV. §15,gồm các kệ 941-60. Đức Phật hướng dân cách vượt qua tranh luận, đâu đá? tâm sở hữu và chấp ngã, nhờ đó được an lạc. Kinh Sãriputta Sãrỉputtasutta, Sn. IV. §16,gồm các kệ 961-81. Ngài Sãrỉputta ca ngợi các phâm chất đạo đức và trí tuệ cao quý của đức Phật, và hỏi đức Phật cách để vượt qua những thói phàm. Phẩm thứ năm là Phẩm Con đường đến bờ bên kia Pãrãyanavagga, gồm có 16 kinh, 1 bài kệ đầu? 2 bài kệ cuối, với 174 thi kệ? bắt đầu từ kệ 982-1155.

DẴN LUẬN KINH TẬP 307

Bài kệ mở đầu Vatthugãthã. Sn. V. §1,gam các kệ 982-1037, kể về câu chuyện Bà-la-môn Bãvarĩ phái 16 đệ tử trẻ đến đánh giá Phật có thật sự là vị đã giác ngO, giải thoát. Câu hỏi của thanh niên Ajita Aịitamãnavapucchã, Sn. V. §2, gồm các kệ 1038-45. Thanh nienAjita hỏi và đức Phật trả lời vấn đề xoay quanh chánh niệm, tỉnh thức và cách để vượt qua danh, sắc. Câu hỏi của thanh niên Tỉssa Metteyya {Tissametteyyamãnavapucchã, Sn. V. §3,g8m các kệ 1046-48. Đức Phật dạy cách nhận diện người vượt qua sự nhiễm đắm, luôn giữ chánh niệm và không bị dao động. Câu hỏi của thanh niên Punnaka Punnakamanavapuccha, Sn. V. §4,‘

gồm các kệ 1049-54. Đức Phật dạy cách vượt qua già chết mà không cần tế đàn, cầu nguyện, chỉ cần làm chủ tâm. Câu hỏi của thanh niên Mettagũ Mettagũmãnavapucchã. Sn. V. §5, gồm các kệ 1055-66. Đức Phật khẳng định chánh niệm giúp ta vượt qua sanh, già và khổ đau. Câu hỏi của thanh niên Dhotaka Dhotakamănavapucchã, Sn. V. §6, gồm các kệ 1067-74. Đức Phật chỉ cách vượt qua hoài nghi, trải nghiệm chân lý, sống an tĩnh giữa đời bằng cách giữ chánh niệm. Câu hỏi của thanh niên Upasĩva Upasĩvamãnavapucchã^ Sn. V. §7, gồm các kệ 1075-82. Đức Phật dạy gìn giữ chánh niệm là cách vượt qua dòng chảy tham ái lớn mạnh, và thành tựu Niết-bàn chính là khi nghi ngờ, ái đã hoàn toàn chấm dứt. Câu hỏi của thanh niên Nanda Nandamãnavapucchã. Sn. V. §8, gồm các kệ 1083-89, thảo luận tiêu chí đánh giá ai thực sự là ẩn sĩ theo đạo Bà-la-môn và Phật giáo, và làm thê nào đê có thê vượt thoát sanh tử. Câu hỏi của thanh niên Hemaka Hemakamãnavapucchã, Sn. V. §9, gồm các kệ 1090-93. Đức Phật khẳng định vượt qua tham ái và giữ chánh niệm là cách đạt được Niết-bàn. Câu hỏi của thanh niên Todeyya Todeyyamãụavapucchă. Sn. V. §10, gồm các kệ 1094-97, nói về giá trị của bậc trí không nhiễm dục tham, ước vọng, sống đời thong dong. Câu hỏi của thanh niên Kappa Kappamãụavapucchã, V §11, gồm các kệ 1098-1101, đề cao sự vô chấp và vô sở hữu dẫn đến việc thoát khỏi ma lực. Câu hỏi của thanh niên Jatukanni ựatukannimãnavapucchã. Sn. V. §12, gồm các kệ 1102-06, đề cao sự vượt qua lòng tham và dục vọng, không bị nhiêm đăm vào danh, săc đê dân đên khô đau.

Câu hỏi của thanh niên Bhadrãvudha Bhadrãvudhamãnavapucchã, Sn. V. §13,gồm các kệ 1107-10, nói rõ lợi ích của vượt qua tham ái và chấp thủ5 giữ chánh niệm. Câu hỏi của thanh niên Udaya Udayamãnavapucchã, Sn. V. §14, gồm các kệ 1111-17. Đức Phật dạy cách vượt qua dục vọng, hôn trầm, hối hận và vô minh bằng cách giữ chánh niệm. Câu hỏi của thanh niên Posãla Posãỉamãụavapucchã, Sn. V. §15, gồm các kệ 1118-21. Đức Phật chỉ ra giá trị của trí tuệ vượt mọi trói buộc, được giải thoát. Câu hỏi của thanh niên Mogharãịa Mogharãịamãnavapucchã. Sn. V §16, gồm các kệ 1122-25. Đức Phật dạy cách nhìn đời bằng duyên sinh, luôn giữ chánh niệm đê vượt qua ngã chập kiên. Câu hỏi của thanh niên Pingiya Pingiyamãnavapucchã. Sn. V §17,* gồm các kệ 1126-29. Đức Phật khuyên chớ có phóng dật, vượt qua tham ái để không còn bị tái sanh. Các kệ ngôn kết luận tản thán con đường đưa đến bờ bên kia Pãrãyanatthutigãthã, Sn. V. §18,gồm các kệ 1130-36. Khi mười sáu vị đệ tử của Bãvarĩ thay nhau hỏi đức Phật, Ngài khẳng định ai tu học theo lời dạy của Ngài đều đến được bờ bên kia. Các kệ ngôn tường thuật con đường đưa đến bờ bênkia Pãrãyanãnugĩĩigãthã, Sn. V. §19,gồm các kệ 1137-55. Piồgiya tường thuật với Bà- la-môn Bãvarĩ về "Con đường đưa đến bờ bên kia" và ông ấy đã trở thành đệ tử Phật. Kỉnh tập không những bao hàm các bài kinh tiêu biểu của giai đoạn đầu mà còn là tuyên tập các bài thi kệ sâu săc vê Phật pháp, đa dạng vê nội dung, phong phú vê tư tưởng, đại diện cho nên minh triêt siêu việt của đức Phật. Cùng với Kinh Pháp cú, vị trí của Kinh tập vượt qua nhiêu

tập trong Kinh Tiêu bộ, được trích tụng phô biên trong các nước Phật giáo Nam truyên và Băc truyên.

TR HỒ ChíMinh ngày 13/2/2021 TT.TS. ThíchNhậtTừ Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

LPHẢMRẤN (URAGAVAGGA)

§1. KINH RẮN (Uragasutta) (Sn. 1) 1. Ai nhiếp phục phẫn nộ, Đang được dấy khởi lên, Như dùng chất linh dược, Ngăn độc rắn lan rộng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ? Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ? Da rắn cũ, già xưa.1 2. Ai cắt đứt tham dục, Không còn chút dư tàn, Như kẻ hái hoa sen, Sanh ra từ ao hồ, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 3. Ai cắt đứt tham ái, Không còn chút dư tàn, Làm cho nước cạn khô, Dòng nước chảy nhanh mạnh, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa. 4. Ai phá hoại kiêu mạn, Không còn chút r dư tàn, Như nước mạnh tàn phá5 Dải cỏ lau yêu hèn, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ5 già xưa. 5. Ai trong các sanh hữu, Không tìm thấy bản thể, Như kẻ đi kiếm hoa, Trên cây sung không hoa, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa. 6. Với ai trong nội tâm, Không còn có phẫn hận, Đã vượt thoát ra khỏi, Cả hữu và phi hữu, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa.2 7. Với ai những tầm tư, Được làm cho tan biến, Nội tâm khéo sửa soạn, Không còn chút dư tàn,

1 Tham chiếu: Pháp tập yếu tụng kinh "Hoa dụ phẩm,, (7.04. 0213.18. 0786a02). 2 Tham chiếu: Ud. Bhaddiyasutta (Kinh Bhaddiya); Vìn.r II. 180; Pháp tập yếu tụng kinh phanfJ (T04. 0213.30. 0794al6); Phấp tạp yếu tụng kinh uLạc phẩm” (T.04. 0213.30. 0794al6).

Tỷ-kheo ây từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 8. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Đã nhiếp phục toàn diện, Hý luận chướng ngại này, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ? Da răn cũ, già xưa. 9. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Biết rõ được ở dời, Sự này toàn hư vọng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 10. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Từ bỏ, không có tham, Sự này toàn hư vọng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa. 11. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Từ bỏ, không tham dục, Sự này toàn hư vọng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 12. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Từ bỏ, ly sân hận, Sự này toàn hư vọng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa. 13. Ai không đi quá trớn, Cũng không quá chậm trễ, Từ bỏ? ly si ám, Sự này toàn hư vọng, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 14. Với ai, các tùy miên5 Hoàn toàn không hiện hữu, Các nguồn gốc bất thiện, Được nhổ lên trừ sạch, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa. 15. Với ai, không có gi, Do phiền não sanh khởi, Làm duyên trở lui lại,

về lại bờ bên này, Tỷ-kheo ấy từ b6, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa. 16. Với ai, không có gì, Do rừng ái sanh khởi, Tạo nhân khiến trói buộc, Con người vào tái sanh, Tỷ-kheo ấy từ bỏ, Bờ này và bờ kia, Như loài rắn thoát bỏ, Da rắn cũ, già xưa.

KINH TẬP^ 311

17. Ai đoạn năm triền cái, Không sâu khô bực phiên, Vượt qua được nghi hoặc, Thoát mũi tên phiền não? Tỷ-kheo ấy từ bỏ5 Bờ này và bờ kia, r Như loài rắn thoát bỏ, Da răn cũ, già xưa.

§2. KINH DHANIYA(phaniyasuttd) (Sn. 3) 18. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Cơm ta nấu đã chín, Sữa uống ta vắt xong, Trên bờ sông Mahĩ, Ta chung sống đồng cu, Chòi lá được khéo lợp, Lửa đốt được cháy đỏ. Nêu là ý người muôn, Thần mưa, hãy mưa đi. 19. Bậc Thế Tôn, Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Ta đoạn được phẫn nộ, Tâm hoang vu không còn, Trên bờ sông Mahĩ, Ta chỉ sống một đêm, Chòi lá được rộng mở, Lửa đốt được tịch tịnh. Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi.3 20. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Ruồi lằn và muỗi mòng, Ở đây không tìm thấy, Trên cánh đồng cỏ mọc, Đàn bò đi ăn cỏ, Dầu cơn mưa có đến, Chúng có thể chịu đựng. Nêu là ý người muôn, Thần mưa, hãy mưa đi. 21. Bậc Thế Tôn? Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Các bè đã được cột, Khéo tác thành tốt đẹp, Ai qua được bờ kia, Nhiếp phục dòng nước mạnh, Lợi ích của chiếc bè, Đâu còn thấy cần thiết. Nêu là ý người muôn, Thần mưa, hãy mưa đi. 22. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Vợ ta khéo nhu thuận, Không có tham dục gì, Đã lâu ngày chung sông, Vừa đẹp ý? đẹp lòng, Ta không nghe điều gi, Thuộc ác hạnh về nàng. Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi. 23. Bậc Thế Tôn, Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Tâm Ta khéo nhu thuận, Được giải thoát, mở rộng, Lâu ngày tu viên mãn, Khéo nhiếp phục, chế ngự, Trong Ta các pháp ác, Không còn được tìm thấy. Nêu là ý người muôn, Thần mua, hãy mưa đi. 24. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Với lợi tức thâu hoạch, Ta tự nuôi sống ta,

3 Xem Mỉln. 187, Bhikkhupanãmitapanho (Câu hỏi về việc đã giải tản các vị Tỳ-khưù).

Con ta và cả ta, Sống chung, không bệnh hoạn, Ta không nghe điều gi, Thuộc ác hạnh về chúng. Nếu là ý người muốn, Thân mua, hãy mưa đi. 25. Bậc Thế Tôn? Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Ta không có làm mướn, Cho một ai ở đời, Với điều được chứng đắc, Ta du hành thế giới, về tiền công cần thiết, Không thể có nơi Ta. Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi. 26. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Đây có các bò cái, Đây có các bò con, Đây có những bò mẹ, Mang thai nối giống dòng, Đây có những bò đực, Những con chúa đầu đàn. Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi. 27. Bậc Thế Tôn, Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Đây không có bò cái, Đây không có bò con5 Đây không có bò mẹ, Mang thai nối giống dòng? Đây không có bò đực, Những con chúa đầu đàn. Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi. 28. Mục đồng Dhaniya Đã nói lên như vầy: Cây cột 2 được y đóng sâu? Không còn bị dao động, Các dây băng cây lau, Được bện lại mới chắc, Và các con bò con, Không thể nào giật đứt. Nêu là ý người

muôn, Thần mưa, hãy mưa đi. 29. Bậc Thế Tôn, Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Giống như con bò đực, Giật đứt các trói buộc, Như voi làm bựt đứt, Các dây leo héo mục, Ta không còn đi đến, Chỗ thai tạng tái sanh. Nêu là ý người muôn, Thần mưa5 hãy mưa đi.4 30. Rồi mưa lớn đổ xuống, Làm đầy tràn đất trũng, Làm tràn ngập đất cao, Nghe trời gâm, mưa thét, Mục đông Dhaniya, Nói lên lời như sau: 31. Lợi thay cho chúng ta, Đâu phải là lợi nhỏ, Chúng ta được chiêm ngưỡng, Bậc Chánh Giác, Thế Tôn. Ôi! Kính bậc Pháp Nhãn, Con xin quy y Ngài, Kính bậc Đại Ẩn Sĩ, Hãy là Thầy chúng con! 32. Vợ con và cả con, Là những người nhu thuận, Xin sống đời Phạm hạnh, Dưới chân bậc Thiện Thệ.

4 Xem Miln. 369, Dĩpỉnỉyangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của loài beo cái).

Được đên bờ bên kia, Vượt khỏi sanh, già, chêt, Chúng con sẽ trở thành, Người đoạn tận đau khổ.' 33. Đây là lời Ác ma Đã nói lên như vầy: Ai có các con trai, Hoan hỷ với con trai, Người chủ các con bò, Hoan hỷ với con bò? Còn người thì hoan hỷ5 Đối với sự sanh y, Ai không có sanh y? Không thể có hoan hỷ. 34. Bậc Thế Tôn? Chánh Giác Đã nói lên như vầy: Ai có các con trai, Sầu muộn với con trai, Người chủ các con bò? Sầu muộn với con bò, Sầu muộn của con người, Chính do sự sanh y, Ai không có sanh y, Không thể có sầu muộn.5

§3 KINH CON TÊ NGƯU MỘT SỪNG (Khaggavisãnasuttà)56 (S 6) 35. Đối với các hữu tình, Từ bỏ gậy và trượng, Chớ làm hại một ai, Trong chúng hữu tình ấy; Con trai không ước muốn, Còn nói gì bạn bè, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng. 36. Do thân cận, giao thiệp, Thân ái từ đấy sanh, Tùy thuận theo thân ái, Khổ này có thể sanh. Nhìn thây những nguy hại, Do thân ái sanh khởi, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.7 37. Do lòng từ thương men, Đối bạn bè thân hữu, Mục đích bị bỏ quên, Tâm tư bị buộc ràng. Do thấy sợ hãi này, Trong giao du mật thiết, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngtru một sừng.8 38. Ai nhớ nghĩ chờ mong, Đối với con và vợ, Người ây bị buộc ràng, Như cành tre rậm rạp, Còn các ngọn tre cao, Nào có gì buộc ràng, Hãy sông riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.9 39. Như nai trong núi rừng, Không gì bị trói buộc, Tự đi chỗ nó muốn, Để tìm kiếm thức ăn.

5 Tham chiếu: s. I. 6, Nandatỉsutta (Kinh Vùi thích); s. L 107, Nandatỉsutta (Kinh Vui thích); Netti, 33, Pel23; Tạp.(r.02. 0099.1004. 0263al4); Biệt Tap.(r.02. 0100.142. 0428al6). 6 Xem Ap. I. 6, Paccekabuddhaapadãna (Ký sự Phật Độc Gidc); CNid. 56, Khaggavisanasutta (bản dịch của TT. Chánh Thân: Kỉnh Sừng tê ngưu). 7 Xem CNỈd. 57, (như trên). 8 Xem CNid. 62, (như trên). 9 Xem CNid. 58, (như trên).

Như các bậc hiên trí, Thây tự do giải thoát, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.10 40. Giữa bạn bè thân hữu, Bị gọi lên gọi xuống, Tại chô ở trú xứ, Hay trên đường bộ hành. Thấy ty do giải thoát, Không có gì tham luyến, Hãy sống riêng một minh, Như tê ngưu một sừng.11 41. Giữa bạn bè thân hữu, Ưa thích, vui cười đùa, Đối với con, với cháu, Ái luyến thật lớn thay. Nhàm chán sự hệ lụy, Với những người thân

ái, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.1213 42. Khắp cả bốn phương trời, Không sân hận với ai, Tự mình biết vừa đủ? Với vật này vật khác, Vững chịu các hiểm nguy, Không run sợ dao động, Hãy sống riêng một minh, Như tê ngưu một sừng. 13 43. Có số người xuất gia, Chung sống thật khó khăn, Cũng như các gia chủ, Ở tại các cửa nhà, Sống vô tư vô lự, Giữa con cháu người khác, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.14 44. Từ bỏ, để một bên, Mọi biểu dương gia đình, Như loại cây san hô, Tước bỏ mọi lá cây? Bậc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc gia đình. Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.1516 45. Nếu tìm được bạn lành, Thận trọng và sáng suốt, Bạn đông hành chung sông, Bạn thiện trú hiền trí, Cùng nhau đồng nhiếp phục9 Tất cả mọi hiểm nạn, Hãy sống với bạn ấy, Hoan hỷ? giữ chánh niệm.1(46. Nếu không được bạn lành, Thận trọng và sáng suốt, Bạn đông hành chung sông, Bạn thiện trú hiền trí, Hãy như vua từ bỏ, Đất nước bị bại vong, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngiru một sừng.

10 Như trên. 11 Xem CNỈd. 59, (như trên). 12 Như trên. 13 Như trên. 14 Xem CNid. 60, (như trên). 15 Xem CNid. 60, (như trên). 16 Kệ 45-6, tham chiếu: M. III. 152, Upakkỉlesasuttar (Kinh Tùy phiền não), số 128; Dh, V. 328, 329; J. Ili. 488, Kosambiyajataka (Chuyện ở Kosambĩ), số §428; Vỉn. I. 337; Trường Thọ Vương bổn khơi kinh (T.01. 0026.72. 0532C09); Pháp 2 “wg dụ phẩm,, (7.04. 0210.31.
0570bữ)X diệu kinh uPh|n ”(r.04. 0212.15. 0693b 19); Pháp tập yếu
tụng kỉnh 440án gia phẩm,, (T.04. 0213.14. 0784a 14).

KINHTẬP^ 315

47. Thật chúng ta tán thán, Các băng hữu chu toàn, Bậc hơn ta, bằng ta, Nên sống gần thân cận. Nếu không gặp bạn này, Những bậc không lầm lỗi, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngiru một sừng.17 48. Thấy đồ trang sức vàng, Lấp lánh và sáng chói, Được con người thợ vàng, Khéo làm, khéo tay làm, Hai vòng chạm vào nhau, Trên một tay đeo chúng, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.18 49. Như vậy nếu ta cùng, Với một người thứ hai, Tranh luận cãi vã nhau, Sân hận gây hấn nhau, Nhìn thấy trong tương lai, Sợ hãi hiểm nguy này, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.19 50. Các dục thật mỹ miều, Ngọt thơm và đẹp ý, Dưới hình sắc, phi sắc, Làm mê loạn tâm tư. Thây sự nguy hiêm này, Trong các dục trưởng dưỡng, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.20 51. Đây là một mụn nhọt, Và cũng là tai họa, Một tật bệnh, mũi tên, Là sợ hãi cho ta. Thấy sự nguy hiểm này, Trong các dục trưởng dưỡng, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.21 52. Lạnh lẽo và nóng bức, Đói bụng và khát nước, Gió thổi, ánh mặt trời, Muôi lăn và răn rêt, Tât cả xúc chạm này, Đều chịu đựng vượt qua, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.2223 53. Như con voi rời đàn, Thân lớn, loài cao quý? Tùy theo sự thích thú, Sống tại chỗ rừng núi, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.23 54. Sự kiện không xảy ra, Ai ưa thích hội chúng, Người ấy có thể chứng, Sự giải thoát tạm thời. Cân nhắc lời giảng dạy, Đằng Bà Con Mặt Trời, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngiru một sừng.24

17 Xem CNỈd. 61, Khaggavisãnasutta (Kỉnh Sừng tê ngưu).
18 Xem CNid. 62, (như trên).

19 Như trên.

20 Xem M. II. 54, Ratthapãlasutta (Kinh Ratthapãlă), số 82; Thag. V. 769; CNỈd. 62; Pe. 23,

Sãsanapatthãnadutỉyabhũmỉ (Phần thư hai về Sự hình thành giảo pháp).

21 Xem CNid. 63, Khaggavỉsãnasutta (Kinh Sừng tê ngưu).

22 Như trên.

23 Xem CNỈd. 64, (như trêrì).

24 Như trên.

55. Được giải thoát vượt khỏi, Các tri kiên hý luận, Đạt được quyết định tánh, Chứng đắc được con đường, Nơi ta trí được sanh, Không cần nhờ người khác, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngiru một sừng.25 56. Không tham, không lừa đảo, Không khát dục, gièm pha, Mọi si mê ác trược, Được gạn sạch, quạt sạch, Trong tất cả thế giới, Không tham ái, ước vọng, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.26 57. Với bạn bè độc ác, Hãy từ bỏ, lánh xa, Bạn không thấy mục đích, Quen nếp sống quanh co, Chớ tự mình thân cận9 Kẻ đam mê phóng dật? Hãy sông riêng một minh, Như tê ngiru một sừng.27 58. Bậc nghe nhiều, trì pháp, Hãy gân gũi người ây, Bạn người tâm rộng lớn, Người thông minh biện tài, Biết điều không nên làm, Nhiếp phục được nghi hoặc, Hãy sông riêng một mình, Như tê ngiru một sừng.28 59. Mọi du hí vui đùa, Và dục lạc ở đời, Không điểm trang, bày biện, Không ước vọng mong cầu, Từ bỏ mọi hào nhoáng, Nói lên lời chơn thật, Hãy sống riêng một minh, Như tê ngiru một sừng.29 60. Với con và với vợ, Với cha và với mẹ, Tài sản cùng lúa gạo, Những trói buộc bà con, Hãy từ bỏ buộc ràng, Các dục vọng như vậy, Hãy sông riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.30 61. Chúng đều là trói buộc, Lạc thú thật nhỏ bé? Vị ngọt thật ít oi, Khô đau lại nhiêu hơn, Chúng đều là câu móc, Bậc trí biết như vậy, ĩ Hãy sông riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.31 62. Hãy chặt đứt, bẻ gãy, Các kiết sử trói buộc, Như các loài thủy tộc, Phá hoại các mạng lưới, Như lửa đã cháy xong, Không còn trở lui lại, Hãy sống riêng một minh, Như tê ngtru một sừng.32

25 Xem CNỈd. 65, (như trên).

26 Như trên.

27 Xem CNỈd. 66, (như trên).

28 Như trên.

29 Xem CNỈd. 67, (như trên).

30 Như trên.

31 XemCW.68, (như trên).

32 Như trên.

63. Với mắt cúi nhìn xuống, Chân đi không lưu luyến, Các căn được hộ trì, Tâm ý khéo chế ngự, Không đầy ứ, rỉ chảy, Không cháy đỏ bừng lên, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngxru một sừng.33 64. Hãy trút bỏ, để lại, Các biểu tượng gia chủ, Như loại cây san

hô, Loại bỏ các nhành lá, Đã đăp áo cà-sa, Xuất gia bỏ thế tục, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngim một sừng.3334 65. Không tham đăm các vị? Không tác động, không tham. Không nuôi dưỡng người khác, Chỉ khất thực từng nhà, Đối với mọi gia đình, Tâm không bị trói buộc, r Hãy sông riêng một mình, Như tê nguu một sừng.35 66. Từ bỏ năm triên cái, Che đậy trói buộc tâm, Đối với mọi kiết sử, Hãy trừ khử, dứt sạch, Không y cứ, nương tựa, Chặt đứt ái sân hận, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.36 67. Hãy xoay limg trở lại, Đối với lạc và khổ, Cả đối với hỷ ưu, Được cảm thọ từ trước, Hãy chứng cho được xả, An chỉ và thanh tịnh, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.37 68. Tinh cần và tinh tấn, Đạt được lý chân đế? Tâm không còn thụ động, Không còn có biếng nhác, Kiên trì trong cố gắng, Dõng lực được sanh khởi, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.38 69 Không từ bỏ độc cư, Hạnh viên ly thiên định, Thường thường sống hành trì, Tùy pháp trong các pháp? Chơn chánh nhận thức rõ, Nguy hiểm trong sanh hữu, Hãy sông riêng một mình, Như tê ngmi một sừng.39 70. Mong cầu đoạn diệt ái, Sống hạnh không phóng dật, Không đần độn, câm ngọng, Nghe nhiều, giữ chánh niệm, Các pháp được giác sát, Quyết định, chánh tinh cần, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.40

33 Xem CNid. 69, (như trên).

34 Như trên.

35 Như trên.

36 Như trên.

37 Xem CNỉd. 69, (như trên),

38 Như trên.

39 Xem CNỉd. 70, (như trên).

40 Xem CNỉd. 71, (như trên).

71. Như sư tử không động, An tịnh giữa các tiếng, Như gió không vướng mắc, Khi thổi qua màn lưới, Như hoa sen không dính, Không bị nước thấm ướt, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.41 72. Giông như con sư tử, Với quai hàm hùng mạnh, Bậc chúa của loài thú, Sống chinh phục5 chế ngự, Hãy sông các trú xứ, Nhàn tịnh và xa văng, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngmi một sừng.42 73. Tư tâm, sống trú xả9 Bi tâm, hạnh giải thoát, Sống hành trì9 thực hiện, Hỷ tâm cho đúng thời, Không bị chống, trở ngại, Với một ai ở đời, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một sừng.43 74. Đoạn tận lòng tham ái, Sân hận và si mê, Chặt đứt và cắt đoạn, Các kiết sử lớn nhỏ, Không có gì sợ hãi, Khi mạng sông gân chung, Hãy sống riêng một mình, Như tê ngtru một sừng.44 75. Có những bạn vì lợi, Thân cận và chung sống, Những bạn không mưu lợi, Nay khó tìm ở đời, Người sáng suốt lợi minh, Không phải người trong sạch, Hãy sống riêng một minh, Như tê ngưu một sừng.4546

§4. KINH KASIBHÃRADVÃJA (Kasibhãradvũịasuttà)46 (S 12) Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chung Magadha, tại Dakkhinãgiri, trong một làng Bà-la-môn tên EkanãỊã. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhãradvãja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến

chỗ Bà-la-môn Kasibhãradvãja đang làm việc. Lúc bấy giờ, Bà-la-mon Kasibharadvaja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phan phát đồ ăn, sau khi dến, Ngài đứng một bên. Bà-la-môn Kasibhãradvặja thấy Thế Tôn đang đứng một bên để khất thực, liền nói với The Tôn: Này Sa-môn9 ta cày và ta gieo; sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa- môn, hãy cày và gieo; sau khi cày và gieo, hãy ăn!

41 Như trên.

42 Như trên.

43 Như trên.

44 Như trên.

45 Xem CNid. 72, (như trên).

46 Tham chiếu: s. 1.172, Kasỉbhãradvậịasutta (Kinh Kasibhãradvãịa); Tạp.(T.02.0099.98.0027al0);
Biệt Tạp.(T.02. 0100.264. 0466Ồ18); TạpA-hàm kỉnh (7.02. 0101.1. 0493a07).
KINHTẬP^ 319

-Này Bà-la-môn9 Ta cũng cày và cũng gieo; sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn. Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, cái cày, lưỡi cày, gậy thúc trâu bò hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama n6i: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo; sau khi cày và sau khi gieo, Ta n.” Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvặja nói lên với Thế Tôn bài kệ: 76. Người tự nhận Người cày, Ta không thấy Người cày, Hãy trả lời chúng tôi, Đã hỏi về Người cày, Chúng tôi muốn rõ biết, Người cày như thế nào? [Thế Tôn:] 77. Lòng tin là hạt giống, Khổ hạnh là cơn mưa, Trí tuệ đối với Ta, Là ách và lưỡi cày, Xấu hổ là cán cày, Ý là sợi dây buộc, Và niệm đối với Ta, Là lưỡi cày, gậy thúc. 78. Với thân khéo phòng hộ, Với lời khéo phòng hộ, Với món ăn trong bụng, Biết tiết độ, chế ngự, Ta tác thành chơn thật, Đe cắt dọn cỏ rác, Sự giải thoát của Ta, Thật hiền lành, nhu thuận. 79. Với tinh cần tinh tấn, Là con vật kéo cày? Gánh vác và đem lại, An ổn khỏi khổ ách. Như vậy Ta đi tới, Không trở ngại thối lui, Chỗ nào Ta đi tới, Chỗ ấy không sầu muộn. 80. Cày bừa là như vậy, Được quả là bất tử, Sau cày bừa như vậy5 Mọi khổ được giải thoát.47 Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvãja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đổ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa: Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử! [Thế Tôn:] 81. Ta không hưởng vật dụng, Do tụng kệ đem lại, Đây không phải là pháp, Của bậc có chánh kiến, Chư Phật đều bác bỏ9 Tụng hát các bài kệ, Khi pháp có hiện hữu, Truyền thống là như vậy.48 82. Hỡi này Bà-la-môn, Người cần phải cúng dường, Đồ ăn vật uống khác, Bậc Đại Sĩ Toàn Diện,

47 Tham chiếu: s. I. 172, Kasibhãradvãịasutta (Kỉnh Kasỉbhãradvặjà). 48 Kệ 81-82, tham chiếu: Sn. 19, PãraỊasasutta; s. I. 172, Kasibhãradvãjasutta (Kinh Kasỉbhãradvãjà)\ s. I. 166, Aggikasutta (Kinh Người thờ ỉửà); s. I. 167, Sundarỉkasutta (Kinh Sundarỉkà).

320 KINH TIỂU Bộ

__ Đã đoạn các lậu hoặc? Đã lăng dịu dao động, Ta chính là thửa ruộng, Cho những ai càu phước. Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này? -Này Bà-la-môn?

Ta không thấy ai ở thế giới, với chư thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này? trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Vậy này Bà-la-môn, ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh hay nhận chìm trong nước không có sinh vật. Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvậja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuông nước, lưỡi cày ây sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvãja hoảng hot, rợn toe gay, đi đên The Ton, sau khi đên, CUI đâu đảnh lê chân Thê Tôn, và bạch Thế Ton: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới. Rồi Bà-la-môn Kasibhãradvậja được xuất gia với đức Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhãradvậja sống một mình, viễn ly, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì bậc thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy @ r ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^ Tôn giả Bhãradvăja trở thành một vị A-la-hán.

§5. KINH CUNDA (CundasuttaỴ9 (16) 83. Người thợ rèn Cunda, Nói lên lời như sau: Con hỏi bậc Đại Si, Bậc Trí Tuệ Rộng Lớn, Đấng Giác Ngộ, Pháp Chủ, Đã đoạn tận khát ái,

49 Tham chiếu: Du hành kinh (T.Ol. 0001.2. 00lla07); Phật Bảt-nê-hoàn kỉnh (T.Ol. 001.5. 0l60b05); Bát-nê4ioàn kình (roi. 0001.6. 0l76a02); Đại Bảt-nỉết-ban kỉnh (T.Ol. 0001.7. 0l9lb02).

KINH TẬP « 321

Bậc Tối Thượng Hai Chân, Bậc Đánh Xe Tối Thắng, Xin Ngài nói ở đời, Có bao nhiêu Sa-môn? 84. Thế Tôn đáp Cunda, Này Cunda, là vầy: Chỉ có bốn Sa-môn, Không có hạng thứ năm, Ta tỏ bày cho ông, Khi được hỏi trực tiếp, Bậc chiến thắng con đường, Bậc thuyết giảng con đường, Bậc sông trên con đường, Ke làm O ue đạo. 85. Người thợ rèn Cunda, Liền bạch với Thế Tôn: Chư Phật nói thế nào5 Bậc chiến thắng con đường, Bậc thuyết giảng con đường, Sao gọi không ước lường? Con hỏi xin trả lời, Vị sống đúng con đường? Xin trình bày cho con, Ke làm đường ô uế? [Thế Tôn:] 86. Ai vượt khỏi nghi hoặc, Vị thoát khỏi mũi tên? Ưa thích cảnh Niết-bàn, Không tham đắm vật gì, Bậc lãnh đạo thế giới, Chư thiên và loài người, Chư Phật gọi vị ấy, Bậc chiên thăng con đường. 87. Ai ở đời biết được, Tối thượng là tối thượng, Nói lên và phân tích, Pháp ở đây là vậy?

Vị chặt đứt nghi hoặc, Bậc Ẩn sĩ, không dục, Bậc Tỷ-kheo thứ hai, Được gọi thuyết con đường. 88. Ai sống trên con đường, Con đường pháp khéo giảng, Sống chế ngự, chánh niệm, Bước đường không lỗi lầm, Tỷ-kheo thứ ba này, Được gọi sống trên đường. 89. Ai sống ưa che đậy? Dưới hình thức giới cấm, Xông xáo, nhớp gia đình, Bạt mạng và man trá? Không chế ngự, nhiếp phục, Sống lắm mồm lắm miệng, Người sở hành như vậy, Là kẻ ô uế đạo. 90. Vị cư sĩ thâm hiểu? Các hạng người như vậy, Thánh đệ tử nghe nhiều, Có trí tuệ thong hiểu, Sau khi rõ biết chúng, Tất cả là như vậy, Thấy vậy vững lòng tin, Không có bị sút giảm, Làm sao lại lẫn lộn, Kẻ ác với người thiện, Làm sao xem giống nhau, Bậc tịnh, kẻ không tịnh!

§6. KINH BẠI VONG (Parãbhavasutta) (Sn 18) Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi một thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng

toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đên? đảnh lê Thê Tôn, rôi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

91. về con người bại vong, Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
92. Thật dễ hiểu thành công5 Thật dễ hiểu bại vong, ưa mến pháp, thành công, Thù ghét pháp, bại vong.
[Thiên nhân:]
93. Như vậy chúng con rõ, Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
94. Ai mến kẻ bất thiện, Không ái luyến bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
95. Như vậy chúng con rõ? Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói? Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
96. Người tánh ưa thích ngủ, Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phẫn nộ, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
97. Như vậy chúng con rõ9 Thứ ba về bại vong,
Thứ tư, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
98. Ai với mẹ hay cha, Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ5 Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]

99. Như vậy chúng con rõ, Thứ tư về bại vong,
Thứ năm, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
100. Ai nói dối, lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khất sĩ khác, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
101. Như vậy chúng con rõ, Thứ năm về bại vong,
Thứ sáu, mong Ngài nói5 Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
102. Người giàu có tài sản, Có vàng bạc, thực vật,
Hưởng vị ngọt một minh, Chính cửa vào bại vong.
KINH TẬP 323
[Thiên nhân:]
103. Như vậy chúng con rõ, Thứ sáu về bại vong,
Thứ bảy, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
104. Người tự hào vê sanh, về tài sản, dòng họ?
Khinh miệt các bà con, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
105. Như vậy chúng con rõ, Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]

106. Người đắm say nữ nhân, Đăm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi dắc, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
107. Như vậy chúng con rõ5 Thứ tám về bại vong,
Thứ chín, mong Ngài nói5 Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
108. Không vừa lòng vợ mình, Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
109. Như vậy chúng con rõ, Thứ chín về bại vong,
Thứ mười, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
110. Người tuổi trẻ đã qua, Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
111. Như vậy chúng con rõ, Thứ mười vê bại vong,

Thứ mười một, xin nói, Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
112. Đàn bà hay đàn ông, Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế, Chính cửa vào bại vong.
[Thiên nhân:]
113. Như vậy chúng con biết, Thứ mười một bại vong,
Thứ mười hai, xin nói? Cửa vào của bại vong?
[Thế Tôn:]
114. Tài sản ít, ái lớn, Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vi, Chính cửa vào bại vong.

115. Bại vong này ở đời, Bậc trí khéo quán sát, Đầy đủ với chánh kiến, sống hạnh phúc ở đời.

§7. KINH KẺ BÀN TIỆN (Vàsaỉasuttà)5Q (Sn. 21) Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Lúc bấy giờ? tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabharadvaja, lửa tế lễ được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khất thực ở Sãvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhãradvậja. Bà-la môn Aggikabhãradvậja thây Thê Tôn từ xa đi đen, thây vậy, bèn nói với The Tôn: -Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bần tiện, hãy đứng lại! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggikabharadvaja: Này Bà-la-môn, người có biết người bần tiện hay những pháp tạo ra kẻ bần tiện không? Này Tôn giả Gotama, tôi không biêt kẻ bân tiện hay những pháp tạo ra kẻ bân tiện. Lành thay, nêu Tôn giả Gotama thuyêt pháp như thê nào cho tôi, đê tôi được biết về kẻ bần tiện hay các pháp tạo thành kẻ bần tiện! Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác y, Ta sẽ nói! Thưa vâng, Tôn giả! Bà-la-môn Aggikabhãradvậja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: 116. Người phẫn nộ9 hiềm hận, Ác nhân, gièm pha người, Ác tà kiến, man trá, Được biết là bần tiện.51 117. Ai ở đây hại vật? Một sanh hoặc hai sanh, Không thương xót hữu tình, Được biết là bần tiện. 118. Ai làm hại, vây hãm, Các làng, các thị trấn, Kẻ cướp đoạt có tiếng, Được biết là bần tiện. 119. Tại ĩ làng hay tại J rừng, Vật sở hữu của người, Lây trộm của không cho, Được biết là bần tiện. 120. Ai vay nợ của người, Bị đòi liền trốn tránh, Ta đâu mắc nợ ngươi, Được biết là bần tiện. 121. Ai vì ham vật mọn, Kẻ đang đi trên đường, Giết hại cướp vật mọn, Được biết là bần tiện. 122. Ai vì mình, vì người, Hay vì nhân tài sản, Làm nhân họ nói láo, Được biết là bần tiện.

50 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.102. 0028bl9); Biệt Tạp.(T.02. 0100.268. 0467b27). 51 Xem Ps. I. 135, Dỉtthỉkathã (Giảng về kiến).

123. Ai được thây giữa vợ? Của bà con, bạn thân, Ép buộc hay ưng thuận, Được biết là bần tiện. 124. Ai với mẹ hay cha, Già yếu, tuổi trẻ qua, Tuy giàu không giúp đỡ? Được biết là bần tiện. 125. Ai với mẹ hay cha, Với anh chj, nhạc mẫu, Làm hại, dùng lời măng,

Được biết là bần tiện. 126. Ai được hỏi mục đích, Lại khuyên lời trái đích, Khuyên bảo nên che đậy9 Được biết là bần tiện. 127. Ai làm các nghiệp ác, Muốn không biết mình làm? Ai làm hạnh che đậy, Được biết là bần tiện. 128. Ai đến nhà người khác, Ản món ăn ngon lành, Lại không đáp lễ lại, Được biết là bần tiện. 129. Ai nói dối, lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn, Hay các người nghèo khác, Được biết là bần tiện. 130. Dùng lời mắng, không cho, Sa-m6n, Bà-la-môn, Khi thời ăn uống đến, Được biết là bần tiện. 131. Ở đời nói không thật, Bị si mê che đậy, Tham cầu chút lợi nhỏ, Được biết là bần tiện. 132. Ai đề cao tự ngã, Khinh miệt giá trị người, Hạ mình với tự cao, Được biết là bần tiện. 133. Ai gây hấn, hà tiện, Ác dục và xan tham, Xảo quyệt, không tàm quý, Được biết là bần tiện. 134. Ai phỉ bang đức Phật, Hay đệ tử của Ngài? Hàng xuất gia, tại gia, Được biết là bần tiện. 135. Ai không phải La-hán, Tự nhận là La-hán, Kẻ trộm Phạm thiên giới, Chính tối hạ bần tiện. Những hàng bần tiện này, Ta nói rõ cho ông. 136. Bần tiện không vì sanh, Phạm chí không vì sanh, Do hành thành bần tiện, Do hành thành Phạm chí. 137. Do đây nên hiểu biết, Như Ta trình bày rõ5 Mãtaồga được danh, Bần tiện, ăn thịt chó. 138. Danh tối thượng khó đạt, Mãtanga đạt được, Nhiều Sát-lỵ5 Phạm chí, Đến hầu hạ vị ấy. 139. Vị ấy leo thiên xa, Trên đường lớn không bụi, Từ bỏ mọi dục tham, Đạt được Phạm thiên giới, Thọ sanh không ngăn chặn, Vị ấy sanh Phạm thiên.

140. Có những Bà-la-môn? Sanh gia đình đạo sư, Hay sanh những gia đình, Quyến thuộc với bùa chú, Họ vẫn thường được thấy, Làm các điều ác nghiệp. 141. Hiện tại bị khinh miệt, Đời sau sanh ác thú, Thọ sanh không ngăn chặn, Sanh ác thú đáng khinh. 142. Bần tiện không vì sanh, Phạm chí không vì sanh, Do hành thành bần tiện, Do hành thành Phạm chí. Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhãradvậja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

§8. KINH TÂM TỪ (Mettasutta)52 (Sn. 25) 143. Vị thiện xảo mục đích, Cần phải làm như sau: Sau khi hiểu thông suốt, Con đường an tịnh ấy, Có khả năng, trực tánh, Thật sự, khéo chân trực, Dễ nói và nhu hòa5 Không có gì cao mạn. 144. Sống cảm thấy vừa đủ, Nuôi sống thật dễ dàng, r It có sự rộn ràng, Sống đạm bạc, giản dị? Các căn được tịnh lạc, Khôn ngoan và thận trọng, Không xông xáo gia dinh, Không tham ái, tham vọng. 145. Các sở hành của mình, Không nhỏ nhen, vụn vặt, Khiến người khác có trí, Có thể sanh chỉ trích, Mong mọi loài chúng sanh, Được an lạc, an ổn, Mong họ chứng đạt được, Hạnh phúc và an lạc. 146. Mong tất cả những ai, Hữu tình có mạng sống, Kẻ yếu hay kẻ mạnh, Không bỏ sót một ai, Kẻ dài hay kẻ lớn, Trung, thấp, loài lớn, nhỏ. 147. Loài được thấy, không thấy, Loài sống xa, không xa, Các loài hiện đang sống, Các loài sẽ được sanh, Mong mọi loài chúng sanh, Sông hạnh phúc, an lạc.

52 Xem Kh. 8, Mettasutta (Kỉnh Tâm từ).

148. Mong răng không có ai, Lường gạt, lừa dối ai, Không có ai khinh mạn, Tại bất cứ chỗ nào, Không vì giận hờn nhau, Không vì tưởng chống đối, Lại có người mong muốn, Làm đau khổ cho nhau. 149. Như tấm lòng người mẹ, Đối với con của mình, Trọn đời lo che chở, Con độc nhất mình sanh, Cũng vậy đối tất cả, Các hữu tình chúng sanh, Hãy tu tập tâm ý, Không hạn lượng rộng lớn. 150. Hãy tu tập từ tâm, Trong tất cả thế giới, Hãy tu tập tâm ý, Không hạn lượng rộng lớn, Phía trên và phía dưới, Cũng vậy cả bề ngang, r Không hạn chê, trói buộc, Không hận, không thù địch. 151. Khi đứng hay khi di, Khi ngồi hay khi nằm, Lâu cho đến khi nào, Khi đang còn tỉnh thức, Hãy an trú niệm này, Nêp sông này như vậy, Được đời đề cập đến, Là nếp sống cao thượng. 152. Ai tư bỏ tà kiến, Giữ giới, đủ chánh kiến, Nhiếp phục được tham ái, Đối với các dục vọng, Không còn phải tái sanh, Đi đến thai tạng nữa.

§9. KINH HEMAVATA (Hemavatasutta)53 (S. 27) 153. Nói vầy là dạ-xoa Tên Sătãgira: Nay đúng vào ngày rằm, Ngày trai giới? Bố-tát5 Đêm đã được an trú, Đêm đẹp như cõi trời, Hãy gặp Gótama, Bậc Đạo sư vô thượng. 154. Nói vầy là dạ-xoa Tên Hemavata: CÓ phải ý vị ây, Tâm nguyện thật khéo phát? Có phải đối sanh loại, Có tâm tư như vậy? Có phải các tư duy, Được khéo léo điều phục, Đối với pháp khả ái? Và pháp không khả ái? 155. Nói vầy là dạ-xoa Tên Sătãgira: Ý vị ấy là vậy? Tâm nguyện thật khéo phát, Đối với mọi sanh loại, Có tâm tư như vậy, Như vậy là tư duy, Được khéo léo điều phục. 156. Nói vầy là dạ-xoa Tên Hemavata: Có phải là vị ấy, Không lấy vật không cho?

53 Thạm chiếu: Tạp. B(r.O2. 0099.1329. 0365c06); 8 Tạp.(T.02. 0100.328. 0483cl7); Phật thuyết Nghĩa tuc kinh^(7.04. 0198. 0174bl2).

CÓ phải với hữu tinh, Vị ây khéo chê ngự? Có phải vơi phong dật, Vị ấy khéo viễn ly? Có phải đối thiền định, Vị ấy không từ bỏ? 157. Nói vầy là dạ-xoa Tên Sătãgira: Vị ấy không có lấy, Những vật không được cho, Vị ấy với hữu tình, Rất khéo léo chế ngự, Vị ấy với phóng dật, Thật sự sống viễn ly, Đức Phật đối thiền định, Không từ bỏ, xao lãng. 158. Nói vầy là dạ-xoa Tên Hemavata: Có phải là vị ấy, Không nói lời nói láo? Có phải là vị ấy, Đoạn tận các trách nhiệm? Có phải là vị ấy, Không nói lời vu khống? Có phải là vị ấy, Không nói lời phù phiếm? 159. Nói vầy là dạ-xoa Tên Sătãgira: Và thật sự vị ấy, Không nói lời nói láo, Đoạn tận đường ác ngữ, Không nói lời vu khống, Vị ấy nói những lời, Sáng suốt có nghĩa lý. 160. Đây là lời dạ-xoa Tên Hemavata: Có phải đối các dục, Vị ấy không tham ái? Có phải tâm vị ấy, Không có bị dao động? Có phải tâm vị ấy, Vượt khỏi sự si ám? Có phải thật vị ấy, Có mắt đối các pháp? 161. Đây là lời dạ-xoa Ten Sătãgira: Vị ấy không tham ái, Đối với các dục vọng, Tâm không có dao động, Vượt khỏi mọi si ám, Đức Phật thật có mắt, Đối với tất cả pháp. 162. Đây là lời dạ-xoa Tên Hemavata: Có phải là vị ấy, Đầy đủ về các minh? Có phải là vị ấy, Sở hành thật thanh tịnh? Có phải là vị ấy, Các lậu hoặc đoạn tận? Có phải là vị ấy, Không còn có tái sanh? 163. Đây là lời dạ-xoa Ten Sătãgira: Sự thật là vị ấy, Đầy đủ với các minh, Sở hành thật

thanh tịnh, Mọi lậu hoặc đoạn tận, Thật sự đối vị ấy, Không còn có tái sanh. 164. Có phải vị ẩn si, Với tâm được viên mãn, Mọi việc làm vị ấy, Được làm khéo hoàn mãn? Có phải người tán thán, Một cách đúng Chánh pháp, Vị đầy đủ trí đức, Đầy đủ cả hạnh đức?

KINH TẬP 329

165. Thật sự vị ẩn sĩ, Với tâm được viên mãn, Mọi việc làm vị ây, Được làm khéo hoàn mãn. Thật sự ông tùy hỷ, Một cách đúng Chánh pháp, Vị đầy đủ trí đức, Đầy đủ cả hạnh đức. 166. Thật sự vị ẩn sĩ, Với tâm được viên mãn, Mọi việc làm vị ây, Được làm khéo hoàn mãn. Chúng ta hãy yết kiến, Tôn giả Gotama, Vị đầy đủ trí đức, Đây đủ cả hạnh đức. 167. Bắp chân giống như nai, Thon, vững chắc, bền bỉ, Giản dị, ít nhu cầu? Không tham đắm vật gi, Hãy đi đến yết kiến, Ẩn sĩ Gotama, Vị hành trì thiền định, Trong rừng núi xa vắng. 168. Sống cô độc một minh, Như sư tử, như voi, Ngài không có tham đắm, Không cầu mong các dục? Chúng ta hãy đi đến, Và hỏi thăm vị ấy, về con đường giải thoát, Khỏi cạm bẫy Ác ma. 169. Vị tuyên bố giải thích, Vị đạt đến mọi pháp, Bậc giác ngộ vượt r khỏi, Hận thù và sợ hãi5 Chúng ta hãy đên học, Sa-môn Gotama. 170. Đây là lời dạ-xoa? Tên Hemavata: Do pháp nào có mặt, Thế giới được sanh khởi? Do pháp nào có mặt, Tác thành sự mật thiết? Sự chấp thủ ở đời, Là chấp thủ cái gì? Do pháp nào có mặt5 Thế giới bị tàn hại? 171. Thế Tôn nói như vầy Với Hemavata: Do sáu pháp có mặt, Thế giới được sanh khởi, Do sáu pháp có mặt, Tác thành sự mật thiết, Sự chấp thủ ở đời, Là chấp thủ sáu pháp, Do sáu pháp có mặt, Thế giới bị tàn hại. [Hemavata:] 172. Do chấp thủ cái gi, Đay thế giới bị hại? Được hỏi, hãy nói lên, về con đường thoát đời, Làm thế nào đau khổ, Được giải thoát hoàn toàn? [Thế Tôn:] 173. Đây năm dục trưởng dưỡng, Ý được gọi thứ sáu, Bỏ ước muôn ở đây, Như vậy thoát đau khổ.54

54 Xem s. I. 16, Enijanghasutta (Kỉnh Như chân sơn dương); Kv. 367, Kãmagunakathã (Vấn đề lạc ở dục giới).

330 KINH TIỂU Bộ

174. Đây con đường thoát đời, Như thật nói ông rõ, Đường này Ta nói ông, Như vậy thoát đau khổ. 175. Đây ai vượt bộc lưu, Đây ai vượt biển lớn, Không chân đứng bám víu, Ai không chìm vực sâu?55 176. Ai luôn luôn đủ giới, Có tuệ? khéo thiền định, Tâm hướng nội, chánh niệm, Vượt bộc lưu khó vượt. 177. Ai từ bỏ dục tưởng, Vượt khỏi mọi kiết sử, Ai hỷ, hữu đoạn tận5 Không chìm vào vực sâu. [Hemavata:] 178. Vị trí tuệ thâm sâu, Thấy được đích tế nhị, Vị không có sở hữu, Không tham đắm dục hữu. Hãy yết kiến vị ấy, Vị luôn luôn giải thoát, Bậc Đại sĩ tiến bước, Trên con đường thiên đạo. 179. Bậc danh xưng Vô thượng, Bậc thấy đích tế nhị, Bậc ban bố trí tuệ, Không tham đắm dục tạng, Hãy yết kiến vị ấy, Vị Toàn trí, Thiện tuệ, Bậc Đại sĩ tiến bước, Trên con đường Thánh đạo. 180. Hôm nay thật chúng con, Được thấy điềm tốt lành, Được hào quang chói sáng, Của bình minh tốt lành, Vì chúng con được thấy, Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bậc Đã Vượt Bộc Lưu, Bậc Đã Đoạn Lậu Hoặc. 181. Ngàn vị dạ-xoa này, Có thần lực, danh xưng, Tất cả xin đi đến, Y tựa quy ngưỡng Ngài, Ngài là bậc Đạo Su, Vô thượng của chúng con. 182< Chúng con sẽ bộ hành, Làng này qua làng khác, Thành này

qua thành khác, Đảnh lễ bậc Chánh Giác, Đảnh lễ thiện pháp tánh, Của Chánh pháp vi diệu.

§10. KINH ÃLAVAKA (ẢỊavakasutta)56 (Sn 31)

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở ÃỊavĩ, tại trú xứ của dạ-xoa ÃỊavaka. Rồi dạ-xoa ÃỊavaka đi đến Thế T6n, sau khi đến nói với Thế Tôn:

Này Sa-môn, hãy đi ra!

Được, Hiền giả!

55 Kệ 175-77, tham chiếu: s. I. 53, CandanasuttaịKỉnh Candana); Tạp.(T.02.0099.1269. 0348c09); Tạp.(7.0* 0099.1316. 0361b23); Biệt Tạp.(7.02. 0100.178. 0438b08); Tạp.(ro/ oioo.315. 0479C17). 56 Tham chiếu: s. I. 213, AỊãvakasutta (Kinh AỊãvakà); Tạp.(7.02. 0099.603. 0161a22); Tạp, (7.02. 0099.1326. 0364021); Biệt Tạp.(r.Ò2. 0100.325. 0482c06).

Thế Tôn đi ra. —Này Sa-môn9 hãy đi vào! Được, Hiền giả! Thế Tôn đi vào. Lần thứ hai, dạ-xoa ÃỊavaka nói với Thế Tôn: -Này Sa-môn9 hãy đi ra! -Được, Hiền giả! Thế Tôn đi ra. -Này Sa-môn, hãy đi vào! -Được, Hiền giả! Thế Tôn đi vào. Lần thứ ba, dạ-xoa ÃỊavaka nói với Thế Tôn: Này Sa-môn, hãy đi ra! Được, Hiền giả! Thế Tôn đi ra. Này Sa-môn, hãy đi vào! Được, Hiên giả! The Tôn đi vào. Lần thứ tư, dạ-xoa ÃỊavaka nói với Thế Tôn: —Này Sa-môn, hãy đi ra! —Này Hiên giả? Ta sẽ không đi ra cho ông. Ong cân gì hãy làm! Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lỳi cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng. -Này Hiền giả? Ta không thấy một ai trong thế giới với chư thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, ông cứ hỏi như ý ông muốn. Roi dạ-xoa với bài kệ nói với The Tôn: 183. Ở đời, tài sản gì, Tối thắng cho con người? Cái gì khéo thực hành, Đem lại chơn an lạc? Cái gì trong các vị, Là vị ngọt tối thượng? Nếp sống như thế nào, Gọi nếp sống tối tilg? [Thế Tôn:] 184. Ở đời này, lòng tin, Tối thắng cho con người, Chánh pháp khéo thực hiện, Đem lại chơn an lạc, Sự thật trong các vị, Là vị ngọt tối thượng, Nếp sống với trí tuệ, Là nếp sống tối thắng.

[ÃỊavaka:] 185. Thế nào vượt bộc lưu? Thế nào vượt biển lớn? Thế nào vượt qua khổ? Thế nào thật thanh tịnh?57 [Thế Tôn:] 186. Với tín, vượt bộc lưu, Không phóng dật, vượt biên, Tinh tấn, vượt đau khổ, Với tuệ, được thanh tịnh. [ÃỊavaka:] 187. Thế nào được trí tuệ? Thế nào được tài sản? Thế nào đạt danh xưng? Thế nào kết bạn hữu? Đời này qua đời sau, Thế nào chết không sầu? [Thế Tôn:] 188. Tin tưởng bậc La-hán? Tin Pháp đạt Niết-bàn? Khéo nghe được trí tuệ, Bậc trí không phóng dật.58 189. Làm thích đáng trách nhiệm, Phấn đấu được tài sản, Với sự thật được danh, Bố thí kết bạn bè. 190.

Ai là người gia chủ, Tin tưởng bốn pháp này: Sự thật và đúng pháp? Kiên trì và bố thí, Vị ây sau khi chêt, Nhât định không sâu muộn. 191. Hãy hỏi các vị khác, Sa-môn5 Bà-la-môn? Nếu có pháp nào khác, Ở đời, lại thắng hơn, Sự thật và nhiêp phục, Bố thí và kham nhẫn? [ÃỊavaka:] 192. Sao nay con rộng hỏi, Sa-môn9 Bà-la-môn? Nay con được rõ biết, Hiện, vị lai hạnh phúc. 193. Vì hạnh phúc cho con, Mong rằng bậc Giác Ngộ Hãy đi đến an trú, Tại xử ÃỊavĩ, Nay con đã rõ biết, Chỗ nào thí, quả lớn. 194. Con sẽ đi bộ hành, Làng này qua làng khác, Thành này qua thành khác, Đảrủi lễbậi GiácNgộ, Đảnh lễ thiện pháp tánh, Của Chánh pháp vi diệu.59

57 Kệ 185-86, tham chiếu: s. I. 213, AỊãvakasutta (Kinh AỊãvaka); Mỉln. 35; Pháp củ kinh "Epc tín phẩm,^ (7.04. 0210.4. 0560b20); Phap củ thidykinh^Doc tínphẩiĩí* (T.Q4. 0211.4. 0580b01); Xuất diệu h>7^uTm pham^ (T.04. 0212.11. 0672al7); Pháp tậpyếu tụng kỉnh “Chánh tín phẩm^, (T04. 0213.10. 0782al9).
58 Kệ 188-89, xem s. I. 213, AỊãvakasutta (Kinh AỊãvaka); Netti. 128. 59XemSR. 1.37, Upãlỉttheraapadãna (Kỷsựvề Trưởng lão Updli);Ap.ĩL 375, Yãgudãyakattheraapadãna (Kỷ sự vê Trưởng lão Yãgudãyakà).

KINH THẮNG TRẬN(yịịayasutta) (Sn. 34) 195. Hoặc là đi hay đứng, Hoặc là ngồi hay nằm, Hoặc co tay, duỗi tay, Như vậy thân dao động. 196. Ràng buộc với xương gân60 Trét thoa với da thịt, Thân được da che đậy, Không thấy rõ như thật. 197. Trong một bụng chứa đầy, Lá gan và bọng đái, Quả tim và buồng phổi, Cả thận và tỳ tạng. 198. Nước mũi và nước miếng, Mồ hôi và nước mỡ, Máu và nước khớp xương, Mật và bạch huyết cầu. 199. Từ nơi chín nguồn này, Bất tịnh luôn luôn chảy, Từ mắt đồ bẩn chảy5 Từ tai đồ bẩn chảy. 200. Nước mũi từ lỗ mũi, Từ miệng có khi chảy, Chảy mật và niêm dịch, Từ than mo hoi? ban. 201. Trong đầu thật trống rỗng, Chứa đầy những 6c, não, Bị vô minh dắt dẫn? Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch. 202. Khi bị chết nằm xuống, Phồng lên và xanh bầm, Quăng bỏ trong nghĩa địa9 Bà con không đoái hoài. 203. Chó, dã can đến ăn, Chó sói, các côn trùng, Quạ, diêu hâu đên ăn, Còn có hữu tình khác. 204. Được nghe lời Phật dạy, Tỷ-kheo có trí tuệ, Vị ấy liễu tri thân, Thấy thân đúng như thật. 205. Đây thế nào? kia vậy9 Kia thế nào, đây vậy, Đối với thân trong ngoài, Từ bỏ mọi lòng dục. 206. Từ bỏ lòng tham due, Đây Tỷ-kheo có tuệ, Chứng bất tử, tịch tịnh, Niết-bàn giới thường trú. 207. Thân này với hai chân, Bất tịnh và hôi thối, ỉ Nguyên xác chêt chảy nước5 Lại được giữ, nâng niu, 208. Với thân thể như vậy, Ai lại nghĩ đề cao, Hay khinh miệt kẻ khác, Trừ kẻ không thấy gì.

§12. KINH ẨN SĨ (Munisutta)6ỵ (Sn, 35) 209. Thân mật sanh sợ hãi, Trú xứ sanh bụi bặm, Không trú xứ, không thân, Hình ảnh bậc Ẩn sĩ. 210. Ai đã chặt sanh hữu, Không còn gieo giống thêm, Sanh hữu đã đoạn tận, Không muốn nó tùy sanh,

60 Xem J. I. 145, Nigrodhamigcỳãtaka (Chuyện con nai Nigrodha), số §12. 61 Xem M". 211,^5.

Được gọi là Ẩn sĩ? Một mình đi im lặng? Bậc Ẩn sĩ đã thấy, Con đường tịch tịnh ấy. 211. Sau khi ước lượng đất, Tìm hiểu được hạt giống, Không còn muôn tham ái, Được tiếp tục tùy sanh, Vị ây chân ân sĩ, Thấy sanh diệt chấm dứt, Đoạn tận mọi hý luận, Không rơi vào tính toán. 212. Đã rõ mọi trú xứ5 Không ham trú xứ nào, Vị ây chan ân sĩ, Không tham, không say đắm. Không còn phải ra sức? Đã đạt bờ bên kia. 213. Bậc Chiến Thắng Toàn Diện, Bậc Toàn Tri, Thiên Thệ, Đối với tất cả pháp, Không còn bị ô nhiễm, Bậc từ bỏ tất cả, Ái đoạn diệt, giải thoát, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 214. Vị có trí tuệ lực? Giới cấm được đầy đủ, Định tĩnh, thích thiền định, Thường giữ gìn chánh niệm, Giải thoát các trói buộc, Không hoang vu, lậu tận, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 215. Bộ hành riêng một mình, Án sĩ không phóng dật, Trước chê bai, tán thán, Không có bị dao động, Như sư tử không sợ? Giữa các tiếng vang động, Như gió không vướng lưới, Như sen không dính nước, Bậc lãnh đạo mọi người, Người không ai lãnh đạo, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 216. Vị nào biết xử sự, Như cột trụ hồ tắm, Khi người khác nói lời, Lời khen chê cực đoan, Vị không có tham ái, Với căn kheo định tinh, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 217. Ai thật tự mình đứng, Thẳng như cây thoi đưa, Nhàm chán các nghiệp ác, Quán sát chánh, bất chánh, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 218. Ai biết tự chế ngự, Không làm các điều ác? Trẻ và hạng trung niên, Bậc Ẩn sĩ chế ngự, Vị ấy không nổi giận, Và không làm ai giận, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 219. Ai sống nhờ người cho, Nhận lãnh đồ khất thực, Nhận từ trên, từ giữa, Hay từ chỗ còn lại, Không đủ để tán thán, Không nói lời hạ mình, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ.

KINH TẬP 335

220. Sống hành hạnh ẩn si, Từ bỏ sự dâm dục, Ai lúc còn tuổi trẻ, Không bị trói buộc gi, Từ bỏ mạn, phóng dật, Được hoàn toàn giải thoát, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 221. Rõ biết được thế giới, Thấy được lý chân đế, Vượt khỏi được bộc lưu, Vượt biển lớn như vậy5 Vị chặt đứt trói buộc, Không ỷ lại, vô lậu, Các bậc trí nhận thức, Vị ấy thật ẩn sĩ. 222. Hai nếp sống62 không giống, Nơi trú thật xa nhau, Gia chủ có vợ con, Bậc vô ngã khéo nhiếp, Gia chủ không chê ngu, Ngăn chặn hữu tình khác, Bậc Ẩn sĩ luôn luôn, Che chở loài hữu tình. 223. Giống như loại chim công, Loại chim có cổ xanh, Không bao giờ sánh băng, Chim thiên nga nhanh nhẹn, Cũng vậy người gia chủ, Không sánh bằng Tỷ-kheo, Bậc Ẩn sĩ viễn ly, Sống thiền định trong rừng.

62 Tại gia và xuất gia.

n. PHẨM NHỎ (CULAK4GGA)

§1. KINH CHÂU BÁU (Ratanasutta)1 (Sn. 39) 224. Phàm ở tại nơi này, Có sanh linh tụ hội? Hoặc trên cõi đất này, Hoặc chính giữa hư không, Mong rằng mọi sanh linh, Được đẹp ý vui lòng, Rồi xin hãy thành kính, Lăng nghe lời dạy này. 225. Do vậy các sanh linh, Tât cả hãy chú tâm, Khởi lên lòng từ mẫn, Với người nam, nữ nào, Ban ngày và ban đêm, Họ đem vật cúng dường, Do vậy hãy nhiệt tình, Giúp hộ trì cho họ. 226. Phàm có tài sản gì, Đời này hay đời sau, Hay ở tại thiên giới, Có châu báu thù thắng, Không gì sánh bằng được, Với Như Lai, Thiện Thệ, Như vạy nơi đức Phật, Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này? Được sông chơn hạnh phúc. 227. Đoạn diệt và ly tham, Bất tử và thù diệu, Phật Thích-ca Mâu-ni? Chứng pháp ây trong thiên, Không gì sánh băng được, Với pháp thù diệu ấy, Như vậy nơi Chánh pháp, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này9 Được sống chơn hạnh phúc. 228. Phật, Thế Tôn thù thắng, Nói lên lời tán thán, Pháp thiền định trong sạch, Liên tục, không gián đoạn, Không gì sánh bằng được, Pháp thiền vi diệu ấy, Như vậy nơi Chánh pháp, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 229. Tám vị bốn đôi này, Được bậc thiện tán thán, Chúng đệ tử Thiện Thệ, Xứng đáng được cúng dường, Bố thí các vị ấy, Được kết quả to lớn, Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc.1 2

1 Xem Kh. 6, Ratanasutta (Kinh Châu bảu). 2 Xem Vv. 62, Vìhãraviĩnãnavatthu (Chuyện lâu đài tỉnh xa).

230. Các vị lòng ly dục, Với ý thật kiên trì, Khéo liên hệ mật thiết, Lời dạy Gotama, Họ đạt được quả vị, Họ thể nhập bất tử, Họ chứng đăc dê dàng, Hưởng thọ sự tịch tịnh, Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 231. Như cây trụ cột đá? Khéo y tựa lòng đất, Dầu có gió bốn phương, Cũng không thể dao động, Ta nói bậc chân nhân, Giống như thí dụ này, Vị thể nhập với tuệ, Thấy được những Thánh đế, Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc? 232. Những vị khéo giải thích, Những sự thật Thánh đế, Đã được khéo thuyết giảng, Với trí tuệ thâm sâu, Dầu họ có xao lãng, Hay lơ là thế nào, Họ cũng không đến nỗi, Sanh hữu lần thứ tám, Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 233. Vị ấy nhờ đầy đủ, Với chánh kiến sáng suốt, Do vậy có ba pháp, Được hoàn toàn từ bỏ, Thân kiến và nghi hoặc, Giới cấm thủ cũng không.3 4 234. Đối với bốn đọa xứ, Hoàn toàn được giải thoát, Vị ấy không thể làm, Sáu điều ác tội trọng,5 Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 235. Dầu vị ấy có làm, Điều gì ác đi nữa, Với thân hay với lời, Kể cả với tâm ý, Vị ấy không khi nào, Che đậy việc làm ấy, Đây là tính không thể, Của vị thấy Niết-bàn? Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 236. Như là những cây rừng, Đã đơm hoa đầu ngọn5 Trong tháng hạ nóng bức, Những ngày hạ đâu tiên, Pháp thù thắng được giảng, Được ví dụ như vậy? Pháp đưa đếnNiết-ban, Pháp hạnh phúc tối thượng,

3 Kệ 231-32, xem Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp). 4 Kệ 233-34, xem Kv. 104, Odhỉsokathã (Vấn đề thanh loc)yKv. 173, Annãnakathã (vấn đề tri kiến của bậc A-ỉa-hánỵ Kv. 213, Anupubbãbhisamayakathã (Vấn đề tiến trình chứng ngộ), 5 Tức ỉà 5 tội trọng (ngũ nghịch tội) cộng với tội theo ngoại đạo tà giáo.

Như vậy nơi đức Phật, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 237. Đức Phật, bậc Cao Thượng, Bậc Ban Phúc Cao Thượng, Bậc Biết Pháp

Cao Thượng, Đem lợi ích cao thượng, Bậc Vô Thượng thuyết giảng, Pháp cao thượng thù thăng, Như vậy nơi đức Phật, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 238. Nghiệp cũ đã đoạn tận, Nghiệp mới không tạo nên, Với tâm tư từ bỏ, Trong sanh hữu tương lai, Các hạt giống đoạn tận, Ước muốn không tăng trưởng, Bậc trí chứng Niết-bàn, Ví như ngọn đèn này, Như vậy nơi Tăng chúng, Là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc. 239. Phàm ở tại nơi này, Có sanh linh tụ hội, Hoặc trên cõi đất này, Hoặc chính giữa hư không, Hãy đảnh lễ đức Phật? Đã như thực đến đây, Được loài trời, loài người, Đảnh lễ và cúng dường. Mong rằng với hạnh này, Mọi loài được hạnh phúc. 240. Phàm ở tại nơi này, Có sanh linh tụ hội, Hoặc trên cõi đất này, Hoặc chính giữa hư không, Hãy đảnh lễ Chánh pháp, Đã như thực đến đây, Được loài trời, loài người, Đảnh lễ và cúng dường. Mong rằng với hạnh này, Mọi loài được hạnh phúc. 241. Phàm ở tại nơi này, Có sanh linh tụ hội, Hoặc trên cõi đất này, Hoặc chính giữa hư không, Hãy đảnh lễ chúng Tăng, Đã như thực đến đây, Được loài trời, loài người, Đảnh lễ và cúng dường. Mong rằng với hạnh này5 Mọi loài được hạnh phúc.

§2. KINH HÔI THÓI (Ẽmagandhasuttă) (Sn. 42)

[Bà-la-môn:]

242. Các bậc thiện chơn chánh, Ần hạt giống, cây thuốc,
Y 1 ỉ W 9
Ần đậu đũa, đậu rừng, An la, ăn re củ,
Ăn trái các dây leo, Nhận được thật đúng pháp,
Vị ấy không nói láo, Vì các dục thúc đẩy.

243. Ôi, Ngài Kassapa, Ai ăn các món ăn,
Do người khác bố thí, Khéo làm, khéo chimg dọn,
Trong sạch và thù thăng, Ăn lúa gạo thơm ngon,
Ai ăn uống như vậy? Là ăn đồ hôi thối.

244. Này, bà con Phạm thiên, Chính 9 Ngàir tuyên bô răng: Ta không ăn đồ thối, Đê nuôi song thân Ta. Nhimg Ngài ăn món ăn, Bằng lúa gạo thơm ngon, Ăn thịt các loài chim, Nấu ăn thật khéo léo, Ta hỏi Kassapa: Ý nghĩa sự kiện này, Ngài định nghĩa thế nào, Là ăn đồ hôi thối? [Đức Phật Kassapa:] 245. Sát sanhĩ và hành hình, Đả thương và bắt trói, Trộm căp và nói láo, Man trá và lừa đảo, Giả bộ kẻ học thức, Đi lại với vợ người, Đây là ăn đồ thối, Ăn thịt không phải thối. 246. Ở đời, các hạng người, Không chế ngự lòng dục, Đam mê các vị ngon, Liên hệ đến bất tịnh, Theo chủ nghĩa hư vô5 Bất chánh, khó hướng dẫn, Đây là ăn đồ thối, Ăn thịt không phải thối. 247. Ai thô bạo, dã man, Sau lưng nói gièm pha, Phản bạn, không từ bi, Lại cống cao ngạo mạn, Tánh không có bố thí, Không cho ai vật gì5 Đây là ăn đồ thối? Ăn thịt không phải thối. 248. Phẫn nộ và kiêu mạn, Cứng đầu và chống đối, Man trá và tật đố, Nói vô ích, huênh hoang, Kiêu mạn và quá mạn, Thân mật với kẻ ác, Đây là ăn đồ thối, Ăn thịt không phải thối. 249. Ác giới, nợ không trả, Làm người hay vu khống, Làm những nghề dối trá, Ở đây, kẻ giả vờ, Ở đây, người bần tiện, Những người làm ác nghiệp, Đây là ăn đồ thối, Ăn

thịt không phải thối. 250. Ở đời, đối hữu tinh, Người không biết kiềm chế, Lấy cướp sở hữu người, Chú tâm làm hại người, Không giữ giới, tàn nhẫn, Ác ngữ, thiếu lễ độ, Đây là ăn đồ thối, Ản thịt không phải thối. 251. Hạng tham ô, thù nghịch, Tìm cách để giết hại, Luôn luôn hướng vê ác, Sau chết sanh tối tăm, Chúng sanh ấy rơi vào, Địa ngục đầu xuống trước, Đây là ăn đồ thối, Ăn thịt không phải thối. 252. Không phải do cá thịt, Cùng các loại nhịn ăn, Không phải do lõa thể, Đầu trọc và bện tóc, Không do tro trét mình, Mặc da thú khô cứng,

Không phải do săn sóc, Nuôi dưỡng lửa tê tự, Không do nhiều khổ hạnh, Để được chứng bất tử, Không bùa chú tế tự, Các tế đàn thời tiết, Làm con người trong sạch, Neu nghi hoặc chưa đoạn. 253. Do sống hộ trì căn, Với các căn nhiếp phục, Vững trú trên Chánh pháp, Thích chân trực, hiền hòa? Vượt khỏi các tham ái? Đoạn tận mọi khổ đau, Bậc trí không nhiễm dính, Điều được thấy được nghe. 254. Nhiều lần Thế Tôn thuyết, Ý nghĩa lời dạy này, Bậc bác học kệ chú, Thâm hiểu ý nghĩa ấy; Bậc ân sĩ nói lên, Với những kệ tuyệt diệu, Bậc không ăn đồ thối, Độc lập? khó bị dẫn. 255. Nghe xong những lời dạy, Lời Thế Tôn khéo nói, Chấm dứt ăn đồ thối, Đoạn tận mọi khổ đau? Vị ấy đảnh lễ Phật, Với tâm ý nhún nhường, Thỉnh cầu được cho pháp, Xuất gia tại nơi đây.

§3. KINH XẤU HỔ (Hirísutta)6 (% 45) 256. Ai mở miệng tuyên bố: "T6i là bạn của anh” Sở hành vượt xấu hổ5 Lại khinh chán bạn minh, Không chịu khó gắng làm, Công việc có thể làm, Cần biết người như vậy, Không phải bạn của tôi. 257. Ai đối với bạn hữu, Chỉ làm với lời nói, Lời nói đẹp khả ái) Nhimg chỉ lời nói suông, Bậc trí biết người ấy, Người chỉ nói không làm. 258. Người luôn luôn chú ý, Nghi ngờ sự bất đồng, Tìm kiêm các nhược điêm, Người ấy không phải bạn; Với ai lòng mên tin, Như con năm trên ngực, Người ấy mới thật bạn, Kh6ng bị ai chia ly.7 259. Ai mong lợi ích quả, Tu tập các sự kiện, Đem lại sự hân hoan, Tu tập sự an lạc, Đem lại thưởng, tán thán, Gánh trách nhiệm làm người. 260. Uống xong vị viễn ly, Uống xong vị an tịnh, Không sợ hãi, không ác, Hưởng vị ngọt pháp hỷ.8

6 Xem J. III. 196, Hỉrịiãtaka (Chuyện hổ thẹn), số §363. 7 XemJ. III. 192, Vanụărohạiãtaka (Chuyện sắc đẹp), số §361. 8 Tham chiếu: Dh. V. 205; J. III. 196; Xuất diệu kinh tÁc hành phẹnẹ iiBSắẫ(r.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh 4Tội chướng phm” (r04. 0213.28. 0792a 17).

§4. KINH ĐIỀM LÀNH (Mangalasuttdỷ (Sn. 46) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Sãvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rôi một thiên nhân, khi đêm đã gân mãn, với dung săc thù thăng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy với bài ke, bạch Thế Tôn: 261. Nhiều thiên nhân và người, Suy nghĩ đến điềm lành, A M M Mong ước và đợi chờ, Một nêp sông an toàn, Xin Ngài hãy nói lên5 về điềm lành tối thượng! [Thế Tôn:] 262. Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí, Đảnh lễ người đáng lễ, Là điêm lành tôi thượng. 263. Ở trú xứ thích hợp, Công đức trước đã làm, Chân chánh

hướng tự tâm, Là điềm lành tối thượng. A 264. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Khéo huân luyện học tập, Nói những lời khéo nói, Là điêm lành tôi thượng. 265. Hiếu dưỡng mẹ và cha, Nuôi dưỡng vợ và con, Làm nghề không rắc rối, Là điềm lành tối thượng. 266 Bố thí, hành đúng pháp, Săn sóc các bà con, Làm nghiệp không lỗi lầm, Là điềm lành tối thượng. 267. Chấm dứt, từ bỏ ác, Chê ngự đam mê rượu, Trong pháp không phóng dật, Là điềm lành tối thượng. 268. Kính le và hạ mình, Biết đủ và biết ơn, Đúng thời nghe Chánh pháp, Là điềm lành tối thượng. 269. Nhẫn nhục, lời hòa nhã, Yết kiến các Sa-môn, Đúng thời đàm luận pháp, Là điềm lành tối thượng. 270. Khắc khổ và Phạm hạnh, Thấy được lý Thánh đế, Giác ngộ quả Niêt-bàn, Là điềm lành tối thượng. 271. Khi xúc chạm việc đời, Tâm không động, không sầu, Không uê nhiêm, an ôn, Là điềm lành tối thượng. 272. Làm sự việc như vậy, Không chỗ nào thất bại, Khắp nơi được an toàn, Là điềm lành tối thượng.

9 Tên kinh cũng được dịch là Kỉnh Hạnh p/zwc. Tham chiếu: Kh. 2, Mangalasutta (Kinh Điềm lành)\ Pháp củ kinh ^atjucmg phẩm2.(104. 0210.39. 0574c29); Pháp củ thỉ dụ kỉnh uCat tường phẩm,, (r.04. 0211.39. 0608CÍ4). '

KINH TẬP 343

§5. KINH SŨCILOMA (Sũcilomasutta)w (Sn. 47) * .

Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Gayã, ở Tankitamanca, tại trú xứ của dạ-xoa Sũciloma. Lúc bấy giờ, dạ-xoa Khara, dạ-xoa Sũciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với dạ-xoa Sũciloma: -Đây là Sa-môn. -Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn giả hiệu. Ta biết rõ ông ấy là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi dạ-xoa Sũciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến nghiêng người gần thân ryi Ặ Ẩ __ L - K J ___ _ Cu _ *1___ -- 2_ L* - _ _____ _____ \ A rr' _ The Ton. The Tôn tránh né thân của minh, roi dạ-xoa Sũciloma nói với The Tôn: Có phải Sa-môn sợ ta? -Này Hiền giả, Ta không sợ ông, nhưng xúc chạm với ông là điều tệ hại. Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nêu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài quăng qua bờ bên kia sông Hằng. Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư thiên, Ác ma và Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môĩi, với chư thiên và loài người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta quăng qua bờ bên kia sông Hăng. Tuy vậy, này Hiên giả, ông cứ hỏi Ta như ý ông muốn. Rồi dạ-xoa Sũciloma với câu kệ nói với Thế Tôn: 273. Từ những nguyên nhân nào, Tham và sân khởi lên? Không ưa thích, ưa thích, Sợ hãi từ đâu sanh? Từ đâu được sanh khởi, Các suy tầm của ý, Như đứa trẻ độc ác, Thả cho con quạ bay? [Thế Tôn:] 274. Từ những nguyên nhân này? Tham, sân được khởi lên, Không ưa thích, ưa thích, Sợ hãi từ đây sanh, Từ đây được sanh khởi, Các suy tầm của ý, Như đứa trẻ độc ác, Thả cho con quạ bay. Sự hiện hữu của ngã, Chính do thân ái sanh, Như các rễ cây da, Từ thân nhánh tủa xuống. Sự triển phược các dục, Thật rộng lớn vô cùng, Như dây leo, chùm gửi, Tỏa rộng lan khắp rừng.

10 Kệ 274-76, tham chiếu: s. I. 445, Sũciỉomasutta (Kỉnh Sũcỉlomă)\ MNid. 1, Kãmasuttanỉddeso (Diễn giải kinh về dụè)\ MNid. 338, Tuvatakasuttaniddeso (Diễn giải kinh một cách nhanh chóng)^ MNỈd. 444, Sãrỉputtasúttaniddeso (Diễn giải kinh về Sãriputtà); CNỈd. 60, Khaggavisanasuttaniddeso (Diễn giải kinh sừng tê rĩg);Netti. 128; Tạp.(T.02. 0099.1314. 0361a23) Tạp. M (T.02. 0099.1324. 0363029); BỈẹt (T.02. 0100.313. 0479b 18); Biệt Tạp.(7.02. 0100.323. 048ỈCÍ5).

275. Hãy nghe, này dạ-xoa! Những ai được rõ biết, Từ đâu khiến sanh khởi, Họ tẩy sạch nhân ấy, Họ vượt qua dòng nước, Chảy mạnh, khó vượt này, Trước chưa được vượt qua, Không còn có tái sanh.

§6. KINH HÀNH CHÁNH PHÁP(phammacarìyasuttă)xx (Sn. 49) 276. Pháp hạnh và Phạm hạnh, Được gọi tối thượng hạnh, Nếu là người xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà. 277. Nấu bản tánh lắm mồm, Ưa làm hại như thú, Đời sống ấy ác độc? Làm ngã tăng bụi trân. 278. Tỷ-kheo ưa cãi nhau, Bị vô minh che đậy, Không biết Luật Phật dạy? Pháp do Phật tuyên thuyết. 279. Bị vô minh lãnh đạo, Hại bậc tu tập ngã, Không biết đường ô nhiễm, Đưa đến cõi địa ngục. 280. Vị Tỷ-kheo như vậy? Rơi vào chỗ đọa xứ, Đi đầu thai chỗ này, Đến đầu thai chỗ khác, Đi từ tối tăm này, Đến chỗ tối tăm khác? Vị ấy sau khi chết, Rơi vào chô khô đau. 281. Như hố phân đầy tràn, Sau nhiều năm chất chứa, Cũng vậy kẻ uế nhiễm, Thật khó lòng gột sạch. ĩ e 282. Hỡi này, các Tỷ-kheo, Hãy biêt người như vậy, Hệ lụy với gia đình, Ác dục, ác tư duy, Ác uy nghi, cử chỉ, Ac sở hành, hành xứ. 283. Tất cả đều đồng tình, Tránh xa người như vậy, Hãy thổi nó như bụi, Hãy quăng nó như rác. 284. Hãy đuổi kẻ nói nhiều, Kẻ Sa-môn giả hiệu, Sau khi đuổi ác dục, Ác uy nghi, hành xứ. 285. Hãy giữ mình trong sạch? Chung sống người trong sạch. Sống thích đáng, chánh niệm, Rồi hòa hợp, sáng suốt, Hãy chấm dứt khổ đau.

§7. KINH THEO PHÁP BÀ-LA-MÔN (Brãhmanadhammỉkasuttdỷ2 (Sn. 50) Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Săvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi

11 Xem Miln. 411, Maniratanangapanha (Câu hỏi về tỉnh chất của ngọc ma-nỉ). 12 Tham chiếu: Phạm Ba-la-diên kỉnh (7.01. 0026.156. 0678a23).

trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chao đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa? Này các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa, nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức! -Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói! Thưa vâng, Tôn giả. Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau: 286. Các ẩn sĩ thời xưa, Chế ngu, sống khắc khổ, Bỏ năm dục trưởng dưỡng, Hành lý

tưởng tự ngã. 287. Phạm chí không gia súc, Không vàng bạc, lúa gạo, Học hỏi là tài sản, Họ che chở5 hộ trì, Kho tàng tối thượng ấy. 288. Đồ ăn được sửa soạn, Được đặt tại ngưỡng cửa, Được làm với lòng tin, Để cúng bậc Thánh cầu. 289. Với vải mặc nhiều màu, Với giường nằm, trú xứ, Từ quốc độ giàu có, Người đảnh lễ Phạm chí. 290. Không bị ai xâm phạm, Là Phạm chí thời ấy, Không bị ai chiếm hại, Họ được pháp che chở5 Không ai ngăn chặn họ5 Tại ngưỡng cửa gia đình. 291. Từ trẻ đến bốn tám9 Các Phạm chí thời xưa, Họ sống hành Phạm hạnh, Tâm câu minh và hạnh. 292. Các vị Bà-la-môn5 Không đến giai cấp khác, Không mua người làm vợ5 Chung sông trong tình thương, Họ đi đến với nhau, Trong niềm hoan hỷ chung. 293. Ngoại trừ thời gian ấy, Thời có thể thụ thai, Là người Bà-la-môn, Không đi đến giao cấu. 294. Họ tán thán Phạm hạnh, Giới, học thức, nhu hòa? Khắc khổ và hòa nhã, Bất hại và nhân nhục. 295. Vị tối thắng trong họ, Là Phạm thiên nỗ lực, Vị ấy không giao hợp, Cho đến trong cơn mộng.

346 KINH TIỂU Bộ

296. Ở đời, bậc có trí, Học theo hạnh vị ây, Họ tán thán Phạm hạnh, Giới đức và nhẫn nhục. 297. Họ xin cơm, sàng tọa, Vải mặc, bơ yà dầu, Thâu nhiếp thật đúng pháp, Họ tổ chức tế tự, Trong lễ te tự ấy, Họ không giết bò cái. 298. Như mẹ và như cha, Như anh, như bà con, Bò là bạn tối thượng, Từ chúng, sanh được vị. 299. Bò cho ăn, cho sức, Cho dung sắc, cho lạc, Biết được lợi ích này, Họ không giết hại bò. 300. Họ đoan trang thân lớn, Có dung sắc, danh xưng, Bản tánh là nhiệt tình, Trong hành thiện dứt ác, Họ còn sống ở đời, Dân chúng hưởng an lạc. 301. Giữa họ có đảo lộn, Họ thấy vật nhỏ nhen, Thấy huy hoàng nhà vua, Thấy trang sức phụ nữ. y 302. Các cỗ xe khéo làm, Thăng với ngựa thuân thục, Trang hoàng với tấm thảm, Nhiều sắc lại nhiều màu, Các trú xứ phòng ốc? Khéo chia, khéo ngăn cách. 303. Đàn gia súc vây quanh, Phụ nữ đẹp hầu hạ, Bà-la-môn tham đắm, Tài sản lớn của người. 304. Họ soạn các chú thuật, Đến Vua Okkãka: Ngài được tài sản lớn, Ngài được lúa gạo nhiều, Hãy thiết lập tế đàn, Đê9 tài sản ngài lớn, e 5 Hãy thiết lập tế đàn, Đê tiên bạc ngài lớn. 305. Rồi vua, bậc lãnh tụ, Vương chủ các xa binh, Được các Bà-la-môn? Nhiêp phục và cảm hóa, Tổ chức các tế đàn, Vê ngựa và vê người, Quăng con nêm, nước thánh, Với các cửa then cài, Lễ tế đàn này xong, Họ cho các Phạm chí5 Rất nhiều loại tài sản. 306. Bò, giường nằm, áo mặc, Nữ nhân trang sức đẹp? Các cỗ xe khéo làm, Thắng với ngựa thuần thục, Trang hoàng với tâm thảm, Nhiêu săc lại nhiêu màu. 307. Các trú xứ đẹp đẽ? Khéo chia, khéo ngăn cách, Đầy các loại lúa gạo, Họ cho các Phạm chí, Rất nhiều là tài sản. 308. Ở đây, được tài sản, Phạm chí thích cất chứa, Lòng dục chúng thỏa mãn, Khát ái càng tăng trưởng, Họ lại soạn chú thuật, Đến Vua Okkãka:

KINH TẬP 347

309. Như nước? đất và vàng, Tài sản và lúa gạo, Cũng vậy là loài bò5 Đối với các loài người, Chúng là những vật dụng, Cần thiết cho hữu tình, Hãy thiết lập tế dàn, Để tài sản ngài lớn, Hãy thiết lập tế đàn, Đê tiên bạc ngài lớn. 310. Rồi vua, bậc lãnh tụ, Vương chủ các xa binh, Được các Bà-la-môn, Nhiêp phục và cảm hóa, Tổ chức các tế đàn, Trăm ngàn bò bị giết. 311. Không phải dùng bàn chân, Cũng không phải dùng sừng, Con bò hại một ai, Chúng được khéo nhiếp phục, Như con dê, con cừu, Chúng cho nhiều ghè

sữa, Tuy vậy, vua ra lệnh? Nắm sừng, bắt lấy chúng, Giết chúng bằng dao gươm. 312. Rồi chư thiên, tổ tiên, Đe-thh, a-tu-la, Với các hàng la-sát, Đồng thanh cùng la lớn, Như vậy là phi pháp, Khi gươm giết hại bò. 313. Trước đã có ba bệnh, Dục, ăn không đủ5 già, Do giết hại muôn thú? Chúng lên đến chín tám. 314. Trượng phạt phi pháp này, Từ xưa truyền đến nay, Vật vô tọi bị giết. Còn người lễ tế đàn, Thối thất khỏi Chánh pháp. 315. Vậy tùy pháp cổ này, Bị bậc trí khiển trách, Chỗ nào lễ tế đàn, Như vậy được xem thấy, Quần chúng liền chỉ trích, Các vị lễ tế đàn. 316. Như vậy pháp bị hoại, Hạng Thủ-đà, Phệ-xá, Bị phân ly, chia rẽ, Cac hạng Sát-đế-iy, Bị chia năm, chẻ bảy, Còn vợ khinh rẻ chồng. 317. Các Sát-lỵ hoàng tộc, Các bà con Phạm thiên, Cùng với hạng người khác, Được gia tộc che chở, Họ bỏ quên sanh chủng, Họ rơi vào các dục. Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn ĩ 9 , 9 I X sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê nhìn thây săc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

§8. KINH CHIẾC THUYỀN (Nãvãsutta). 55) 318. Từ vị nào một người, Rõ biết được Chánh pháp, Hãy đảnh lễ vị ấy, Như thiên lễ E)ế-thích, Vị ấy được đảnh lễ, Tâm tư sanh hoan hỷ, Vị nghe, học nhiều này, Thuyết trình Chơn diệu pháp. 319. Theo gương vị như vậy, Không phóng dật, xao lãng, Sẽ sáng suốt, chú tâm, Suy tư và quán sát9 Thực hành pháp, tùy pháp, Trở thành vị hiểu biết, Thông minh và thận trọng. 320. Ai phục vụ kẻ ngu, Ngu si, tâm bé nhỏ, Mục đích chưa đạt được, Lại ganh tị tật đố, Chính ở đây, Chánh pháp, Không phát triển tu tập, Chưa vượt thoát nghi hoặc, Người ấy bị tử vong. 321. Như người nhảy xuông sông, Dòng sông nước ngập tràn, Dòng nước chảy nhanh mạnh, Người ấy bị lôi cuốn, Theo dòng nước trôi đi, Làm sao nó có thể, Giúp người khác vượt dòng! 322. Cũng vậy với người nào? Pháp không được tu tập, Không quán sát ý nghĩa, Của những vị nghe nhiều, Tự mình không rõ biết, Nghi hoặc chưa vượt qua, Làm sao nó có thể, Giúp người khác thấy biết! r \ r 323. Như người được leo lên, Chiêc thuyên mạnh vững chăc. Được trang bị đầy đủ9 Mái chèo và tay lái, Người như vậy ở dây, Giúp nhiêu người ngược dòng. Rõ biết những phương tiện, Thiện xảo và sáng suốt. 324. Như vậy bậc sáng suốt, Luôn luôn tự tu tập, Bậc nghe nhiều, hiểu nhiều, Không còn bị dao động, Vị ấy giúp đỡ được, Các người khác thấy biết9 Khởi tâm muôn nghe pháp, Nền tảng cho giác ngộ. 325. Do vậy hãy thân cận, Bậc chân nhân hiền si, Bậc sáng suốt có trí, Bậc nghe nhiều, học nhiều; Sau khi biết mục đích, Cố gắng khéo hành trì, Rõ biết được Chánh pháp, Vị ấy được an lạc.

§9. KINH THẾ NÀO LÀ GIỚI? (Kimsĩlasutta){3 (Sn. 56) 326. Thế nào là giới đức? Thế nào là chánh hạnh?

13 Xem J. III. 441, Sumangalcỳãtaka (Chuyện người giữ ngự viên Sumangalà), số §420.

càn phải làm tăng trưởng, Thân, khẩu, ý nghiệp nào9 Để người chánh nhập cuộc, Đạt được đích tối thượng? 327. Kính lễ bậc trưởng thượng, Không ganh tị một ai, Cần phải biết thời gian, Để yết kiến Đạo sư, r r Biêt được đúng thời khăc, Thuyết pháp bắt đầu giảng, 9 ĩ Hãy cân thận lăng nghe, Lời giảng được khéo nói. 328. Hãy đi đến đúng thời5 Trước mặt vị Đạo su, Từ bỏ tánh cứng dầu, Với thái độ khiêm tốn, Hãy nhớ nghĩ ức niệm, chơn chánh hành trì, Mục đích và Chánh pháp, ngự và Phạm hạnh. 329. Vui thích trong Chánh pháp, Hoan hỷ trong Chánh pháp, An trú trên Chánh pháp, Biết phân tích Chánh pháp, Sở hành không làm gi, Có lời uế nhiễm pháp, Chịu hướng dẫn? lãnh đạo, Bởi sự thật khéo nói. 330. Bỏ cười đùa, lắm miệng, Khóc than và sân hận, Làm những điều man trá, Lừa đảor 5 tham, kiêu mạn, Hung hăng và bạo ngôn, Cứng răn và đam mê, Sống từ bỏ tất cả5 Ly say dắm, kiên trì. 331. Thức tri được cốt lõi, Những lời được khéo nói9 Được nghe khéo thức tri, Cốt lõi của thiền định. Với con người hấp tấp, Lại phóng dật buông lung, Trí tuệ, điêu được nghe, Không có thể tăng trưởng. 332. An vui thích Chánh pháp Do bậc Thánh tuyên thuyết, Họ trở thành vô thượng, về lòi, ý và nghiệp, Họ an tịnh, nhu hòa, An trú trên thiền định, Chứng đạt được cốt lõi, Pháp được nghe, trí tuệ.

§10. KINH ĐỨNG DẬY (Utthãnasutta)14 (Sn. 57) 333. Hãy đứng dậy, ngồi dậy, Với người mộng ích gì, Kẻ bệnh ngủ làm gì? Khi mũi tên phiền lụy? 334. Hãy đứng dậy, ngồi dậy, Hãy kiên trì học tập, Đạt cho được an tịnh, Đímg để cho thần chết, Biết ông là phóng dật, Mê hoặc, chinh phục ông. 335. Chư thiên và loài người, Sống y chỉ tầm cầu, Hãy vượt ái dục này, Chớ để thời khắc qua, Khi thời khắc đã qua, Bị sầu khổ địa ngục.

14 Tham chiếu: Dh. V. 315; Thag. V. 399, 981; Phảp củ kỉnhngục phẩm” (rog. 0210.30. 0570a05); Xuất diêu ianh ^iệm pham,, (ro470212.6. 0649a06); Pháp tạp yếu tụng kinh “Ai lạcpham,, (r.04. 0213.5. 0779c23).

336. Phóng dật là bụi nhơ, Bụi do phóng dật khởi, Với minh, không phóng dật, Tự mình rút mũi tên.

§11. KINH RÃHULA (Răhulasuttd) (Sn. 58) [Thế Tôn:] 337. Thường chung sống người hiền, Ông có khinh miệt không? Người cầm đuốc loài người, Được ông tôn trọng không? [Rãhula:] 338. Thường chung sống người hiền, Con không có khinh miệt. Người cầm đuốc loài người, Thường được con tôn trọng. [Thế Tôn-] 339. Bỏ năm dục trưởng dưỡng, Khả ái và đẹp ý, Với lòng tin xuất gia, Hãy trở thành con người, r 9 Làm châm dứt khô đau. 340. Thân cận với bạn lành, Sông trú xứ xa văng, Viễn ly, không ồn ào, Hãy tiết độ ăn uống. 341. Y áo, đồ khất thực, Vật dụng và sàng tọa, Chớ có tham ái chúng, Chớ trở lui đời này. 342. Chế ngự trong Giới bổn, Phòng hộ trong năm căn, Hãy tu tập niệm thân, Sông với nhiêu nhàm chán. 343. Hãy từ bỏ tịnh tướng, Hệ lụy với tham ái, Tu tâm về bất tịnh, Nhất tâm, khéo định tĩnh. 344. Hãy tu tập vô tướng, Bỏ đi mạn, tùy miên, Do nhiếp phục kiêu mạn, Ông sẽ sống an tịnh. Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả Rãhula với những bài kệ này.

§12. KINH VANGĨSA (Vàngĩsasutta)ỉ5 (Sn. 59) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn sống ở ĂỊavĩ, tại điện AggãỊava. Lúc bấy giờ, Giáo thọ sư của Tôn giả Vàồgĩsa, tên là Nigrodhakappa, tại điện AggãỊava, mạng chung không bao lâu. Rồi Tôn giả Vangĩsa, trong khi thiền tịnh độc cu, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Không biết bậc Giáo thọ sư của ta có hoàn toàn nhập Niết- bàn hay không hoàn toàn nhập Ni§tbàn?" Rồi Tôn giả Vàồgĩsa vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Vangĩsa bạch Thế Tôn:

15 Bản PTS viết Vangĩsasutta. Bản Tích Lan và CST viết Nigrodhakappasutta. Xem Thag. V. 1209, Vangĩsattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Vangĩsà).

KINH TẬP 351

Ở đây, bạch The Tôn, trong khi thiền tịnh độc cư, con khởi lên tư tưởng như sau: "Không biết bậc Giáo thọ sư của con có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?" Rồi Tôn giả Vaồgĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy9 đắp y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và với bài kệ, nói lên với Thế Tôn: _ rri A rin A FT^ Á • ____

345. Con hỏi bậc Đạo Sư, Bậc Trí Tuệ Tôi Thượng, Ai chặt đứt nghi hoặc, Ngay trong đời hiện tại? Tại AggãỊava, Tỷ-kheo đã mạng chung, Có danh vọng, danh xưng, Nhập Niêt-bàn tịch tịnh. 346. Nigrodhakappa, Chính là tên vị ấy, Chính Thế Tôn đặt tên, Cho vị Phạm chí ấy, Vị ấy đảnh lễ Ngai, Sống tầm cầu giải thoát, Tinh cần và tinh tấn, Kiên cố thấy Chánh pháp. 347. Bạch Thích-ca, chúng con, Đệ tử Ngài tất cả, Chúng con đêu muôn biêt, Bậc Pháp Nhãn Biến Tri, An trú tại chúng con, sẵn sàng để được nghe, Ngài, Đạo Sư chúng con, Ngài là bậc Vô Thượng. 348. Hãy đoạn nghi chúng con, Cho con biết vị ấy, Đã được tịch tịnh chưa, Bậc trí tuệ rộng lớn, Hãy nói giữa chúng con, Bậc Pháp Nhãn Biến Tri, Như Thiên chủ Đế-thích, Lãnh đạo ngàn chư thiên. 349. Phàm những cột gút gì, Ở dây, đường si ám, Dự phân với vô trí, Trú xứ cho nghi hoặc, Gặp được đức Như Lai, Họ đều không còn nữa, Mắt này, mắt tối thắng, Giữa cặp mắt loài người. 350. Nếu không có người nào, Đoạn trừ các phiền não5 Như gió thổi tiêu tan, Các tầng mây dưới thấp, Màn đen tức bao trùm, Tất cả toàn thế giới, Những bậc có hào quang, Không có thể chói sáng. 351. Bậc trí là những vị9 Tạo ra những ánh sáng5 Con xem Ngài như vậy, Ôi! Bậc Trí sáng suốt, Chúng con đều cùng đến, Bậc tu hành thiền quán, Giữa hội chúng chúng con, Hãy nói vê Kappa! 352. Hãy gấp phát tiếng lên5 Tiếng âm thanh vi diệu, Như con chim thiên nga, Giương cổ lên để h6t, Phát âm từng tiếng một, Với giọng khéo ngân nga, Tất cả bạn chúng con, Trực tâm nghe lời Ngài. 353. Vị đoạn tận sanh tử, Không còn chút dư tàn, Vị tây sạch phiên não, Con câu Ngài thuyêt pháp,

352 KINH TIỂU Bộ

Kẻ phàm phu không thể, Làm theo điều nó muốn, Bậc Như Lai làm được, Điều được ước định làm. 354. Câu trả lời của Ngài, Thật đầy đủ trọn vẹn, Được chơn chánh nắm giữ, Bậc chánh trực trí tuệ, Đây chắp tay cuối cùng, Con khéo vái chào Ngài, Chớ để con si ám, Bậc trí tuệ tối cao. 355. Sau khi đã được biết. Thánh pháp thượng và hạ, Chớ để con si ám, Bậc tinh tấn tối cao, Như vào giữa mùa hè, Nóng bức khát khao nước, Chúng

con ngóng trông lời, Hãy mưa sự hiểu biết. 356. Kappa sống Phạm hạnh, Nếp sông có mục đích, Phải chăng sống như vậy, Là sống không uổng phí? Vị ấy chứng tịch tịnh, Hay còn dư tàn lại, Được giải thoát thế nào? Hãy nói chúng con nghe? 357. Thế Tôn ở nơi đây, Đã trả lời như vầy: Vị ấy trên danh sắc, Đã đoạn tận tham ái? Dòng đen tối xấu ác Đã tiềm ẩn lâu ngày, Vượt qua được già, chết, Không còn có dư tàn, The Ton nói như vạy, Bậc tối thắng năm pháp.1617 [Vangĩsa:] 358. Nghe vậy con tịnh tín, Với lời nói cua Ngài, Phật, Ẩn sĩ thứ bảy. Và lời hỏi của con, Không phải là VO ích! Và vị Bà-la-môn, Không có lừa dối con. 359. Nói gì thời làm vậy, Thật xứng đệ tử Phật, Chặt đứt lưới rộng chắc5 Của thần chết xảo quyệt. 360. Ôi! Thế Tôn, Kappa, Thấy căn nguyên chấp thủ, Thật sự đã vượt qua, Thế lực của Ma vương, Thề lực thật khó vượt.

§13. KINH DU HÀNH CHƠN CHÁNH (Sammãparibbãịanĩyasutta)^ (Sn. 63) [Người hỏi:] 361. Tôi hỏi bậc Ẩn si, Có trí tuệ rộng lớn5 Đã vượt qua bờ kia, Tịch tịnh, tự an trú, Làm sao một Tỷ-kheo? Bỏ nhà, bỏ các dục, Lại có thể chơn chánh, Du hành ở trên đời?

16 Xem Pss. Breth. 410, n. 4. Chủ giải đề cập đến 5 căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; hay 5 phần pháp thân: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoat tri kiến. 17 Xem 23.

362. Thế Tôn đáp như vầy: Ai nhổ lên điềm lành, Các sao băng mộng mị, Và các tướng lành dữ, Vị ấy đoạn trừ được, Các lỗi lầm, điềm lành, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 363. Tỷ-kheo nhiếp phục tham, Đối với các dục vọng? Tại thiên giới, nhân giới? Vượt hữu, chứng tri pháp, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 364. Tỷ-kheo bỏ hai lưỡi, Bỏ phẫn nộ? xan tham, Với tùy thuận, chống đối, Đoạn tận thật hoàn toàn, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 365. Sau khi đã từ bỏ, Cả ai và phi ái? Không chấp thủ một ai, Không y chỉ chỗ nào, Giải thoát được hoàn toàn, Các kiết sử trói buộc, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 366. Ai không tìm bản thể, Đối với các sanh y, Có thể nhiếp phục tham, Đối với các chấp thủ? Vị ấy không y chỉ, Không để ai dắt dẫn, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 367. Với lời và với ý, Và với cả nghiệp làm, Không chống đối một ai, Chơn chánh biết Diệu pháp, Thường cố gắng hướng đến, Đường Niết-bàn tịch tịnh, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 368. Tỷ-kheo không tự cao, Khi người đảnh lễ mình, Dầu có bị nhiếc mắng, Không khởi tâm tức tối? Được đồ ăn của người, Không có sự tham đắm, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 369. Tỷ-kheo sau khi đoạn, Tham dục và sanh hữu, Từ bỏ không làm hại, Không trói buộc một ai, Vị ấy vượt nghi hoặc, Đã rút ra mũi tên, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 370. Tỷ-kheo sau khi biết, Điều thích đáng cho mình, Không làm hại một ai, Có mặt ở trên đời9 Sau khi đã biết pháp, Như thật như thế nào, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 371. Với ai? các tùy miên, Không còn có tồn tại, Và cội gốc bất thiện, Được nhổ lên tận trừ, Vị ấy không tham dục, Không có hy cầu gì, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời.

372. Ai đoạn tận lậu hoặc, Đoạn trừ cả kiêu mạn, Mọi con đường tham dục, Được chê ngự, nhiếp phục, Được nhiếp phục, tịch tịnh, Tự ngã được an lập, Tỷ-kheo ấy chơn

chánh, Du hành ở trên đời. 373. Có lòng tin, nghe pháp, Thấy được quyết định tánh, Bậc hiền không phe phái, Giữa rất nhiều phe phái, Có thê nhiêp phục được, Tham, sân và hận thù, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 374. Thanh tịnh và chiến thắng, Kéo lên màn che kín, Tự tại trong các pháp, Đến bờ kia bất động9 Đoạn diệt các sở hành, Thiện xảo trong chánh trí, Tỷ-kheo ây chơn chánh, Du hành ở trên đời. 375. Vượt qua các chủ thuyêt, Trong những thời quá khứ, Trong những thòd vị lai, Trí tuệ thật thanh tịnh, Với tất cả mọi xứ, Được hoàn toàn giải thoát, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. 376. Rõ biết được Pháp cú, Chứng tri được Chánh pháp, Thấy được sự mở rộng, Đoạn tận các lậu hoặc, Đối tất cả sanh y, Được trừ diệt hoàn toàn, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời. [Người hỏi:] 377. Bạch Thế Tôn, chắc chắn, Thực sự là như vậy, Tỷ-kheo được chế ngự, Đã an trú như vậy, Đã nhiếp phục hoàn toàn, Tất cả các kiết sử, Tỷ-kheo ấy chơn chánh, Du hành ở trên đời.

§14. KINH DHAMMIKA (Dhammikasutta) (Sn. 66) Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi nam cư sĩ Dhammika đi đến Thế Tôn với năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 nam cư sĩ Dhammika nói lên những bài kệ với Thế Tôn: 378. Kính thưa Gotama, Bậc Trí Tuệ Rộng Lớn, Con xin kính hỏi Ngài, Vần đề đặc biệt nay: Vơi vị đệ tử Ngài, Làm thế nào là thiện? Nếu là vị xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Hay là vị có nhà, Sông đời nam cư sĩ? 379. Ngài rõ biết đường di, Cùng mục đích tối hậu, Của thế gian đời này, Và thế giới chư thiên,

Không ai so sánh Ngài, Bậc thấy nghĩa thù diệu, Chính Ngài được tôn xưng, Là đức Phật thù thắng. 380. Ngài biết tất cả trí, Ngài trình bày Chánh pháp, Vì lòng thương từ mẫn, Đối với mọi chúng sanh, Ngài mở rộng bức màn, Bậc Có Mắt mọi nơi, Không câu uê5 thanh tịnh, Ngài chói toàn thế giới. 381. Vị vua loài nãga, Tên Erãvana, Đã đến gần bên Ngài, Được nghe: Ngài Chiến Thắng. Vị ấy tìm đến Ngài, Để nghe lời khuyên nhủ, Sau khi nghe thích thú, Nói lên lời: Lành thay! 382. Vua Vessavana, Kuvera đến Ngài, Tìm hiểu, hỏi han Ngài, về vấn đề Diệu pháp, Được hỏi, ôi bậc trí, Đã giải đáp cho vua! Sau khi nghe, vị ấy, Cũng thích thú, hoan hỷ. 383. Các người ngoại đạo này, Ưa luận tranh, khẩu chiến, Các tà mạng ngoại đạo, Hay các Ni-kiền-tử9 Tất cả không vượt qua, Hơn thắng trí của Ngài, Như người đang đứng lại, Không thắng kẻ đi mau. 384. Các Bà-la-môn này, Ưa luận tranh, khẩu chiến, Có những bậc Phạm chí, Đã đến tuổi trưởng thượng, Tat cả đêu trói buộc, Bởi tư tưởng của Ngài, Kể cả những hạng người, Tự phụ, nói khoe khoang. 385. Pháp này là tế nhị5 Đem lại nguồn an lạc, Đã được bậc Thế Tôn, Khéo n6i, khéo thuyêt giảng, Tất cả mọi hạng người, Đều thích thú ưa nghe, Được hỏi, hãy nói lên, Ôi, đức Phật tối thượng. 386. Các vị Tỷ-kheo này, Đang ngồi đây tất cả, Kể cả nam cư sĩ, Tất cả đều chờ nghe, Hãy để họ nghe pháp, Bậc Vô uế, GiácNgộ, Như chư thiên nghe lời, Vãsava khéo nói! [Thế Tôn:] 387. Tỷ-kheo hãy nghe Ta, Ta cho các ông nghe, Pháp đoạn trừ điều ác, Tất cả hãy thọ trì? Với ai thấy ý nghĩa, Nghĩ ngợi có suy tư, Hãy sống theo chánh hạnh, Thích hợp với xuât gia. 388. Tỷ-kheo chớ ra ngoài, Trong thời gian phi thời, Hãy vào làng khất thực, Đúng thời thì hãy đi, Ai đi đứng phi thời, Bị

bẫy sập trói buộc, Do vậy các đức Phật, Không có đi phi thời.

356 KINH TIỂU Bộ

389. Các sắc và các tiếng, Các vị, hương và xúc, Chính những loại pháp ấy, Làm mê hoặc chúng sanh, Hãy nhiếp phục lòng dục, Đôi với các pháp ây, Hãy vào cho đúng thời, Để dùng bữa ăn sáng. 390. Tỷ-kheo được đúng thời, Các đồ ăn khất thực, Hãy đi về một minh, Ngồi tại chỗ an tịnh, Suy tư hướng nội tâm, Y không chạy ra ngoài, Làm cho thoát ra khỏi, Mọi chấp thủ tự ngã. 391. Nếu vị ấy có nói, Với một vị đệ tử, Hay nói với một vị? Một Tỷ-kheo nào khác, Hãy nói cho vị ây, Sự thù diệu Chánh pháp, Không có nói hai lưỡi, Không bài xích một ai. 392. Nhưng có những hạng người, Chống đối lại lời ấy, Những hạng người tuệ nhỏ9 Chúng ta không tán thán, Triền phược trói buộc họ, Từ chỗ này chỗ kia5 Ở đây, họ dẫn tâm, Đưa tâm đi quá xa. 393. Đồ khất thực, tinh xá, Cùng sàng tọa, trú xứ, Nước để trừ bụi nhớp, Y áo Tăng-già-lê, Sau khi nghe Chánh pháp, Do Thiện Thệ thuyết giảng, Bậc đệ tử thắng tuệ, Quán sát, hãy dùng chúng. 394. Do vậy đồ khất thực, 9 Sàng tọa và trú xứ, Nước đê trừ bụi nhớp, Y áo Tăng-già-lê, Đối với những pháp ấy, Đừng để cho dính nhiễm, Tỷ-kheo như giọt nước, Không dính trên lá sen. 395. Trách nhiệm của gia chủ, Ta cũng nói các ông, Làm theo đúng như vậy, Đệ tử là tốt lành, Pháp Tỷ-kheo toàn diện, Khó thành tựu đầy đủ9 Vì là người gia chiỉ, Phải làm nhiều việc đời. 396. Chớ giết loài hữu tình, Chớ bảo người giết hại, Hay chấp nhận kẻ khác, Giết hại các người khác, Đối với mọi sanh loại, Từ bỏ các hình phạt? Đối với kẻ mạnh bạo, Như đối kẻ run sợ. 397. Rồi hãy quyết từ bỏ, Lấy của không được cho, Đệ tử khéo sáng suốt? Vật gì, vật của ai, Chớ khiến người khác lấy, Chớ chấp nhận lấy trộm, Hãy từ bỏ, chấm dứt, Mọi của cải không cho. 398. Hãy từ bỏ9 tránh xa, Đời sông phi Phạm hạnh, Như bậc trí tránh né, Lửa cháy hố than hừng.

KINH TẬP 357

Nếu tự mình bất lực, Không thế sống Phạm hạnh, Thời chớ có xâm phạm, Vợ của các người khác. 399. Khi đi đến hội chúng, Hay đi đến đoàn chúng, Hay một mình, một người, Chớ nói lời nói láo, Chớ khiến người nói láo? Chớ chấp nhận nói láo, Tất cả điều không thật, Hãy tránh xa, từ bỏ. 400. Chớ sống theo nếp sống, Uống rượu và say rượu, Với vị là cư sĩ, Đã chấp nhận pháp này, Chớ khiến người uống rượu, Chớ chấp thuận uống rượu, Sau khi biết uống rượu, Cuôi đường là điên cuông. 401. Chỉ kẻ ngu say rượu, Mới làm các điều ác, Và khiến các người khác, Sông buông lung, phóng dật. Hãy từ bỏ, tránh xa, Xứ phi công đức này, Khiến điên cuồng, si mê, Làm kẻ ngu thỏa thích. 402. Chớ có giết hữu tình, Chớ lấy của không cho, Chớ nói láo không thật, Chớ uống rượu say mê, Từ bỏ phi Phạm hạnh, Không hành trì dâm dục, Không có ăn ban đêm? Không ăn lúc phi thời. 403. Chớ mang các vòng hoa, Chớ dùng các nước thơm, Hãy nằm trên mặt đất, Trên thảm chiếu trải dài, Tám hạnh này được gọi, Là hạnh ngày trai giới, Do đức Phật giảng dạy, Để chấm dứt khổ đau. 404. Từ nay, ngày trai giới, Chia nửa tháng hai phần, Ngày mười bôn, mười lăm, Hay ngày tám mỗi tháng, Và các ngày đặc biệt, Với tâm ý tịnh tín, Gôm có đủ tám phân, Khéo đầy đủ vẹn toàn. 405. Do vậy vào buổi sáng, Thực hành ngày trai giới, Bậc có trí sáng suốt, Với tâm tư tín thành, Với tâm ý tùy hỷ, Cúng dường Tỷ-kheo Tăng, Với món ăn đô uông, Hợp với khả năng mình. 406.

Hãy nuôi dưỡng mẹ cha, Hợp pháp và đúng pháp, Và cũng đúng với pháp, Hãy làm nghề buôn bán5 Người gia chủ như vậy, Sở hành không phóng dật9 Được sanh làm thiên nhân, Tên là "Tịt chói sáng."

ni. PHẨM LỚN (MAHẴVĂGGA)

§1. KINH XUẤT GIA (Pabbajjasuttd) (Sn. 72) [Ãnanda:] 407. Xuất gia, tôi tán thán, Như Pháp Nhãn xuất gia, Sau khi Ngài quán sát, Chấp thuận hạnh xuất gia. 408. Trói buộc sống gia đình, Tụ hội mọi bụi đời? Phóng khoáng đời xuât gia, Thấy vậy nên xuất gia. 409. Sau khi Ngài xuất gia, Thân ác nghiệp Ngài tránh, Từ bỏ lời nói ác, Mạng sống Ngài thanh tịnh, 410. Phật đi đến Vương Xá, Đến chỗ núi bao vây, Tại nước Ma-kiệt-đà? Ngài sống hạnh khất si, Thể hiện thật đầy đủ, Các tướng tốt quang minh. 411. Đứng trên sân lầu thượng, Bình-sa vương thây Ngài, Có đầy đủ tướng tốt, Bèn nói lên lời này: 412. uCác ông hãy quan sát, Người đẹp, lớn, thanh tịnh, Thành tựu với hạnh đức, Chỉ nhìn vừa một tầm. 413. Mắt nhìn xuống, chánh niệm, Gia đình không hạ tiện, Hãy cho sứ giả theo, Tỷ-kheo sẽ đi đâu?^ 414. Được sai, sứ giả ây, Đi theo sau limg Ngài, Tỷ-kheo sẽ đi đâu? Trú xứ sẽ chỗ nào? 415. Khất thực từng nhà một, Căn hộ trì, chế ngự, _ Bình bát được mau đây, Tỉnh giác và chánh niệm. 416. Sau khi đi khất thực, Ẩn sĩ ra khỏi thành, Lên núi Pandava, Sẽ trú xứ tại đấy. 417. Thấy vị ấy đến chỗ5 Các sứ giả ngồi chờ, Còn một vị đi về, Kể lại chuyện vua hay: 418. “Bại vương, Tỷ-kheo ấy5 Phía Đông Pandava, Ngồi như cọp, bò chúa, Như sư tử trong hang.” 419. Nghe sứ giả5 đức vua Với cỗ xe thù thắng, Vội vàng ra khỏi thành, Đi đến Pandava.

420. Đi được vua đi xe, Rồi xuống xe đi bộ, Đức vua tiến lại gần, Và vào chỗ Ngài ở. 421. Ngôi xuông, vua nói lên, Lời hỏi thăm chào đón, Lời lẽ chào đón xong, Vua nói lên nghĩa này. 422. Người thanh niên tuổi trẻ, Ngây thơ bước vào đời, Đẹp cao được đầy đủ, Thiện sanh dòng Sát-lỵ. 423. Nếu dẫn đầu tượng binh, Dàn trận thật uy nghi, Tài sản ta cho Người, Hãy hưởng và trả lời, về vấn đề thọ sanh. [Thế Tôn:] 424. Ngay sườn núi Tuyêt sơn, Có dân tộc đang sông, Tài sản, nghị lực đủ5 Ở xứ Kosala. 425. Dòng họ thuộc Mặt Trời, Sanh tộc là Thích-ca, Từ bỏ gia tộc ây5 Thưa vua, Ta xuất gia, Ta không có tha thiết, Đối với các loại dục. 426. Thấy nguy hiểm trong dục, Bỏ chúng là an ổn, Ta sẽ đi, tinh tấn, Ý Ta được hoan hỷ.

§2. KINH TINH CẦN (Padhãnasutta)1 (Sn. 74) [Thế Tôn:] 427. Bên sông Ni-liên-thiền, Ta tinh cần tinh tấn, Cố gắng? Ta thiền định, An ổn khỏi khổ ách. ỉ f \ 428. Ac ma đên gân Ta, Nói lên lời từ mẫn: "Ông ốm, không dung sắc, Ông đã gần chết rồi. 429. Cả ngàn phân ông chêt, Chỉ một phần còn sống, Hãy sống, sống tốt hơn, Sẽ làm các công đức. 430. Như ông sống Phạm hạnh, Hãy đốt lửa tế tự, Hãy chất chứa công đức, Ông tinh tấn làm gì? 431. Khó vượt đường tinh tấn! Khó làm, khó đạt được! Ác ma đứng gần Phật, Nói lên những kệ này. 432. Thế Tôn đã đáp lại Lời Ác ma như sau: Bà con ác5 phóng dật, Ngươi đến đây làm gì? 433. Với công đức nhỏ bé, Ta đâu có cần đến, Với ai cần công đức, Ác ma nên nói chúng.

1 Xem s. I. 122, Sattavassãnubandhasutta (Kinh Bảy năm đi theo);~MNid. 160, Pasũrasuttanỉddeso (Diễn giải kinh về Pasũra); MNid, 304, Mahãbyũhasuttanỉddeso (Diễn giải kỉnh những vấn đề to lớrì); CNid. 26, Nandamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Nandă).

KINH TẬP 361

434. Đây có tín, tinh tấn, Và Ta có trí tuệ, Như vậy chuyên tâm tu, Sao ngươi hỏi Ta sống? 435. Gió này làm khô cạn, Cho đến các dòng sông, Làm sao khô cạn máu5 Khi Ta chuyên tâm tu? 436. Dầu máu có khô cạn, Mật, đàm Ta khô cạn, Dầu thịt có hủy hoại, Tâm Ta càng tịnh tín, Ta lại càng vững trú, Niệm, tuệ và định lực. 437. Do Ta sống như vậy, Đạt được thọ tối thượng, Tâm không cầu các dục, Nhìn chúng sanh thanh tịnh. 438. Dục, đội quân thứ nhất, Thứ hai gọi bất lạc, Thứ ba, đói và khát, Thứ tư gọi tham ái. 439. Năm, hôn trầm thụy miên, Thứ sáu gọi sợ hãi, Thứ bảy gọi nghi ngờ, Tám gièm pha, ngoan cố. 440. Lợi danh và cung kính, Danh vọng được tà vạy, Ai tự đề cao mình, Hủy báng các người khác. 441. Ôi, này Namuci, Đây là quân đội ngươi, Đây quân đội chiến trận, Của dòng họ Kanha, Kẻ nhát không thắng ngươi, Ai thắng ngươi được lạc. 442. Ta mang cỏ mufija,2 Vững thay đây đời sống, Thà Ta chết chiến trận, Tốt hơn sống thất bại. 443. Bị thấy đắm ở đây, Số Sa-môn, Phạm chí, Không biết được con đường, Bậc giới đức thường đi. 444. Thấy khắp quân đội dàn5 Ác ma trên lưng voi, Ta bước vào chiến trận, Không để ai chiếm đoạt. 445. Đội ngũ quân nhà ngươi, Đời này r e và chư thiên, Không một ai thăng nôi, Ta đên ngươi với tuệ, Như hòn đá dập nát, Chiếc bát chưa nung chín. 446. Nhiếp phục được tâm tư, Khéo an trú chánh niệm, Ta sẽ đi bộ hành, Nước này qua nước khác, Để huấn luyện rộng rãi, Cho những người đệ tử. 447. Không phóng dật, tinh cần, Họ hành lời Ta dạy, Dầu ngươi không muốn vậy, Họ vẫn sẽ đi tới, Chỗ nào họ đi tới, Chỗ ấy không sầu muộn. [Ác ma:] 448. Bảy năm, ta bước theo, Chân theo chân Thế Tôn, Không tìm được lỗi lầm? Nơi Thế Tôn chánh niệm.

2 Mang vòng cỏ mufija có nghĩa là phát nguyện.

362 KINH TIỂU Bộ

449. Như quạ bay xung quanh, Hòn đá như đống mỡ, Có thể có gì mềm? Có thể có gì ngọt? 450. Không tìm được gì ngọt, Quạ từ đó bay đi, Như quạ mổ hòn đá, Ta bỏ Gotama. 451. Bị sầu muộn chi phối, Cây đàn rơi khỏi nách, Kẻ dạ-xoa ác ý, Tại đây liên biên mate

§3. KINH KHÉO THUYẾT (Subhãsitasutta)3 (Sn. 78) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Rồi đức Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo. Các Tỷ-kheo vâng đáp đức Thế Tôn: Bạch Ngài. Thế Tôn nói như sau: Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng n6i, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chỉ nói lời khéo nói, không nói lời vụng nói; chỉ nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; chỉ nói lời khả ái, không nói lời phi khả ái; chỉ nói lời đúng sự thật, không nói lời không đúng sự thật. Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, là lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị

người trí quở trách. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau: 452. Bậc Thiện Nhân nói lên, Lời khéo nói tối thượng, Thứ hai, nói đúng pháp, Không nói lời phi pháp, Thứ ba, nói khả ái, Không nói phi khả ấi, Thứ tư, nói chơn thật, Không nói không chơn thật. Rồi Tôn giả Vangĩsa từ chỗ ngồi đứng dậy9 đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng đen The Tôn và bạch The Ton: Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ. Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vangĩsa! Rồi Tôn giả Vaỏgĩsa, trước mặt Thế Tôn? nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

3 Tham chiếu: s. 1.1 S8,Subhãsitasutta (Kinh Khéo nói); Thag. V. 1209; Pe. 60; Tạp.(r.02.0099.1218. 0332a08); Biệt Tạp.(r.02. 0100.253. 0462bl9); Phap B aplgi ph (r.04. 0210.38. 0574bl6); Xuất diệu kỉnh "Phỉ bang ghW9 tb(L04. 0212.9. 0663cl8); Pháp tập yếu tụng kỉnh "Ngữ ngôn phâm"(T.04. 0213.8. 0781b03).

KINH TẬP 363

[Vàủgĩsa:] 453. Hãy nói lên lời nói, Không thiêu đốt tự ngã, Không làm hại người khác, Lời nói ấy khéo nói. 454. Hãy nói lời khả ái, Nói lời khiến hoan hỷ, r Không mang theo ác hại, Khiên người khác ưa thích. 455. Chơn thật lời bất tử, Đây thường pháp là vậy, Họ nói bậc Thiện Nhân, An trú trên chơn that, Trên mục dích, trên pháp. 456. Lời gì đức Phật nói5 An ổn đạt Niết-bàn, Đoạn tận các khổ đau, Đấy lời nói tối thượng.

§4. KINH SUNDARIKA BHÃRADVÃJA (Sundarikabhãradvặịasutta)4 (Sn. 79) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikã. Lúc r " __ • r , bây giờ, Bà-la-môn Sundarika Bharadvaja đôt lửa thiêng trên bờ sông Sundarikã và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặịa, sau khi đốt lửa thiêng, sau khi cử hành các lễ tế lira, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bôn phương, nghĩ răng: “Ai có thê ăn đô ăn còn lại của lê tê tự này?" Rồi Bà-la-môn Sundarika Bharadvaja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, phủ y kín đầu; thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja nên lấy y xuống. Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja nghĩ răng: "Người này đâu trọc! Người này là kẻ trọc dâu!" và muôn đi trở lại. Rôi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja suy nghĩ: "d dây, cũng cỏ một số Bà-la-môn trọc đâu. Vậy ta hãy đi đên vị này và hỏi vê thọ sanh." Rôi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn: Thọ sanh của Tôn giả là thế nào? Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja những bài kệ: 457. Ta không phải Phạm chí, Cũng không phải con vua, Cũng không phải buôn bán? Không phải là ai hết. Do liễu tri giai cấp, Của các hàng phàm phu, Ta, bậc trí ở đời, Bộ hành không sở hữu. 458. Mặc y Tăng-già-lê, Ta sống không gia đình, Với tóc được cạo sạch, Tự ngã được an tịnh, Ở đời Ta không nhiễm, Với các thiếu niên nào, Không thích hợp ông hỏi, Hỏi Ta về thọ sanh.

4 Xem s. I. 167, Sundarikasutta (Kinh Sundarĩkă).

364 KINH TIÊU Bộ

[Bà-la-môn:]

459. Thật sự thưa Tôn giả, Các vị Bà-la-môn,
Thường hỏi Bà-la-môn, Có phải người Phạm chí?
[Thế Tôn:]
460 Nếu ông nói lên rằng: Ông là Bà-la-môn,
Và nếu ông hỏi Ta, Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi ông, về Sãvitti5 này,
Gồm có mười hai câu, Và hai mươi bốn chữ.
[Bà-la-môn:]
461. Do y tựa vào gì, Các ẩn sĩ, loài người,
Sát-đế-ly9 Phạm chí, Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư thiên, Rộng rãi trong đời này?
[Thế Tôn:]
462. Vị nào đạt cứu cánh, Vị nào hiểu Vệ-đà,
Trong lễ tế đàn này, Thọ hưởng đồ cúng dường,
Ta tuyên bố nói rằng, Lễ ấy được tăng thịnh.
[Bà-la-môn:]
463. Chắc chắn tế đàn ấy, Cúng dường được tăng thịnh.
Vì chúng ta thấy được, Vị am hiểu Vệ-đà,
Nếu chúng ta không thấy, Được một người như ông,
Một người khác thọ hưởng, Đô cúng dường tê đàn.
[Thế Tôn:]
464. Vì vậy, này Phạm chí, Đến Ta vì cần thiết,
Với mục đích rõ ràng, Vậy nay ông hãy hỏi,
Ông có thể tìm được, Một bậc trí ở đây,
An tịnh, không sân hận, Không khổ, không tầm cầu?
[Bà-la-môn:]
465. Tôi vui trong tế đàn5 Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước, Được cúng dường tế đàn,
Nhimg tôi không được biết, Tôn giả hãy dạy tôi,
Hãy nói lên cho tôi? Chỗ cúng dường tăng thịnh.
[Thế Tôn:]
Vậy này Bà-la-môn, Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì ông, Tuyên thuyết pháp vi diệu.
466. Chớ hỏi về thọ sanh, Hãy hỏi về hạnh dức,
Thật vậy? từ củi gô9 Một ngọn lửa được sanh,
5 Đây chỉ cho 3 quy y, 12 câu, 24 chữ.

KINH TẬP « 365

Từ __ gia đình r thâp kém, Y \ Bậc ân sĩ có trí, Được huân luyện thuân thục, Ngăn ngừa tội nhờ tàm. 467. Được chơn thật huấn luyện, Được nhiếp phục, chế ngự, Bậc đạt đến

hiểu biết, Phạm hạnh được viên thành, Hãy đúng thời cúng dường, Đồ cúng dường vị ấy, Vậy vị Phạm chí nào, Muốn nguyện cầu công đức, Hãy tổ chức tế đàn, Với cúng dường như vậy. 468. Những vị nào bỏ dục, Du hành không gia đình, Khéo chế ngự, nhiếp phục, Như con thoi trực chí, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí câu phước, Hãy bố thí như vậy, Hãy tổ chức tế dàn, Với cúng dường như vậy. 469. Những vị đã ly tham, Các căn khéo định tĩnh, Như trăng được giải thoát, Khỏi nanh vuốt Rãhu, Hãy đúng thời cúng dường, Đồ cúng dường vị ấy, Vậy vị Phạm hạnh nào, Muôn nguyện câu công đức, Hãy tổ chức tế đàn, Với cúng dường như vậy. 470. Không tham dính vật gì, Họ du hành ở đời, Luôn luôn giữ chánh niệm, Từ bỏ ngã, sở kiến, Hãy đúng thời cúng dường, Đô cúng dường vị ây, Vậy vị Phạm chí nào, Muốn cầu nguyện công đức, Hãy tổ chức tế dàn, Với cúng dường như vậy. 471. Ai từ bỏ các dục, Hành trì tự nhiếp phục, Ai biết sự chấm dứt, Của sanh và sự chêt, Tịch tịnh và mát lạnh, Mát lạnh như nước hồ, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 472. Đồng với bậc đồng đẳng, Cách xa người không đồng, Như Lai chứng đạt được, Trí tuệ không giới hạn, Không bị dính uế nhiễm, Đời này hay đời sau, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 473. Trong ai không man trá, Không sống với kiêu mạn, Ai không có tham dục, Không của ta, không cầu, Phẫn nộ được đoạn trừ, Tự ngã thật tịch tịnh, Vị Bà-la-môn ấy5 Câu uê, sâu muộn đoạn, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 474. Ai đoạn diệt hoàn toàn, Mọi trú xứ của ý? Không còn có nắm giữ, Sự vật gì ở đời?

Không còn có chấp thủ, Đời này hay đời sau, Như Lai thật xứng dáng, Đồ cúng dường tế tự.6 475. Tâm ai thật định tĩnh, Vượt khỏi được bộc lưu, Rõ biết được Chánh pháp, Với tri kiến tối thượng, Lậu hoặc được đoạn trừ, Mang thân này tôi hậu, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 476. Với ai các hữu lậu, Và lời nói thô ác, Được đoạn tận chấm dứt, Không còn có tồn tại, Vị ẩy đạt hiểu biết, Giải thoát mọi khía cạnh, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 477. Giữa những người nhiễm trước, Vị ây không nhiêm trước, Giữa chúng sanh kiêu mạn, Vị ấy không kiêu mạn, Liễu tri được đau khổ, Cả nền tảng, nơi sanh, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 478. Không dựa vào ước vọng, Vị ấy thấy yiễn ly, Vượt qua sự hiểu biết, Cùng tri kiến người khác, Đối với mọi sở duyên, Vị ấy đều không có, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 479. Vị ấy chứng tri được, Các pháp gần hay xa, Được đoạn trừ, chấm dứt, Không còn có hiện hữu, An tịnh không châp thủ, Được hoàn toàn giải thoát, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 480. Thấy được sự đoạn tận, Sanh diệt các kiết sử, Trừ được đường tham dục, Không còn lại dư tàn, Thanh tịnh, không lỗi lầm, Không cấu uế, không nhiễm, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 481. Vị không thấy tự ngã, Nơi bản thân của mình5 Định tâm và chánh trực, Kiên trì không dao động, Vị ấy không có dục, Không cứng cỏi, phân vân, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự. 482. Vơi vị không còn nữa, Nguyên nhân của si mê, Biết rõ và thấy rõ, Đối với hết thảy pháp, Và mang nặng thân này, Thân này, thân cuôi cùng5 Chứng đạt Chánh đẳng giác, Sự an ủi vô thượng, Đạt cho đến như vậy, Bậc tâm thể thanh tịnh, Như Lai thật xứng đáng, Đồ cúng dường tế tự.

6Tham chiếu: ưd. 28, Pilindavacchasutta (Kỉnh Piỉindavacchà); Miln. 228, Gãthãbhigĩtabhọịanakathãpanha (Câu hỏi giảng vê vật thực do việc ngâm ngạ các bài);Xuât diệu kinh 44Phạm chi phanf\tB nn (7.04. 0212.34. 0768c 14); Pháp tập yếu tụng kinh "Phạm chí phẩm^, (r04. 0213.33. 0798a01).

KINH TẬP 367

[Bà-la-môn:] 483. Đây đồ con cúng dường, Đồ cúng dường chơn thật, Con đã tìm thấy được, Bậc trí đức như vậy, Phạm thiên hãy chứng giám, The Ton hay chap nhận, Thế Tôn hãy thọ hưởng, Đồ cúng dường của con. [Thế Tôn:] 484. Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng, Hỡi này Bà-la-môn, Đây không phải là pháp, Của những người có trí, Chư Phật đều từ bỏ5 Ca hát các bài kệ, Chỗ nào pháp an trú, Hỡi này Bà-la-môn, Đấy chính là truyền thống. 485. Ông cần phải cúng dường, Đồ ăn5 đồ uống khác, Bậc Đại sĩ toàn vẹn, Đoạn tận các lậu hoặc, Đã đoạn tận trạo hối, Không còn bị dao động9 Ngài chính là thửa ruộng, Cho người cầu công đức.7 [Bà-la-môn:] 486. Thế Tôn, con muốn biết, Người có tin như con, Ai có thể hưởng thọ, Đồ cúng dường của con, Trong khi lễ tế đàn5 Con phải tìm đến ai? Lời Ngài dạy thế nào, Con sẽ đạt cho được. [Thế Tôn:] 487. Với ai không xông xáo, Với ai tâm không động5 Giải thoát khỏi các dục5 Với ai bỏ hôn trầm. 488. Rành giới hạn, kỷ cương, Thiện xảo trong sanh tử, Ẩn sĩ đầy đu tuệ9 Đã đến lễ tế đàn. 489. Nhiếp phục kiêu ngạo xong, Hãy chắp tay đảnh lễ, Cúng dường đồ ăn uống9 Cúng dường vậy tăng trưởng. [Bà-la-môn:] 490. Ngài là bậc Giác Ngộ, Xứng đáng được cúng dường, Ngài là ruộng phước đức5 Vô thượng không gì hơn5 Vị tiếp nhận cúng dường, Xứng đáng toàn thể giới, Cúng dường cho Tôn giả, Kết quả thật to lớn. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhãradvặja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

7 Kệ 485-86, xem Sn. 12, Kasỉbhãradvãjasutta (Kinh Kasibhãradvã/a); s. I. 166, Aggỉkasutta (Kinh Người thờ lửa); s. 1.167, Sundarìkasutta (Kinh Sundarìkà); s. 1.172, Kasỉbharadvặịasutta (Kinh Kasibhãradvqià); Ud. 28, Pỉlỉndavacchasutta (Kỉnh Piỉindavaccha); Miln. 228, Gãthãbhigĩtabhojanakathãpanho (Cầu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ).

368 KINH TIỂU Bộ

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hãy cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Hãy cho con thọ Đại giới! Và Bà-la-môn Sundarika Bhãradvậja... trở thành một vị A-la-hán.

§5. KINH MÃGHA (Mãghasutta) (Sn. 86) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặịagaha, tại Gijjhakuta. Rồi thanh niên Mãgha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Mãgha bạch Thế

Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, con là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu. Con tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâu hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, con cho một người, con cho hai người, con cho ba người, con cho bốn người, con cho năm người, con cho sáu người, con cho bảy người, con cho tám người, con cho chín người, con cho mười người, con cho hai mươi người, con cho ba mươi người, con cho bốn mươi người, con cho năm mươi người, con cho một trăm người, con cho nhiều hơn nữa. Thưa Tôn giả Gotama, con cho như vậy, con bố thí như vậy? con có được nhiều phước đức không? Này thanh niên, con cho như vậy5 con bố thí như vậy, con được nhiều phước đức. Này thanh niên, ai là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu; ai tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâu hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, người ây cho một người... cho một trăm người, cho nhiêu hơn nữa, người ây được nhiều công đức. Rồi thanh niên Mãgha nói lên với Thế Tôn những bài kệ: 491. Tôn giả Gotama, Con hỏi bậc Hiền Hòa, Mặc cà-sa, không nhà, Bậc đang du hành, răng: Một thí chủ, gia chủ, Ai xin gì cũng cho, Mong muốn được phước đức, Bố thí mong cầu phước, Ở đây thí người khác, Đồ ăn và đồ uống, Tại đâu nên bố thí, Để đồ cúng được tịnh? [Thế Tôn:] 492. Này thanh niên Mãgha, Một thí chủ, gia chủ, Ai xin gì cũng cho, Mong muốn được phước dức, Bô thí mong câu phước, Ở đây thí người khác,

ĐỒ ăn và đồ uống, Người ấy cần phải thí, Người xứng đáng cúng dường. [Mãgha:] 493. Tôn giả Gotama, Một thí chủ, gia chủ, Ai xin gì cũng cho, Mong muốn được phước đức, Bố thí mong cầu phước, Ở đây thí người khác, Đồ ăn và đồ uống, Thê Tôn hãy nói con, Nên cúng dường cho ai? [Thế Tôn:] 494. Ai du hành ở đời, Thật sự không nhiễm trước, Hoàn toàn không sở hữu, Tự ngã được nhiếp phục, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 495. Nhmig ai đã chặt đứt, Mọi kiết sử trói buộc, Nhiếp phục được giải thoát, Không khổ, không mong cầu, Hãy cung đồ tế tự Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí càu phước, Hãy bố thí như vậy. 496. Nhữiig ai đã giải thoát, Mọi kiết sử trói buộc, Nhiếp phục được giải thoát, Không khổ, không mong cầu, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 497. Vị nào đã đoạn tận, Tham, sân và cả si, Các lậu hoặc đã đoạn, Phạm hạnh đã thành tựu, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 498. Ai sống không man trá, Và không có kiêu mạn, Các lậu hoặc đã đoạn, Phạm hạnh đã thành tựu, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 499. Những ai sống không tham, Không ngã sở9 không cầu, Các lậu hoặc đã đoạn5 Phạm hạnh đã thành tựu, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 500. Ai thật không hệ lụy, Không rơi vào tham ái, Vượt khỏi được bộc lưu, Du hành, không ngã sở. Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 501. Với ai không tham ái, Một vật gì ở đời5 Không ái hữu, phi hữu. Đời này hay đời sau,

Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 502. Những ai từ bỏ dục, Sống không có gia đình, Khéo léo biết chế ngự, Như con thoi chính trực, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 503. Những ai ly tham ái, Các căn khéo định tĩnh, Như mặt trăng thoát khỏi, Nanh vuốt của Rãhu, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 504. Những ai được an tịnh, Ly tham, ly phẫn nộ5 Sau khi bỏ đời này, Không còn có sanh thú, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí càu phước, Hãy bố thí như vậy. 505. Đoạn sanh tử đã xong, Không còn chút dư tàn, Nghi ngờ và phân vân, Tất cả được nhiếp phục, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 506. Những ai sống ở đời, Tự mình làm hòn đảo5 Không có vật sở hữu, Giải thoát được trọn vẹn, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 507. Những ai ngay đời này, Như thật rõ biết được, Đây đời sống cuối cùng? Không còn có tái sanh, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. 508. Ai đạt tuệ tối thượng, Ưa thiền, giữ chánh niệm, Đạt được sự giác ngộ, Chỗ quy ngưỡng nhiều người, Hãy cúng đồ tế tự, Đúng thời đối vị ấy, Vị Phạm chí cầu phước, Hãy bố thí như vậy. [Mãgha:] 509. Thật sự câu con hỏi, Không trống không, vô ích, Thế Tôn nói cho con, Những ai đáng cúng dường; Ở dây, Ngài đã biết, Sự thật như thế nào, Như vậy chính là pháp, Ngài được biết như vậy. 510. Rồi thanh niên Mãgha, Lại thưa thêm như sau: Một thí chủ, gia chủ, Ai xin gì cũng cho, Mong muốn được phước đức, Bố thí mong cầu phước,

Ở đây thí người khác, Đồ ăn ya đồ uống, The Ton hay noi con, Pháp tế tự hoàn hảo. 511. Thế Tôn nói Mãgha: Hãy tế dàn, tế tự, Phải làm cho trong sạch, Hoàn toàn mọi tâm tư, Đối người lễ tế dàn, Đối tượng là đồ cúng, Hãy an trú ở dây, Từ bỏ sự sân hận. 512. Vị ấy đoạn tận tham, Nhiếp phục cả sân hận, Tu tập tâm từ bi, Vô lượng khắp tất cả, Với hạnh không phóng dật, Ngày đêm luôn tu tập, Cùng khăp mọi phương hướng, Biến mãn vô lượng tâm. [Mãgha:] 513. Ai ướng sạch, giải thoát, Ai còn bị trói buộc, Ai với tự thân mình, Đi đến Phạm thiên giới? Vì không biết, con hỏi, Hãy nói lên, Ẩn sĩ! Mong Thế Tôn chứng giám, Cho con ngày hôm nay, Con được thấy Phạm thiên! Ngài đối với chúng con, Thật sự Ngài ngang băng, Với Phạm thiên không khác. Ôi! Bậc chói hào quang, Làm thế nào được sanh, Lên cảnh giới Phạm thiên? 514. Thế Tôn đáp Mãgha: Ai tổ chức tế đàn, Đầy đủ cả ba phần, Te đàn ấy hoàn hảo, Với những người được Cling, Xứng đáng được cúng dường, Tế đàn như vậy xong, Chơn chánh ứng đủ câu, Ta nói vị ấy sanh, Tại cảnh giới Phạm thiên. Khi được nói như vậy, thanh niên Mãgha bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

§6. KINH SABHIYA (Sabhiyasuttdỷ (Sn. 91) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặịagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ5 du sĩ Sabhiya, một du sĩ ngoại đạo, được một thiên nhân trước kia là bà con huyết thống, nói lên những câu hỏi sau đây: “Này Sabhiya, vị Sa- môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho ông, thời ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy.”

8 Tham chiếu: D. I. 47, Sãmarinaphalasutta (Kinh Sa-môn quả), số 2; Phật bổn hạnh tập (03. 0190.39. 0833b08).

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi học những câu hỏi ấy từ thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc Đạo sư đồ chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ? như Pũrana Kassapa, Makkhali Gosãla, Ajita Kesakambali, Pakudha Kaccãyana, Safijaya Belatthiputta, Nigantha Nãtaputta, Sabhiya đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy được du sĩ Sabhiya hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ5 sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ Sabhiya. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: “Cáq vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc Đạo sư đồ chúng, được biết đến, có danh vọng? các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ như Pũrana Kassapa... Nigantha Nãtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn và họ vặn hỏi trở lại ta. Vậy ta hãy trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các due?9 Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "C6 Sa-môn Gotama này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc Lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này." Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya lại suy nghĩ như sau: “Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đen tuổi trưởng thượng, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc Trưởng lão, được nhiều người biết dến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc Lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ như Pũrana Kassapa... Nigantha Nâtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ9 sân hận, bất mãn, và họ vặn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn Gotama có thể trả lời những câu hỏi này của ta? Sa-môn Gotama còn trẻ và mới xuất gia." Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya lại suy nghĩ như sau: uKhông nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi. Vị Sa- môn còn trẻ, nhưng có thể vị ấy có đại thần lực, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này." Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya bộ hành đi đến Rậjagaha, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xả, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sabhiya nói lên với Thế Tôn những bài kệ: 515. Sabhiya nói rằng: Tôi đến, có nghi ngờ? Hy vọng có thể hỏi, Những câu hỏi với Ngài. Mong Ngài chấm dứt được? Những câu hỏi cho tôi, Những câu được tôi hỏi, Hãy thứ lớp giải đáp. r 516. Thế Tôn đáp du sĩ: Ong từ xa đi đên, Hy vọng có thể hỏi, Những câu hỏi với Ta, Ta sẽ chấm dứt được, Những câu hỏi cho ông, Những câu được ông hỏi, Ta thứ lớp giải đáp.

517. Du sĩ Sabhiya, Hãy hỏi Ta câu hỏi? Tùy theo ý ông muôn, Ông hỏi câu hỏi nào, Ta sẽ chấm dứt được, Câu hỏi ấy cho ông. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội đối với các Sa-môn,

Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn Gotama tạo ra cho ta." Hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc9 Sabhiya hỏi Thế Tôn câu hỏi: 518. Sabhiya hỏi rằng: Tôn giả Gotama, Do đạt được những gì, Được gọi là Tỷ-kheo? Nhờ gì gọi nhu hòa? Thế nào gọi chế ngự? Và phải như thế nào, Được gọi bậc Giác ngộ? Được con hỏi như vậy, Mong Thế Tôn trả lời.9 519. Thế Tôn bèn đáp lại: Hỡi này Sabhiya, Ai chính với con đường, Do tự mình tạo ra, Đi đến sự tịch mịch, Vượt qua các nghi hoặc, Từ bỏ, đoạn tận hăn, Cả hữu và phi hữu, Phạm hạnh đã thành tựu, Tái sanh đã đoạn tận, Vị ấy được xứng danh, Gọi là vị Tỷ-kheo. 520. Vị trú xả, chánh niệm, Tại bất cứ chỗ nào, Vị không làm hại ai5 Cùng khắp cả thế giới, Vượt bộc lưu, tịnh ý? Không có bị dao động, Vị nào không đột khởi, Vị ấy gọi nhu hòa.10 521. Vị nào có các căn5 Được huấn luyện, tu tập, Cả nội và cả ngoại, Trong tất cả thế giới, Vị nào thông suốt được, Đời này và đời sau, Đúng thời, nghi điều phục? Vị ấy gọi chế ngự. 522. Ai phân tích các kiêp, Toàn diện và hoàn toàn, Luân chuyển cả hai mặt, Chết đi và sanh lại, Bụi bặm được dứt sạch, Không uê nhiêm, thanh tịnh, Đạt được sanh đoạn diệt, Vị ấy gọi Phật-đà.11 Rồi du sĩ Sabhiya, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy; hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền hỏi Thế Tôn thêm câu nữa. 523. Sabhiya hỏi rằng: Tôn giả Gotama, Do đạt được những gì, Được gọi Bà-la-môn? Nhờ gì gọi Sa-môn? Thế nào là tắm sạch?

9 Xem D. II. 263, Sakkapanhasutta (Kinh Đế-thỉch sở vấn), số 21. 10 Xem MNid. 61, Dutthatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhỏm tảm về xấu xa); CNid. 6, Ajitamanavapuccha (Câu hỏi của thanh niên Ajỉtă). 11 Xem Netti. 128. Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp).

Và phải như thê nào? Được gọi là voi chúa? Được con hỏi như vậy, Mong Thế Tôn trả lời. 524. Thế Tôn liền đáp lại: Hỡi này Sabhiya, Ai loại khỏi ra ngoài, Tất cả các ác pháp, Không uế, khéo định tĩnh, Kiên trì, vững an trú, Vượt qua được luân hồi5 Hoàn toàn vê mọi mặt, Không y chi, vị ây, Được gọi Bà-la-môn. 525. Được an tịnh, tịch tịnh, Đoạn tận cả thiện ác, Không cau ue, rõ Diet, Đời này và đời sau, Chế ngự và nhiếp phục, Cả vấn đề sanh tử, Vị đức tánh như vậy5 Được gọi là Sa-môn.12 526. Ai gột sạch, tắm sạch, Tât cả các ác pháp, Kể cả trong lẫn ngoài, Khắp tất cả thế giới, Giữa chư thiên, loài người, Bị thời kiếp chi phối, Không rơi vào thời kiếp, Được gọi đã tắm sạch. 527. Ai không làm điều ác, Mọi điều ác ở đời, Tat ca cac kiet sử, Không dính măc, trói buộc, Khắp tất cả mọi nơi, Không dính, không trói bug Vị đức tánh như vậy, Được gọi là voi chúa. Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi thêm câu hỏi nữa. 528. Sabhiya hỏi rằng: Tôn giả Gotama, Thế nào chư Phật gọi, Vị chiến thắng đất ruộng? Do gì gọi là thiện? Thế nào gọi bậc trí? 9

Và phải như thê nào, Được gọi là ân sĩ? Được con hỏi như vậy, Mong Thế Tôn trả lời.13 529. Thế Tôn bèn đáp lại: Hỡi này Sabhiya, Ai quán sát, nhiếp phục, Ruộng đất thật toàn diện, Chư thiên và loài người, Cùng đất ruộng Phạm thiên. Giải thoát được trói buộc, Cội gôc mọi đât ruộng, Vị đức tánh như vậy, Được gọi thắng đất ruộng. 530. Ai quán sát, nhiêp phục, Kho tàng thật toàn diện, Chư thiên và loài người, Cùng kho tàng Phạm thiên, Giải thoát được trói buộc, Cội gốc mọi kho tàng,

12 Xem MNid. 83, Suddhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh nhóm tám về trong sạch); CNỈd. 14, Mettagũmãnavapucchã (Cân hỏi của thanh niên Mettagũ); CNỈd. 19, Dhotakamãụavapucchã (Câu hỏi cua thanh niên dhotakà). 13 Xem MNid. 180, Mãgandỉyasuttaniddeso (Diễn giải kinh về Mãgandiya); CNỈd. 14, Mettagũmãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Mettagữ); CNỈd. 56, Khaggavisanasutta (Kinh Sừng tê ngưu).

KINH TẬP 375

Vị đức tánh như vậy5 Được gọi vị thiện xảo. 531. Ai quán sát, nhiêp phục, Cả hai tâm và ý, Cả nội và cả ngoại, về trí tuệ thanh tịnh, Nhiếp phục, chế ngự được, Các pháp đen và trắng, Vị đức tánh như vậy5 Được gọi bậc hiền trí. 532. Sau khi đã biết được, Pháp bất thiện, pháp thiện, Cả nội và cả ngoại, Trong tất cả thế giới, Vị ấy được cúng dường, Bởi chư thiên, loài người, Vượt qua lưới trói buộc? Vị ấy gọi ẩn sĩ. Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa. 533. Sabhiya hỏi rằng: Tôn giả Gotama, Do đạt được những gì, Được gọi bậc có trí? Nhơ gì gọi tùy trí? Thể nao xưng tinh tấn? Thế nào được danh xưng, Là vị đã thuần thục? Được con hỏi như vậy, Mong Thế Tôn trả lời.14 534. Thế Tôn liền đáp lại: Hỡi này Sabhiya, Ai hiểu rõ Vệ-đà? Hoàn toàn và toàn diện, Được Sa-môn9 Phạm chí, Đạt được rất đầy đủ? r Vị ấy gọi ly tham, Trong tât cả cảm thọ? Do vượt qua Vệ-đà9 Được gọi bậc có trí. 535. Do quán sát, quán triệt, Các hý luận, danh sắc, Kể cả nội và ngoại, về cội gốc bệnh hoạn, VỊ ấy thoát trói buộc, Cội gôc các bệnh hoạn, Vị đức tánh như vậy9 Được gọi vị tùy trí.15 536. Vị ở đời từ bỏ, Tất cả các pháp ác, Với tinh tấn vượt qua, Mọi khổ đau địa ngục, Vị ấy có tinh tấn, Có tinh cần? siêng năng, Vị đức tánh như vậy, Được gọi vị tinh tấn. 537. Với ai các trói buộc, Nguồn gốc các dính mắc, Kê cả nội và ngoại, Bị bựt dứt, hủy hoại, Vị ấy được giải thoát, Khỏi tất cả gốc tham, Vị đức tánh như vậy, Được gọi vị thuần thục.16

14 Xem MNid. 22, Guhatthakasuttanỉddeso (Diễn giải kỉnh nhóm tám về hang); CNid. 14, Mettagũmãnavapucchã (Cầu hỏi của thanh niên Mettagũ). 15 Xem MNid. 180, Mãgạndỉyasuttanỉddeso (Diễn giải kỉnh về Mãganđiya); MNid. 83, Suddhatthakasuttanideso (Dien giải kinh nhỏm tám về trong sạch)\ CNỈd. 14, Mettagũmãnavapucchã (Câu hoi của thanh niên Mettagu). 16 Xem CNỈd. 34, Jatukannimanavapuccha (Câu hỏi của thanh niên Jatukanni)\ CNid. 36, Bhađrãvudhamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Bhadrãvudha); CNỈd. 60, Khaggavỉsãnasutta (Kinh Sừng tê ngưù).

376 KINH TIỂU Bộ

Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa. 538. Sabhiya hỏi rằng: Tôn giả Gotama, Do đạt được những gì, Được gọi vị hiểu thông? Nhờ gì gọi bậc Thánh? Có hạĩửi như thế nào? Như thế nào được tên, Là một người du sĩ? Được con hỏi như vậy, Mong Thế Tôn trả lời. 539. Thế Tôn bèn đáp lại: Hỡi này Sabhiya, Do ở đời được nghe, Thắng tri tất cả pháp, Pháp có lỗi, không lỗi, Phàm mọi pháp ở đời, Là vị đã chiến thắng, Đoạn nghi, được giải thoát, Trọn vẹn không dao động, Được gọi vị hiểu thông. 540. Sau khi đoạn, chặt đứt, Mọi lậu hoặc chấp trước, Vị ấy sau khi biết, Không đi đến thai tạng,

Đoạn trừ và từ bỏ, Ba loại tưởng đắm nhiễm, Không đi vào thời kiếp, Được gọi là bậc Thánh. 541. Vị nào ở nơi đây, Thành tựu các giới hạnh, Thiện xảo mọi lãnh vực, Rõ biết được Chánh pháp, Cùng khắp cả mọi nơi5 Không chấp trước, giải thoát, Không sân hận một ai, Được gọi là có hạnh. 542. Ai không làm các nghiệp, Đưa đến quả đau khổ, Phía trên và phía dưới, Bê ngang và chặng giữa, Sống với sự liễu tri, Từ bỏ không chấp nhận, Man trá và kiêu mạn, Tham ái và phẫn nộ? Làm cho đến cùng tận, Cả danh và cả sắc, Vị này đã đạt được, Tên gọi là du sĩ. Rồi du sĩ Sabhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy; hoan hỷ, hân hoan, phấn chấn, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn5 trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng: 543. Ôi, bậc Tuệ Rộng Lớn! Nhiếp phục, thoát ra khỏi, Sáu mươi ba tà thuyết, Các Sa-môn tranh luận, Các ngôn thuyêt văn tự, Y đây các tưởng khởi, Vị ấy vượt qua được, Dòng lũ làm lạc lối. 544. Ngài đi đến tận cùng, Vượt qua bờ đau khổ, Bậc La-hán Chánh Giác, Con nghĩ Ngài lậu tận, Ngài chói sáng, thông minh, Với trí tuệ rộng lớn, Ngài đoạn tận đau khô, Đưa con qua bờ kia. 545. Ngài thấy, Ngài biết rõ, Những điều con nghi ngờ, Ngài giúp con vượt qua, Con xin đảnh lễ Ngài,

KINH TẬP 377

Bậc Ẩn Sĩ đạt được, Con đường thật an tịnh, ôi, Bà Con Mặt Trời! Thật bao dung, nhu hòa. 546. Điều xưa con nghi ngờ, Đều được Ngài giải đáp, Ôi, bậc Có Pháp Nhãn! Ngài thật là ẩn si, Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài không còn triền cái. 547. Với Ngài, mọi ưu no, Được phá tan, đoạn diệt, Ngài tịnh tịch, chế ngự, Tâm kiên trì, thành thực. 548. Ngài là bậc Long Tượng, Trong các hàng long tượng, Ngài là Đại Anh Hùng, Chư thiên đều hoan hỷ? Nhóm thiên Nãrada, Cả nhóm Pabbata, Đều hoan hỷ tín thọ, Lời thuyết giảng của Ngài. 549. Chúng con xin đảnh lễ, Con người phi thường nhất, Chúng con xin đảnh lễ, Con người tối thượng nhất, Trong cảnh giới trời, người, Không ai sánh được Ngài. 550. Ngài chính là đức Phật, Ngài chính là Đạo Su, Ngài là bậc Ẩn Si, Đã chiến thắng Ác ma; Ngài chặt đứt tùy miên, Đã vượt qua sanh tử, Ngài giúp chúng sanh này, Vượt qua bể sanh tử. 551. Ngài vượt khỏi sanh y, Ngài phá tan lậu hoặc, Ngài là bậc Sư Tử, Không chấp thủ, chấp trước Mọi sợ hãi, hoảng hốt, Ngài đoạn tận, trừ diệt.17 552. Như hoa sen tươi đẹp, Nước không thể dính vào, Cũng vậy cả thiện ác5 Cả hai không dính Ngài, Ôi, Anh Hùng Vĩ Đại! Xin Ngài duỗi chân ra? Cho con Sabhiya, Đảnh lễ bậc Đạo Sư. Rồi du sĩ Sabhiya lấy đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn? Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ Đại giới. Này Sabhiya, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ Đại giới trong Pháp, Luật này cân phải sông biệt trú trong bôn tháng. Sau bôn tháng, nêu tâm các Tỷ-kheo đông thuận, có thê cho vị ây xuât gia, cho thọ Đại giới đê thành vị Tỷ-kheo. Nhimg ở dây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh. Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ Đại giới trong Pháp, Luật này cân phải sông biệt trú bôn tháng; sau bôn tháng, nêu tâm các Tỷ-kheo đông thuận, có thê cho vị ây xuât gia, cho 17 Kệ 551-52, xem Sn. 102, Seỉasutta (Kinh Sela); M. II. 146, Selasutta (Kỉnh Seỉà), số 92; Thag. V. 818, Selattheragãthã (Kệ ngồn của Trưởng lão Seỉà).

thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm các Tỷ-kheo đồng thuận, hãy cho con xuất gia, cho con thọ Đại giới để trở thành Ty-kheo. Du sĩ Sabhiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới... rồi Tôn giả Sabhiya trở thành một vị A-la-hán.

§7. KINH SELA (Selasutta)^ (Sn. 102-112) 553-78. (Xem Kỉnh Sela, Kinh Trung bộ. số 92)

§8. KINH MŨI TÊN (Saỉlasutta)1819 (Sn. 112) 579. Sinh mạng của loài người, Ở đời\ không ai biết, Không tướng, nhiêu phiên toái? Nhỏ nhoi, liên hệ khổ. 580. Không có sự gắng nào, Khiến sống thoát khỏi chết, Sau khi già là chết, Pháp hữu tình là vậy. 581. Như các trái chín muôi, Có sợ bị rơi sớm, Cũng vậy người được sanh, Thường có sợ bị chết. 582. Như người thợ làm ghè, Làm chén bát đất sét, Cuối cùng bể tất cả5 Mạng sống người là vậy. 583. Trẻ tuổi và lớn tuổi, Kẻ ngu và người trí, Tất cả đi đến chết, Cuối cùng rồi cũng chết. 584. Những ai chết chi phối, Đi qua đến đời sau, Cha không cứu được con, Hay bà con cứu nhau. 585. Hãy xem các bà con, Đứng nhìn và than khóc, Từng người đi đến chết, Như bò mang đi giết. 586. Như vậy thế giới này, Bị già chết chi phối, Do vậy bậc nhiều trí, Biết đời nên không sầu. 587. Ai không biết con đường, Đường đến và đường di, Không thấy cuối hai đường, Than khóc không lợi ích. 588. Nếu thật sự than khóc, Đem lại lợi ích gì, Người có trí sẽ làm, Kẻ ngu chỉ hại mình. 589. Không với sầu? nước mắt, Khiến nội tâm an tịnh, Khổ càng tăng trưởng thêm, Thân càng bị gia hại.

18 Kệ 553-78, tham chiếu: Sn. 91, Sabhìyasuttar (Kinh Sabhiyà); M. n. 146, Selasutta (Kinh Seỉà), số 92; It. 101, Brãhrnanadhammayãgasutta (Kinh Pháp tế tựBà-la-morì)\ Thag. V. 818, Selattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Selà)', VìnẤ. 199; Tang.(T.02. Ỏ125.49.6. 0798a25). 19 Tham chiếu: J. IV. 126; MNỈd. 116, Jarasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh về sự già); Pháp củ kỉnh 44Sanh tửph”(T.04. 0210.37, 0574a06); Phap củspHế (7.04. 0211.37. 0605C18); Xuất diệu 0.04. 0212.1. 0609022); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Hữu vi phẩm,, (T.04. 0213.1. 0777a02).

KINH TẬP 379

590. Ốm yếu, sắc da tái, Tự mình hại chính mình, Kẻ chết không được hộ, Than khóc thật vô ích. 591. Chúng sanh không bỏ sầu, Càng gặp nhiêu đau khô? Càng rên khóc kẻ chết, Càng bị sầu chi phối. 592. Hãy xem các người khác? Đi theo hạnh nghiệp mình, Rơi vào giới thần chết, Hữu tình đầy hoảng sợ. 593. Loài người còn mong ước? Thế này hay thế khác, Nhung sự việc xảy ra, Hoàn toàn thật sai khác, Sự chia ly là vậy? Xem định tánh của đời. 594. Nếu loài người sống được, Sống hơn một trăm năm, Rồi xa rời bà con, Ở dây, bỏ mạng sống. 595. Do vậy sau khi nghe, Bậc La-hán thuyết giảng, Hãy nhiếp phục than van, Khi thấy kẻ bị chết, Hãy suy nghĩ như sau, Ta không còn vị ấy. 596. Như nhà bị lửa cháy, Nhờ nước, lửa dập tắt, Cũng vậy bậc hiền trí, Có tuệ trí, thiện xảo, Mau chóng nhiếp phục sầu? Như bông gió thổi bay. 597. Ai tự tìm hạnh phúc, Hãy tự mình rút tên, Mũi tên là than khóc, Tham cầu, tự ưu sầu. 598. Ai đã rút mũi tên,

Không nương tựa nhờ cậy, Tâm vị ấy đạt được? Sự an lành an tịnh, Vượt khỏi mọi ưu sâu, Tâm không sầu, tịch tịnh.

§9. KINH VASETTHA (VãseỊỊhasutta)2021 (Sn. 115) 599-661. (Kinh này giống Kinh Vãsettha, số 98 thuộc Kỉnh Trung bộ)

§10. KINH KOKÃLIYA (Kokãliyasuttà)2ỉ (% 123) Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.

20 Tham chiếu: Sn. 214; M. II. 133, Brahmãyusutta (Kinh Brahmăyù), số 91; M. II. 196, Vãsetịhasutta (Kinh VãseỊỊha), số 98; s. I. 166, Aggikasutta (Kinh Người thờ lửà); s. I. 173, Devahỉtasutta (Kỉnh Devahita); A. L 163, Tikannasutta inh Tikaụna); A, I. 166, Janussonisutta (Kinh Janussoni)\ Dh. V. 396-422; It. 98; Thag. V. 620; Thĩg, V. 63; Phap CM JTham chí phẩm" (r.04. 0210.35. 0572b20); Xuat diệu kinh uPhamcln n" (T.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tậpyểu tụng kinh "Phạm chi phẩm^^ (roi. 03.33. 0798a01). 21 Bản PTS viết Kokãliyasutta. Bản Tích Lan và CST viết Kokalỉkasutta. Tham chiếu: Dh. V. 306; Ud, 43, Sundarĩsutta (Kinh Sundarĩ); It. 42, Ẵpãyikasutta {Kỉnh Đọa lạc vào khô cảnh)\ Biệt Tạp. (T.02. 0100.106. Ó411b24); Biệt Tạp.(fo2. 0100.276. 0470al4); Pháp củ (04. 0210.30. 0570a05); Pháp củ thỉ dụ ^Ngon W phẩm,, (T.04. 0211.8. 0582a24); Xuất diệukỉnhyÚb^Ị^^ (7.04. 0212.9. 0663c 18); Pháp tập yếu tụng kinh "Ngữ ngôn phẩm^, (r.04. 0213.8. 0781Ồ03).

Rồi Tỷ-kheo Kokãliya đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokãliya bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Sãriputta và Moggallãna là ác dqc, bị ác dục chinh phục. Này Kokãliya, chớ có nói vậy! Này Kokãliya, chớ có nói vậy! Này Kokãliya, hãy khởi tâm tin tưởng đối với Sãriputta và Moggallãna. Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna! Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokãliya bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng đối với con, Sãriputta và Moggallãna là ác dục, bị ác dục chinh phục. Này Kokãliya, chớ có nỏi vậy! Này Kokãliya, chớ có nói vậy! Này Kokãliya, hãy khởi tâm tin tưởng đối với Sãriputta và Moggallãna. Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna! Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokãliya bạch Thế Tôn... Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna. Rồi Tỷ-kheo Kokãliya từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo Kokãliya ra đi không lâu? toàn thân của Tỷ-kheo Kokãliya nổi lên những mụt to bằng hạt cải; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bằng hạt đậu, chúng lớn lên bằng hạt đậu lớn; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn dá, chúng lớn lên bằng trái táo; sau khi lớn lên bằng trái táo, chúng lớn lên bằng trái ãmala; sau khi lớn lên bằng trái mala, chúng lớn lên bằng trái beỊuva chưa chín; sau khi lớn lên bằnậ trói beỊuva chưa chín, chúng lớn lên bằng trái billa đã chín; sau khi lớn lên bằng trái billa đã chín, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra. Rồi Tỷ-kheo Kokãliya do bệnh này bị mạng chung. Bị mạng chung, Tỷ-kheo Kokãliya sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sãriputta và

Moggallãna. Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảrứì lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãliya phải sanh vào địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sãriputta và Moggallãna. Phạm thiên Sahampati nói như vậy, sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãliya đã mạng chung, và Bạch Thế

Tôn, Tỷ-kheo Kokãliya sau khi mạng chung đã sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sãriputta và Moggall2na." Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, bao nhiêu là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng? Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng, không dễ gì tính được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, hay bao nhiêu trăm ngàn năm. Bạch Thế Tôn? có thể tính được chăng bằng ví dụ? ĩ Ạ LT' _ 4- L___ Thê Tôn đáp: Có thê được, này Tỷ-kheo. Này Tỷ-kheo, ví như có bao hột đậu mè nặng hai mươi khãrika, theo đo lường của nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột đậu mè nặng hai mươi khãrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hết sạch do phương tiện ấy, so sánh với tuổi thọ ở địa ngục Abbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuôi thọ ở địa ngục Nirabbuda băng một tuôi thọ ở địa ngục Ababa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuôi thọ ở địa ngục Ababa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ahaha. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục Atata. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Atata bằng một tuổi thọ ở địa ngục Kumuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục uppalaka (Hoa Sen Xanh). Này các Tỷ-kheo, hai mươi tuôi thọ ở địa ngục uppalaka bằng một tuổi thọ ở địa ngục Pundarĩka (Hoa Sen Trắng). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Pundanka bằng một tuổi thọ ở địa ngục Paduma (Hoa Sen Hồng). Này Tỷ-kheo? Kokãliya sanh tại địa ngục Paduma, với tâm hận thù Sãriputta và Moggallãna. Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm: 662. Phàm con người đã sanh, Sanh với búa trong miệng. Kẻ ngu khi nói bậy, Tự chặt đứt lấy mình. 663. Ai khen kẻ đáng chê, Ai chê người đáng khen, Tự chất chứa bất hạnh, Do lỗ miệng của mình, Chính do bất hạnh ấy, Nên không được an lạc. 664. Nhỏ__ thay bất hạnh này, r Trong canh bạc rủi may, Do quăng con xúc xắc, Tài sản bị hoại vong; Lớn hơn bất hạnh này, Tự mình gây cho mình, Với người có ác ý5 Đối chư Phật, Thiện Thệ.

665. Ba ứiệu sáu trăm ngàn, Ở Nirabbuda, Và trải năm trăm ngàn, Ở tại Abbuda, Với lời và ác ý, Ai phỉ báng bậc Thánh, Người ây sẽ rơi vào, Các cõi dữ, địa ngục. 666. Kẻ nói không chơn thật, Đi đến cõi địa ngục, Cũng vậy kẻ có làm, Lại nói: "T6i không lam^, Cả hai sau khi chết, Đều được xem đồng đẳng, Đời sau nữa làm người, Nghiệp của họ hạ liệt. 667. Ai khởi lên ác tâm, Đối người không ác ý9 Đối người sống thanh tịnh, Không có gì uê nhiêm, Ác ấy trở lui lại, Đến với kẻ ngu ấy, Như bụi bặm nhỏ nhiệm, Quăng ngược chiêu gió thôi. 668. Ai hệ lụy? đắm trước, Các chủng loại tham dục, Người ấy với lời nói, Chỉ trích các người khác, Không lòng tin, xan lẫn, Không rộng rãi với người, Xan tham và keo kiết, Quen thói nói xấu người.22 669. Này ông, miệng ác độc, Không chơn thật, không Thánh, Kẻ giết hại sanh linh, Kẻ ác, kẻ làm ác, Người hạ liệt, bất hạnh, Thuộc về loại hạ sanh, Ở đời, chớ nói nhiều, Ông là dân địa ngục.23 670. Ong răc rải bụi trân, Khiến mọi người bất hạnh, Ong nói xâu bậc hiên, Làm ác, nhiêu tội ác, Sau khi ông đã làm, Rất nhiều điều ác hạnh, Ông đi đến vực thẳm, Trong thời gian dài dài. 671. Nghiệp của bất cứ ai, Không đi đến tiêu diệt, Rồi nó cũng đến ông? Bắt gặp được nghiệp chủ, Kẻ ngu làm điều ác, Đời sau thấy mình khổ. 672. Nó đi đến tại chỗ, Bị đánh bằng roi sắt, Tại chỗ có cọc sắt, Với cạnh lưỡi bén nhọn, Ở đấy nó có được, Các món ăn thích dáng, Giống như những hòn sắt5 Được nung nấu cháy đỏ. 673. Tại đấy không ai nói, Lời nhẹ nhàng an ủi, Không có ai vội vã, Đến che chở hộ trì,

22 Tham chiếu: s, I. 27, Phusatisutta (Kỉnh Xúc chạm); s. I. 148, Kokãlỉkasutta (Kinh Kokãlikà); s. I. 164, Bilangikasutta (Kỉnh Bilangika); A. y. 170, Kokãlỉyasutta (Kinh Kokãỉiyà); ph. V. 125; J. ỊIL 203; Phấp cú hành phẩm^, (04. 0210.17. 0564c19); Xuất diệu kinh í4Ác hành pham^tB (T04. 0212.29. 0741Ò24); Pháp tập yếu tụng kinh tTội chướng phẩm,, (T04. 0213.28. 0792al7). 23 Kệ 669-771, xem Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp).

Họ nằm trên lớp than, Đang nung nóng bừng bừng. Họ bước vào hầm lửa, Đang cháy đỏ hừng hực. 674. Với lưới kẻ giữ ngục, Trùm kín bao phủ họ, Tại đấy với gậy sắt, Bị hành hạ đánh đập, Họ đi qua vực đen, Tối tăm không thấy đường, Như đi qua đám mù, Đang dày đặc tràn rộng. 675. Họ đi đến bước vào, Các chum ghè bằng đồng, Họ bước vào hàm lửa, Đang cháy đỏ hừng hực, Tại dấy, họ bị nấu, Trong thời gian lâu dài, Họ nôi lên chìm xuông, Trong những hầm lửa ấy. 676. Rồi kẻ làm điều ác, Bị nung nâu tại dây, Giữa đông mủ và máu, Xen kẽ và lẫn lộn, Tùy theo phương hướng nào, NÓ theo chiêu hướng năm, Ở đấy, bị rữa nát, Khi bị xúc chạm vào. 677. Trong nước, chỗ trú ẩn, Của các loài côn trùng, Kẻ làm các điều ác, Bị nung nâu tại đây, Cho đến những bờ bến, Không có cho nó di, Vì chum ghè mọi phía, Đều tròn đầy như nhau. 678. Trong rừng đây lá gươm, Sắc bén và mũi nhọn, Họ đi vào rừng ấy, Chân tay bị chém đứt, Sử dụng các câu móc, Chúng móc lưỡi dài ra, Rồi những kẻ ngục tốt, Hành hạ đánh giết họ. 679. Họ đi vào cảnh giới, Gọi Vetaranĩ, Khó vượt qua, tràn đầy, Lưỡi dao, búa sắc bén, Tại chỗ ấy, kẻ ngu, Bị rơi, bị rớt vào, Những kẻ làm điều ác? Sau khi tạo nghiệp ác. 680. Tại đấy, các chim thú, Ản thịt kẻ rên la, Những bầy đàn quạ đen, Đen thui và lôm đôm? Các

loài chó, dã can, Cùng với các chim kên, Các diều hâu, chim quạ, Xé xác những kẻ ấy. 681. Thật rất là đau khổ, Nêp sông này, tại đây, Nếp sống kẻ làm ác, Loài người thấy được vậy, Do vậy ở đời này, Với mạng sống còn lại, Làm công việc, phận sự, Không biêng nhác, thụ động. 682. Số hạt trong bao mè, Được người trí ước tính, Thời gian ngục Sen Hông, Số theo đơn vị vạn, Lên đến năm mươi triệu, Tức là năm trăm tỷ, Lại còn một sô nữa, Tức thêm mười hai tỷ.

384 KINH TIỂU Bộ

683. Khổ cho đến như vậy, Địa ngục được nói dến, Tại đây cân phải sông, Lâu cho đến như vậy. Như vậy giữa những người, Trong sạch, thiện tốt lành, Hãy luôn luôn hộ trì, Lời nói và ý nghĩ.

KINH NẢLAKA (Nãlakasutta) 131) 684. Ẩn sĩ Asita (A-tư-đà)? Trong lúc giữa ban ngày, Thấy chúng các chư thiên, Cõi trời Ba Mươi Ba, Họ hoan hỷ vui vẻ, Với y áo thanh tịnh, Họ cung kính Đế-thích? Các vị ấy cầm áo, Với nhiệt tình nói lên, Những lời khen tán thán. 685. Thấy chư thiên hoan hỷ, Dõng dạc và phân chân, Với tâm tư cung kính, Ở đây, vị ấy nói. [Asita:] Vì sao chúng chư thiên, Lại nhiệt tình hoan hỷ? Họ cầm áo vui múa, Là do nhân duyên gì? 686. Trong thời gian chiên trận5 Với các a-tu-la? Dũng sĩ được thắng trận, A-tu-la bại trận, Thời gian ây họ không, Lông tóc dựng ngược dậy, Họ thấy gì hy hữu, Chư thiên hoan hỷ vậy. 687. Họ la lớn, ca hát, Và họ tấu nhạc trời, Họ múa tay, vỗ tay, Họ múa nhảy vũ điệu? Nay ta hỏi các ông, Trú đỉnh núi Neru (Tu-di), Các ngài hãy mau chóng, Giải tỏa điều ta nghĩ. [Chư thiên:] 688. Tại xứ Lumbini (Lâm-tỳ-ni), Trong làng các Thích-ca, Có sanh vị Bồ-tát5 Báu tối thắng, vô tỷ, Ngài sanh, đem an lạc, Hạnh phúc cho loài người, Do vậy chúng tôi mừng, Tâm vô cùng hoan hỷ. 689. Ngài, chúng sanh tối thượng, Ngài, loài người tối thắng, Bậc Ngưu vương loài người, Thượng thủ mọi sanh loại; Ngài sẽ chuyên pháp luân, Trong khu rừng ân si, Rống tiếng rống sư tử, Hùng mạnh nhiếp loài thú. 690. Sau khi nghe lời ấy, Ẩn sĩ Asita, Liên vội vàng bước xuông, Và đi đến lâu đài, Của đức Vua Tịnh Phạn; Đên nơi, Ngài ngôi xuông, Nói với các Thích-ca: "Hoàng tử nay ở đâu, Ta nay muốn thấy Ngài?^

KINH TẬP 385

691. Thây Thái tử chói sáng, Rực rỡ như vàng chói, Trong lò đúc nâu vàng, Được thợ khéo luyện thành, Bừng sáng và rực rỡ, Với dung sắc tuyệt mỹ, Họ Thích trình Thái tử, Cho Ẩn sĩ Tư-đà. 692. Sau khi thấy Thái tử, Chói sáng như lửa ngọn? Thanh tịnh như sao Ngưu, Vận hành giữa hư không, Sáng chiếu như mặt trời, Giữa trời thu, mây tịnh, Ẩn sĩ tâm hân hoan, Được hỷ lạc rộng lớn. 693. Chư thiên cầm ngôi lọng, Đưa lên giữa hư không, Cây lọng có nhiều cành, Có hàng ngàn vòng chuyền, Họ quạt với phất trần, Có tán vàng lông thú, Nhung không ai thấy được, Kẻ cầm lọng, phất trần. 694. Bậc ẩn sĩ bện tóc, Tên Kanhasiri,24 Thấy Thái tử nằm dài, Trên tấm chăn màu vàng, Như đồng tiền bằng vàng, Lại trên đàu Thái tử, _ ? ĩ \

Có lọng trắng đưa lên, Tâm ân sĩ phân khởi, Đẹp ý9 lòng hân hoan, Đưa tay bồng Thái tử. 695. Sau khi ẵm bồng lên, Con trai dòng họ Thích, Bậc cầu đạo tinh thông, Các tướng số, chú thuật, Tâm tư được hoan hỷ? Thốt lên lời như sau: ÍCVị này bậc Vô thượng, Tối

thượng loài hai chân." 696. Khi vị ấy nghĩ đến, Số mệnh của tự mình, Số mệnh không tốt đẹp, Vị ấy rơi nước mắt, Thấy vậy, các Thích-ca, Hỏi ẩn sĩ đang khóc: "C6 sự gì chướng ngại, Sẽ xảy cho Thái tử?" 697. Thấy họ Thích lo lắng, Vị ẩn sĩ trả lời: uTa không thấy bất hạnh5 Xảy đến cho Thái tử, Đối với Thái tử ấy, Chướng ngại sẽ không có, Vị này không hạ liệt, Chớ có lo lắng gì. 698. Thai tử này sẽ chứng, Tối thượng quả Bồ-đề, Thấy thanh tịnh tối thắng, Sẽ chuyển bánh xe pháp, Vì lòng từ thương xót, Vì hạnh phúc nhiều người, Và đời sông Phạm hạnh, Được truyên bá rộng rãi. 699. Thọ mạng ta ở đời5 Còn lại không bao nhiêu, Đến giữa đời sống Ngài, Ta sẽ bị mạng chung, Ta không được nghe pháp, Bậc Tinh Cần Vô Ty, Do vậy ta sầu não, Bất hạnh và khổ đau.

24 Một tên khác của Asita.

386 KINH TIÊU Bộ

700. Sau khi khiến họ Thích, Sanh hoan hỷ rộng lớn, Bậc sống theo Phạm hạnh, Bước ra khỏi nội thành; Vị ấy vì lòng từ, Thương con trai của chị, Khích lệ nó học pháp, Bậc Tinh Cần Vô Tỷ. 701. “Khi con nghe tiếng Phật, Từ người khác nói lên, Bậc đã đạt Bồ-đề, Đã đi con đường pháp, Hãy đi đến chỗ ấy, Hỏi kỹ về đạo pháp, Và sống đời Phạm hạnh, Dưới bậc Thế Tôn ấy.” 702. Như vậy được khuyên bảo? Bởi vị nghĩ hạnh phúc, Vị thấy ở tương lai, Đường tối thắng thanh tịnh. Do vậy Nãlaka, Với phước đức chất chứa, Sống với căn hộ trì, Chờ đợi bậc Chiến Thắng. 703. Khi nghe tin pháp luân, Được bậc Chiến Thắng chuyển, Đên thây ân sĩ vương, Nãlaka thành tín, Hỏi Mâu-ni tối thắng, Pháp Mâu-ni tôi thượng, Như A-tư-đà khuyên, Trong buổi gặp gỡ trước. [Kệ mở đầu đã xong] 704. Lời Asita (A-tư-đà) này, Con biết là như thật, Con hỏi Gotama, Bậc Giải Thoát Mọi Pháp. 705. Không nhà, con đi đến? Tìm hạnh người khất si, Con hỏi bậc Ẩn si, Hãy nói lên cho con, Con đường đạo tối thượng, Đưa đến đạo Mâu-ni. 706. Thế Tôn đáp như sau: Khó hành, khó thành tựu, Là đạo hạnh Mâu-ni, Ta sẽ cho ông biết, Hãy đến lắng tai nghe, Ta sẽ nói cho ông, Hãy vững trí, an thần, Hãy kiên trì, bền chí. 707. Hãy tu hạnh Sa-môn? Không để bị dao động, Giữa khen chê trong làng, Hãy chê ngự tâm sân, Sống hạnh thật an tịnh, Không cống cao kiêu mạn. 708. Tiếng cao, thấp phát ra, Như lửa trong rừng cây, Nữ nhân hay cám dỗ, Chớ cám dỗ ẩn sĩ. 709. Hãy từ bỏ dâm dục, Xả mọi dục cao thấp, Đối hữu tình yếu mạnh, Không đối nghịch, tham đắm. 710. Ta thế nào, họ vậy5 Họ thế nào, Ta vậy, Lấy ngã làm ví dụ, Chớ giết, chớ bảo giết.

KINH TẬP 387

711. Hãy bỏ dục5 bỏ tham, Đây phàm phu bị năm, Bậc Có Mắt hành đạo, Vượt địa ngục, loài người.25 712. Bụng đói, ăn chừng mực, ít dục, không tham lam, Vị ấy không ham dục, Không dục, thật tịch tịnh. 713. Sau khi đi khất thực, Ẩn sĩ vào rừng sâu, Đi đên dưới gôc cây, Sửa soạn ngồi an tịnh. 714. Bậc hiền trí hành thiền, Hoan hỷ trong rừng sâu5 Hành thiền dưới gốc cây, Thỏa mãn sở thích mình. 715. Khi đêm hết, sáng đến, Cần phải đi đến làng, Chớ vui khi được mời, Được đồ cúng trong làng. 716. Ẳn sĩ không đi gấp, Đến làng, giữa gia đình, Tìm ăn? cắt nói chuyện, Không nói chuyện liên hệ. 717. Nếu được, thật là tốt, Không được, cũng là tốt, Nghĩ vậy, cả hai mặt, Vị ấy trở về cây. 718. Đi với bát cầm tay, Không câm, dáng như câm, Chớ khinh đồ cho ít, Không chê

người đem cho. 719. Bậc Sa-môn thuyết giảng, Con đường cao và thấp, Nhimg đến bờ bên kia5 Không có hai con đường, A Tuy vậy, chớ nghĩ răng, Trải nghiệm này một lần. 720. Tỷ-kheo nào không tham, Vị ấy cắt dòng chảy, Đoạn tận hành thiện ác, Vị ấy không sầu não.26 721. Ta sẽ dạy cho ông, Thức tri hạnh ẩn si, Nhớ dụ dao dính mật? Lo tu (phòng đứt hrỡi), Với lưỡi ấn nóc họng5 Hãy hạn chế bao tử.27 722. Tâm chớ có thụ động5 Nhưng chớ nghĩ quá nhiều, Không hôi hám5 độc lập, Sông cứu cánh Phạm hạnh. 723. Hãy tập ngồi một mình, Sông đúng hạnh Sa-môn5 Sống một mình được gọi, Là hạnh bậc Ẩn sĩ, Neu ưa thích một mình, Sau chói sáng mười phương. 724. Sau khi nghe tiếng nói, Của các bậc hiền sĩ, Hãy hành thiền, bỏ dục, Mong đệ tử của Ta, Tăng trưởng tàm và tín.

25 Tham chiếu: Dh. V./;“ao trượng phẩm” (r.O4. 0210.18. 0565a29); Xuất diệu kỉnh ^Niệm phẩm^, (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh "Ai lạc phm”(T.04. 0213.5. 0,79c23). 26 Xem Kv. 69, Parihãnỉkathã(vấn đề hoại lìa quả vị A-la-hảrì). 27 Xem CNid. 38, Udayamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Udaya).

725. Hãy học các dòng nước, Từ khe núi vực sâu, Dòng nước nhỏ chảy ôn, Biển lớn thì im lặng. 726. Cái gì trống kêu to, Cái gì đầy yên lặng, Ngu như ghè vơi nước, Bậc trí như ao đầy. 727. Khi Sa-môn nói nhiều, Nói liên hệ đến đích, Tự biết nên thuyết pháp, Tự biết nên nói nhiều.28 728. Ai biết, biết tự chế, Ai biết không nói nhiều. Vị ây là ân si, Xứng đáng hạnh ẩn sĩ? Vị ây là ân si, Đạt được hạnh ẩn sĩ.

§12. KINH HAI PHÁP TÙY QUÁN (Dvayatãnupassanãsutía) (S 139) Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Sãvatthi, ở Đông Viên, tại lâu đài của mẹ Migãra. Lúc bấy giờ? trong ngày trai giới (Uposathd), vào ngày rằm trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo: (1) Này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ; này các Tỷ-kheo? đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy, do lý do gì các ông nghe những pháp ấy? Này các Tỷ-kheo? các ông có thể được hỏi như vậy; các ông có thể trả lời cho những người hỏi câu hỏi ấy như sau: “Vi muốn có như thật trí đối với hai ph" Và các ông nói: "Thế nào là hai?^ "Đây là khổ, đây là khổ tập9\ đây là tùy quán pháp thứ nhất. uĐây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diet”, đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, như vậy, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: 729. Ai không tuệ tri khổ, Và nguyên nhân của khổ, Và chỗ khổ hoàn toàn, Được đoạn tận không du, Vị ấy không biết đường, Đưa đên khô an tịnh. 730. Không có tâm giải thoát, Không có tuệ giải thoát, Vị ấy không có thể, Đoạn tận sanh và già. 731. Những ai tuệ tri khổ? Và nguyên nhân của khổ, Và chỗ khổ hoàn toàn, Được đoạn tận không du, Vị ây biêt con đường, Đưa đên khô an tịnh.

28 Xem Mỉln. 414, Kumbhangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của chum nước).

kinhtAp 389

732. Đầy đủ tâm giải thoát, Với trí tuệ giải thoát, Những vị ấy có thể, Với trí tuệ giải thoát, Đoạn tận sanh và già. (2) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: "C6 thể có chơn chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác kh6ng?" Các ông cần phải trả lời: "C6 thể c6." Có thể có như thế nào? 6Thàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên sanh y"đây là tùy quán pháp thứ nhất. "Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật9 nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: 733. Chính do duyên sanh y, Các khổ được sanh khởi5 Tất cả các khổ đau, Sai biệt ở trên đời, Ai chính do vô minh, Tạo nên sự sanh y, Kẻ ngu ấy gặp khổ, Nối tiếp nhau sanh trưởng; Do vậy vị hiểu biết, Không tạo lên sanh y, Tùy quán được nguyên nhân, Của sanh và của khổ. (3) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: "C6 thể có chơn chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?59 Các ông cần phải trả lời: "C6 thể c6." Có thể có như thế nào? "Phàm c6 khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh", đây la tùy quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: 734. Những ai tiếp tục rơi, Dòng luân chuyển sanh tử, Đến hữu này hữu khác, Sanh thú do vô minh. 735. Vô minh, đại si mê, Đưa đến luân chuyển dài, Chúng sanh, minh đạt được, Không còn phải tái sanh. (4) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành,\ đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn? khổ không có hiện hữu", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

390 KINH TIỂU Bộ

736. Phàm khổ gì hiện hữu, Tất cả duyên các hành; Do đoạn diệt các hành, Khổ không có hiện hữu. 737. Do biết nguy hiểm này, Khổ do duyên các hành5 Tịnh chỉ tất cả hành, Do phá hoại các tưởng, Như vậy khổ được diệt, Biết như thực là vậy. 738. Bậc hiền trí chánh kiến, Hiểu biết với chánh trí, Nhiếp phục ma kiết sử, Không đi đến tái sanh. (5) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... uPhàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức,5, đây là tùy quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo? do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,...bậc Đạo Sư lại nói thêm: 739. Phàm khổ gì hiện hữu, Tất cả do duyên thức, Với thức được đoạn diệt, Khổ không có hiện hữu. 740. Do biết nguy hiểm này, Khổ do duyên các thức, Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,

Không dục ái, tịch tịnh. (6) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên đay là tùy quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 741. Những ai xúc chi phối, Chạy theo dòng sanh hữu, Những người hành tà dạo, Xa vời diệt kiết sử. 742. Những ai liễu tri xúc, Nhờ trí, thích an tịnh, Do họ thắng tri xúc5 Không dục ái, tịch tịnh. (7) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thQ“, đay là tùy quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 743. Với lạc thọ, khổ thọ? Hay bất khổ bất lạc, Nội thọ và ngoại thọ, Phàm có cảm thọ gì. 744. Biết được đây là khổ, Giả dối? bị hủy hoại, Thấy từng xúc hoại diệt, Như vậy tại nơi đây, Tỷ-kheo diệt các thọ, Không dục ái, tịch tịnh.

KINH TẬP 391

(8) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên áiđây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, ái không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 745. Người có ái bạn đường, Bị luân chuyển dài dài, Đến hữu này, hữu khác, Luân chuyên không dừng nghỉ. 746. Do biết nguy hiểm này, Chính ái tác thành khổ, Ly ái, không chấp thủ, Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.29 (9) Này các Tỷ-kheo, có thê các ông được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thtr, đay là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, thủ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 747. Do duyên thủ có hữu5 Do hữu đi đến khổ, Từ sanh nên có chết, Đây nguyên nhân của khổ. 748. Do vậy bậc hiền trí, Diệt thủ nhờ chánh trí, Nhờ thắng trí sanh diệt, Không đi đến tái sanh. (10) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau:... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên khởi xướng”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, khởi xướng không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 749. Phàm khổ gì hiện hữu, Tất cả duyên khởi xướng, Do đoạn diệt khởi xướng, Khổ không có hiện hữu. 750. Do biết nguy hiểm này? Khô do duyên khởi xướng, Từ bỏ mọi khởi xướng, Không khởi xướng, giải thoát. 751. Do đoạn tận hữu ái? Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh, Vượt khỏi sanh luân chuyên, Vị ấy không tái sanh. (11) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau:... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức n", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, thức ăn không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

29 Kệ 746-47, xem A. II. 10, Tanhuppãdasutta (Kinh Ải sanh); It. 8, Tanhasamyojanasutta (Kỉnh Ải kiết sử); It. 109, Tanhuppãdasutta (Kinh Ai sanh); J. IV. 351, Mahãvãnỉjajãtaka (Chuyện vị đại thương SỐ493.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,.. bậc Đạo Sư lại nói thêm: 752. Phàm khổ gì hiện hữu, Tất cả duyên thức ăn, Do đoạn diệt thức ăn? Khổ không có hiện hữu.30 753. Do biết nguy hiểm này, Khổ do duyên thức ăn? Liễu tri mọi thức ăn, Không y mọi thức ăn. 754. Nhờ chánh trí không bệnh, Đoạn diệt các lậu hoặc, Thọ dụng các thức ăn, Giác sát, trú Chánh pháp, Vị đạt được trí tuệ, Không rơi vào ước lượng. (12) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên dao d°ng“, đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, dao động không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,...bậc Đạo Sư lại nói thêm: 755. Phàm khổ gì hiện hữu, Tất cả duyên dao động, Do đoạn diệt dao động, Khổ không có hiện hữu. 756. Do biết nguy hiểm này? Khổ do duyên dao động, Do vậy bỏ dao động, Chặn dừng lại các hành, Không có gì chướng ngại, Không chấp thủ, chánh niệm, Vị Tỷ-kheo bộ hành, Khắp tất cả chân trời. (13) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau:... "Ai có nương tựa, thì bị dao dOng“, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Ai không có nương tựa, không bị dao d0ng9\ đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,.. bậc Đạo Sư lại nói thêm: 757. Không nương tựa, không động, Nương tựa có chấp thủ? Chấp hữu này hữu khác, Không vượt được luân hồi. 758. Sau khi rõ biết được, Nguy hiểm tai hại này5 Trong các sự nương tựa, Có sợ hãi lớn lao, Không nương tựa y chi, Không chấp thủ, chánh niệm, Vị Tỷ-kheo bộ hành, Khắp tất cả chân trời. (14) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “C6 thể có như thế Ĩ1o?" Này các Tỷ-kheo, "các pháp vô sắc an tịnh hơn các sắc pháp”đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Sự đoạn diệt an tịnh hơn các pháp vô ỉ săc5\ đây là pháp tùy quán thứ hai.

30 Tham chiếu: Ud. 45, Upasenasutta (Kỉnh Upasenă}\ Pe. ì; Xuất diệụ kinh uSa-m0npham,^ 3.04. 0212.33. 0764C15); Phap tập yếu tụng kỉnh uBật-sô phẩm,, (T.04. 0213.32. 0796bl6).

KINH TẬP 393

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 759. Chúng sanh thuộc sắc giới, Chúng sanh trú Vô săc? Không tuệ tri đoạn diệt, Chúng đi đến tái sanh. 760. Những ai liễu tri sắc, Khéo an trú vô sắc5 Giải thoát trong đoạn diệt, Họ từ bỏ sự chết.31 (15) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... "C6 thê có như thê nào?" Này các Tỷ-kheo, cái gì được thê giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thê giới này với quân chúng Sa-môn và Bà-la-môn? với chư thiên và loài người suy tưởng: “Dây là sự that", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: “Cái này là hư vQỉig", đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma? các Phạm thiên; được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: í4Đây là hư vong", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: "Cái này là chơn that", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm: 761. Hãy xem thế giới này, Với thế giới chư

thiên, Hoan hỷ với phi ngã, An trú trên danh sắc, yr Nghĩ răng danh săc này, Là chơn thật không ngụy. 762. Dầu họ r nghĩ thế nào, Khi danh sắc đổi khác, Danh săc là hư vọng, Giả dối, sống tạm bợ. 763. Niết-bàn không hư ngụy, Bậc Thánh chơn thật biết, Họ thắng tri chơn thật, Không ái dục, tịch tịnh. (16) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... "C6 thể có như thế nào?^ Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thê giới này với quân chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: "Dây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: 66Cái này là khổ9\ đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thê giới này với quân chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: "Bây là kh6", cái ây được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: "Cái này là l@c", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

31 Kệ 760-61, xem s. I. 132, Upacãlãsutta (Kỉnh Upacãỉã); It. 35, Pannãparỉhĩnasutta (Kinh Thổi đọa khỏi trí tuệ); It. 61, Santatarasutta (Kỉnh An tịnh hơn).

764. Sắc, tiếng, hương, vị9 xúc, Tất cả những pháp này9 Khả lạc, hỷ5 khả ý5 Khi nào chúng hiện hữu. 765. Thế giới với chư thiên, Xem chúng là khả lạc, Khi chúng bị hoại diệt, Mới thấy chúng là khổ.32 766. Bậc Thánh thấy là lạc, Khi có thân đoạn diệt, Đây hoàn toàn trái ngược, Điều mọi giới được thấy. 767. Điều người khác gọi lạc, Bậc Thánh gọi là khổ5 Điêu người khác gọi khô, Bậc Thánh biết là lạc, 768. Hãy xem pháp khó biết, Kẻ không thấy mê mờ. Kẻ bị che, tối tăm? Kẻ không thấy, tối mù, Bậc thiện, được rộng mở, Bậc thấy được ánh sáng, 769. Kẻ ngu dầu có gần, Cũng không biêt con đường, Cũng không có thiện xảo, Đối Chánh pháp Phật dạy. 770. Bị hữu tham chiến bại, Bị trôi theo dòng hữu, Rơi vào Ma chi phối, Pháp này khó chánh giác. 771. Ai ngoài các bậc Thánh, Xứng đáng đạo Chánh giác. Do chánh trí đạo ây, Chứng Vô lậu Niết-bàn. Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

32 Kệ 765-70, xem s. IV. 126, Pathamarũpãrãmasutta (Kinh thứ nhất về thích sắc).

IV PHẨM NHÓM TÁM (ATTHAKAK4GGA)

§1. KINH VỀ DỤC (Kãmasuttdỷ . 151) 772. Ai ao ước được dục, Neu dục được thành tựu, Chăc tâm ý hoan hỷ, Được điêu con người muôn. 773. Nêu người có dục ây, Ước muốn được sanh khởi, Các dục ấy bị diệt, Bị khổ như tên đâm. 774. Ai tránh né các dục, Như chân tránh đầu rắn, Chánh niệm vượt thoát được, Ái triền này ở đời. e r 775. Người nào tham đăm dục? Ruộng đất, vàng, bò5 ngựa, Người nô tỳ, phục vụ, Nữ nhân và bà con. 776. Như người không sức lực, Bị các dục chinh phục, Tai họa giẫm đạp nó, Khổ đau bước theo nó, Như nước ùa tràn vào, Chiếc thuyền bị vỡ nát. 777. Do vậy người thường niệm, Từ bỏ các loại dục, Bỏ dục vượt bộc lưu, Tát thuyền đến bờ kia.

§2. KINH HANG ĐỘNG TÁM KỆ (GuhaỊỊhakasutta)12 (Sĩĩ. 151) 778. Chúng sanh vào trong hang, Chấp chặt, bị bao trùm, Người có thái độ vậy, Chìm sâu trong si mê, Hạnh

viễn ly với nó5 Như vậy thật xa vời, Các dục ở trong đời, Không dễ gì đoạn tận. 779. Dục cầu làm nhân duyên, Bị lạc, hữu trói buộc, Họ rất khó giải thoát, Không thể có người khác, Đen giải thoát cho mình; Họ câu việc đã qua, Họ mong việc chưa lại, Họ tham đắm các dục, Những dục này hiện tại, Và những dục quá khứ.

1 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta^ (Kinh Soỵia);J. IV. 172, Kãmajãtaka (Chuyện dục tham) số §467; MNid. 1, Kãmasuttaniddeso (Diên giải kỉnh vê dục); Netti. 5, Desanãhãravibhangạ (Phân tích cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo); Netti. 63, Otaranahãravibhạnga (Phân tích cách truyền đạt bằng sự liệt kế); Pe. 23, Sasanapatthanadutiyabhumi (Phần thứ hai về Sự hình thành giảo phấp); vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc (r.04. 0198. 0174bl2). 2 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kỉnh Sona); MNỈd. 22, Guhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về hang); Pe. 1, Ariyasaccappakasanapathamabhumi (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thảnh dế); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tuc kinh (r.04. 0198. 0174bl2).

780. Ai tham đằm các dục, Bị trói buộc si mê, Họ xan tham, keo kiêt, An trú trên bất chánh, Khi rơi vào đau khổ, Họ sầu muộn, than khóc, Ở đây5 sau khi chết, Tương lai sẽ thế nào? 781. Do vậy ở tại dây, Con người cần học tập? Để mình biết những gì5 Là bất chánh ở đời; Do nhân duyên như vậy? Mà sống không bất chánh, Vì rằng bậc Thánh nói: Ngắn thay sanh mạng này! 782. Ta thấy ở trên đời, Loài người run, sợ hãi, Đi đến khát ái này, Trong những loại sanh hữu. Phàm những người thấp kém, Than van trước miệng chêt, Chưa viễn ly khát ái? Đối với hữu, phi hữu. 783. Hãy nhìn những người ấy, Run sợ trong tự ngã9 Như cá chỗ ít nước, Trong dòng sông khô cạn, Thấy được sự kiện này, Hãy sống không của ta, r r Không làm sự việc gì, Khiên tham đăm các hữu. 784. Hãy nhiếp phục ước muốn5 Đối với hai cực đoan, Nhờ liễu tri các xúc, Không còn có tham đắm5 Cái gì tự ngã trách, Cái ấy không có làm, Bậc trí không bị nhớp, Bởi những gì thây nghe. 785. Do liễu tri các tưởng/ Vượt qua khỏi bộc lưu, Bậc Mâu-ni không nhiễm, Đối với mọi chấp thủ, Với mũi tên rút ra9 Sở hành không phóng dật5 Không cầu mong đời này, Không mong ước đòd sau.

§3. KINH SAI LẠC TÁM KỆ (DuỊIhaỊIhakasutta)34 (Sn. 153) 786. Thật có một số người, Nói với ý sai lạc, Và thật cũng có người, Nói lên ý chơn thật. Dầu có lời nói gì, Ẩn sĩ không liên hệ, Do vậy bậc Mâu-ni, Không chỗ nào hoang vu. 787. Người ước muốn dắt dẫn, Thiên trú điều sở thích, Làm sao từ bỏ được, Điều tà kiến của mình, Khi tự mình tác thành, Quan điểm riêng của mình. Họ biết như thế nào, Họ sẽ nói như vậy. 788. Người không có ai hỏi, Lại nói cho người khác, Biết đến những giới cấm5 Của tự cá nhân mình,

3 Danh sắc. 4 Tham chiếu: Ụd. 57, Soụasutta (Kinh Sona); MNid. 61, Duụhatịhakasuttanỉddeso (Diễn giải kỉnh nhóm tám về xấu xa); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh (7.04. 0198. 0174b 12).

Bậc thiện xảo nói rang, Như vậy không Thánh pháp, Nếu ai tự nói lên, Lời tán thán tự ngã. 789. Vị Tỷ-kheo an tịnh? Sống hết sức tịch tịnh, Không tán thán giới đức, Nói rằng "T6i là v^y"; Bậc thiện xảo nói răng, Như vậy là Thánh pháp, Với vị ấy đề cao, Ở đời không khởi lên. 790. Với những ai, các pháp, Được sắp xếp, tác thành, Được đặt ra phía trước, Không phải là thuần tịnh, Khi đã thấy lợi ích, Trên tự thân của minh, Y đây và an trú, Duyên nơi sự dao động. 791. Đối với các định kiến, Không dễ gì vượt qua, Khi tích trữ càng nhiều, Sự chấp trước các pháp, Do vậy là con người, Đối với trú xứ ấy, Có khi quyết từ bỏ, Có khi chấp nhận pháp. 792. Đối với bậc trí tịnh, Không có định kiến sẵn, về hữu và phi hữu, Ở nơi nào trên đời. Bậc trí tịnh từ bỏ, Man trá và kiêu mạn, Vị ấy không chấp thủ, Điều gì khiến người đi. 793. Với ai có chấp thủ, Hay chỉ trích các pháp, Với ai không chấp thủ, Lấy gì có thể nói? Chính đối với vị ấy, Ngã, phi ngã đều không, Vị ấy đã tẩy sạch, Mọi tà kiến ở đời.

§4. KINH THANH TỊNH TÁM KỆ (SuddhaỊỊhakasutta)5 (% 154) 794. Ta thấy vị thanh tịnh, Vị tối thượng, không bệnh, Sự thanh tịnh con người, Với tri kiến đạt được, Năm giữ quan điêm này5 Xem đấy là tối thượng, Vị này sẽ xem trí, Là tùy quán thanh tịnh. 795. Nếu thanh tịnh con người, Do tri kiến đạt được? Hay với trí vị ấy, Từ bỏ sự đau khổ5 Vị ấy có sanh y, Ngoài Thánh đạo được tịnh, Vị ấy nói như vậy, Do tri kiến cá nhân. 796. Bà-la-môn A không r nói, Ngoài Thánh đạo được tịnh, Với điêu được thây nghe, Ngửi, nêm, xúc? giới dức, Với công đức, ác đức, Vị ấy không nhiễm trước, Từ bỏ mọi chấp ngã? Không làm gì ở đời.

5 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNid. 83, Suddhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch)', Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh (7.04. 0198. 0174Ồ12).

797. Từ bỏ tri kiên cũ, Y chỉ tri kiên mới, Đi đến sự tham đắm5 Không vượt qua ái dục, Họ nắm giữ, chấp trước, Họ từ bỏ, xa lánh, Như khỉ thả cành này? Rồi lại nắm cành khác. 798. Người tự mình chấp nhận, Các chủng loại giới cấm, Đi chỗ cao chỗ thấp, Sống bị tưởng chi phối; Người có trí rộng lớn, Nhờ trí tuệ quán pháp, Có trí không đi đến, Các pháp cao và thâp. 799. Vị ấy đạt thù thắng, Trong tất cả các pháp, Phàm có điêu thây nghe, Hay ngửi, nêm, xúc chạm, Với vị tri kiến vậy, Sông đời sông rộng mở? Không bị ai ở đời, Có thể chi phối được. 800. Họ không tác thành gì? Họ không đề cao gì, Họ không có nói lên, Đây tối thắng thanh tịnh, Không dính líu tham đắm, Mọi chấp trước, triền phược. Họ không tạo tham vọng, Bất cứ đâu ở đời. 801. Với vị Bà-la-môn, Đã vượt khỏi biên giới, Sau khi biết và thấy, Không có kiên, chập trước, Tham ái không chi phối, Cũng không tham, ly tham, Vị ấy ở đời này, Không chấp thủ gì khác.

§5. KINH TỐI THẮNG TÁM KỆ (ParamaỊỊhakasutta)6 .156) 802. Ai thiên trú trong kiến,
Xem kiến ấy tối thắng, Ở đời đạt kiến ấy, Vào địa vị tối thượng, Người ấy nói tất cả, Người khác là hạ liệt, Do vậy không vượt khỏi, Sự tranh luận ở đời. 803. Khi nó thấy lợi ích, Đến với tự ngã Ĩ16, Đối với vật thấy nghe, Ngửi, nếm, xúc, giới dức, Vị ấy ở tại đấy, Liền chấp trước, nắm giữ, Nó thấy mọi người khác, Là hạ liệt thấp kém. 804. Người y

chỉ kiến ấy, Thấy người khác hạ liệt, Các bậc thiện nói rằng, Đấy là sự trói buộc, Do vậy đôi thây nghe, Ngửi, nếm, chạm, giới cấm, Bậc Tỷ-kheo không c6, Y chí, nương tựa vào. 805. Chớ có tác thành ra, Tri kiến ở trên đời, Từ ở nơi chánh trí, Hay từ nơi giới đức,

6 Tham chiếụ: Ụd. 57, Sonasutta (Kỉnh Soụă)\ MNid. 101, Paramatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng)} Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kinh (T.04. 0198. 0174b 12).

Không bận tâm so sánh, Tự ngã băng người khác, Không có suy nghĩ đên, Đây Tiet" hay đây "thắng." 806. Đoạn tận, từ bỏ ngã5 Không chấp thủ sự gì, Không tác thành, dựng nên, Dù nương tựa nơi trí, Chơn thật giữa tranh châp, Không theo phe phái nào, Vị ấy không đi theo, Một loại tri kiến nào. 807. Với ai không hướng nguyện, về cả hai cực đoan, Với hữu và phi hữu, Hay đời này, đời sau, Vị ấy không an trú, Tại một trú xứ nào, Từ bỏ mọi chấp thủ, Đối với tất cả pháp. 808. Đối vị ấy ở đây5 Những gì được thấy nghe, Được ngửi9 nếm, xúc chạm, Chút suy tưởng cũng không, Vị Bà-la-môn ấy, Không chấp thu, tri kiến, Không ai ở đời này, Có thể chi phối được. 809. Họ không tác thành gì, Họ không đề cao gì, Các pháp không được họ, Chấp trước, nắm giữ gi, Không một Phạm chí nào, Bị giới cấm dắt dẫn, Đi đến bờ bên kia, Vị ấy không trở lui.

§6. KINH GIÀ ựarãsuttdy (Sn. 158) 810. Sinh mạng này ngăn thay, Trong trăm năm rồi chết, Nếu ai sống hơn nữa, Rồi cũng chết vì già. 811. Loài người sầu vì ngã, Mọi chấp thủ vô thường, Trống không là đời này, Thấy vậy sống không nhà. 812. Vì loài người nghĩ rằng, Cái này là của tôi, Cái ấy bị sự chết, Làm hoại diệt hư tàn, Biết vậy bậc hiền trí, Không gọi, không hướng đến. Cái này ngã của ta, Cái này là của ta. 813. Như những gì hiện lên, Trong giâc ngủ mộng mị5 Con người khi tỉnh dậy, Không còn thấy được gì, Cũng vậy ở đời này9 Người được ưa, ái luyến, Rồi sẽ chết mất đi, Không ai còn thấy được. 814. Các loại hạng người ấy, Được thấy và được nghe, Nên họ được gọi tên, Tên này hay tên khác. Với người đã chết đi, Chỉ được gọi tên không, Vì chỉ có tên suông, Sẽ được còn tồn tại.

7 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNid. 116, Jarasuttaniddeso (Diễn giải kinh về sự giă); Pe. 1, Arỉyasaccappakãsanapatharnabhũmỉ (Phần thứ nhất về Tuyên thuyet Thanh dế); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh (T.04. 0198. 0174b 12).

815. Tham đăm cái của ta, Họ không có từ bỏ, Sầu khổ và than van, Cùng xan tham, keo kiết, Do vậy bậc ẩn sĩ, Sau khi bỏ chấp thủ, ỉ 9

Đã sống một đời sống, Thây được sự an ôn. 816. Đối với vị Tỷ-kheo, Sông thanh văng một mình, Sống tu tập tâm ý9 Hướng đến hạnh viễn ly, Nếp sống vậy được nói5 Hòa hợp với vị ấy, Và không nêu tự ngã, Trong hiện hữu của mình. 817. Vị ẩn sĩ không tựa, Không y chỉ một ai, Không làm thành thương yêu, Không tác thành ghét bỏ9 A 1 Do vậy trong sâu than, Trong xan tham, keo kiết, Như nước trên lá cây, Không dính ướt làm nhơ. 818. Giống như một giọt nước, Không dính ướt hoa sen, Như nước trên bông

sen, Không dính ướt làm nhơ, Đối với vật thấy nghe, Được ngửi, nếm, xúc chạm, Cũng vậy bậc an sĩ, Không dính ướt tham đắm. 819. Do vậy bậc tẩy sạch, Không có suy tư đến5 Điều được thấy được nghe, Được ngửi, nếm, xúc chạm, Vị ây muôn thanh tịnh, Không có dựa gì khác, Vị ấy không tham đắm, Cũng không có ly tham.

§7. KINH TISSA METTEYYA (Tissametteyyasuttdỷ (Sri. 160) 820. Tissa Metteyya, Tôn giả nói như sau: The Ton hãy nói len, Sự tai hại của người, Đăm say vê dâm dục, Sau khi nghe, chúng con, Sẽ học tập lời Ngài, Lời dạy về viễn ly. 821. Thế Tôn nói như sau: Hỡi này Metteyya, Ai đắm say dâm dục, Quên mât lời giảng dạy, Rơi vào đường tà vạy, Nếp sống ấy không thánh. 822. Ai trước sống một mình, Nay rơi vào dâm dục, Như xe bị nghiêng ngả, Người ây ở trong đời? Được gọi là phàm phu, Được gọi là hạ liệt. 823. Tiếng tốt có từ trước, Giờ đây bị tổn giảm, Thấy vậy hãy học tập, Từ bỏ sự dâm dục. 824. Chi phối bởi suy tư, Trâm ngâm như kẻ khôn, Nghe tiếng trách người khác, Kẻ này bị thất vọng.

8 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNid. 138, Tissametteyyasụttạnỉddeso (Diễn giải kinh về Tissametteyya); PeẠ, Ariyasaccappakasapathamabhumi {Phần thư nhất về Tuyên thuyết Thảnh đế); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kỉnh (T.04. 0198. 0174b 12).

KINH TẬP 401

825. Bị người khác buộc tội, Nó làm các đao kiêm5 Trở thành người tham lớn, Châp thủ điêu vọng ngôn. 826. Được danh là hiền trí, An trú, sống một mình, Nếu rơi vào dâm dục, Sầu não như kẻ ngu. 827. Thấy nguy hại như vậy9 Bậc ẩn sĩ trước sau, Kiên trì sống cô độc, Không thực hành dâm dục. 828. Hãy học tập viễn ly? Đây hạnh Thánh tối thượng, Không nghĩ mình tối thắng, Dầu gần được Niết-bàn. 829. Sở hành bậc ẩn sĩ9 Trống không, không mong dục, Bậc vượt khỏi bộc lưu, Được các người ở đời9 Bị tham dục trói bug Ganh tị và thèm muốn.

§8. KINH PASỦRA (Pasũrasuttăỷ (Sn. 161) 830. Ở đây? chính thanh tịnh, Họ thuyết giảng như vậy, Họ nói trong pháp khác, Không có sự thanh tịnh, Họ nói chỗ y chí, Ở đây là thanh tịnh, Mỗi người mỗi an trú, Trong sự thật của mình. 831. Những ai muốn tranh luận, Sau khi vào hội chúng, Họ công kích lẫn nhau, Họ gọi nhau là ngu, Họ đi đến người khác, Và khởi lên tranh luận, Họ muốn được tán thán, Họ gọi chúng thiện xảo. 832. Ham mê thích tranh luận, Ở giữa các hội chúng, Ước muốn được tán thán, Họ sợ hãi thất bại, Khi bị đánh thất bại, Họ trở thành rủn chí, Bị chê, họ nổi giận, Kẻ tìm lỗi người khác. 833. Khi các nhà thẩm sát, Phê bình các câu h6i, Tuyên bố cuộc tranh luận, Đi đến chỗ thất bại, Kẻ nói lời hạ liệt, Than khóc và sầu não, Họ rên rỉ, than van, Nó đã đánh bại ta. 834. Giữa các vị Sa-môn, Các tranh luận khởi lên5 Trong các tranh luận này, Có chiến thắng, chiến bại. Do thấy rõ như vậy, Không vui thích tranh luận, Dầu có được tán thán, Cũng không lợi ích gì. 835. Hay trong tranh luận này5 Nó được lời tán thán, Sau khi đã nói lên, Chính giữa các hội chúng,

9 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kỉnh Sona); MNid. 160, Pasũrasụttaniddeso (Diễn giảỉkinh về Pasũră)\ Pe. 1, Ariyasaccappakasanapatharnabhumi (Phần thứ nhất về

Tuyên thuyêt Thảnh đe); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh (T.04. 0198. 0174b 12).

Do vậy nó vui cười, Nó tự hào kiêu hãnh, Đạt được mục đích ây, Như tâm ý đã có. 836. Cái làm nó cống cao, Cũng là đất hại nó, Tuy vậy nó vẫn nói, Lời cống cao, kiêu mạn, Khi thấy được như vậy? Hãy đừng có tranh luận, Bậc thiện xảo nói răng, Thanh tịnh không do vậy. 837. Cũng như bậc anh hùng, Được đồ ăn vua nuôi, Đến la hét muốn tim, Một địch thủ anh hùng5 Ôi5 anh hùng hãy đến, Chỗ nào có vị ấy, Từ trước đã không có, Sự đấu tranh như vậy. 838. Những ai chấp tri kiến, Tranh luận về kiến ấy, Tuyên bố? thuyết giảng rằng: Chỉ đây là sự that, Ông hãy nói với họ, Ở đây không tranh luận, Ong hãy nói thêm răng, Ở đây không địch thủ. 839. Cuộc chiến đấu đã tàn, Những ai sông như vậy, Không có sự chông đôi, Giữa kiến này, kiến khác, Hỡi này Pasũra! Ông được gì nơi họ5 Với người không chấp thủ, Một sự gì tối thượng? 840. Vậy ông hãy đi đến, Suy tư, ngẫm nghĩ kỹ, Với tâm ý suy tư, Trên những loại tri kiến, Khi đến gặp tranh luận, Với bậc đã tẩy sạch, Ông thật không thể nào, Cùng vị ấy tiến bước.

§9. KINH MAGANDIYA (Mãgandiyasutta)iQ (Sn. 163) [Thế Tôn:] ĩ 84L Sau khi thấy khát ái, Bât lạc và tham đăm, Không thê có ưa muôn, Đối với sự dâm dục. Sao, với bao đầy tràn, Nước tiêu, phân uê này5 Ta không có ước muôn, Với chân động chạm nó. [Mãgandiya:] 842. Nếu Ngài không ước muốn, Ngọc báu như thế này, Nữ nhân được mong cầu, Bởi rất nhiều đế vương, Hãy nói như thế nào5 Là tri kiến của Ngài, Giới cấm và sinh mạng, Cùng sự hữu phát sanh.

10 Bản CST viết Mãgandiya. Bản Tích Lan, PTS và Thái Lan viết Mãgandiya. Tham chiếu: s. III. 9, Hãlịddỉkãnỉsutta(KỉnhHãlỉddikãnỉ)\ ưd. 51 ,Sonasutta(KinhSona)\MNid. 180,Magandiyasuttaniddeso (Diên giải kinh về Mãgandiya); Vin. I. 179; Phật thuyêt Nghĩa túc kỉnh (T.04. 0198. 0174bl2).

843. Thế Tôn liền trả lời, Cho Mãgandiya: Với Ta không có nói, “Ta nói như thế này Sau khi quán sát kỹ, Sự chập thủ trong pháp, Trong tất cả tri kiến, Ta không có chập trước, Ta thấy biết rõ ràng, Tịch tịnh trong nội tâm. 844. Mãgandiya nói: Các lý thuyết quyết định, Ngài nói vị ẩn sĩ, Không nắm giữ thuyết nào, Còn về ý nghĩa này, Của hai chữ nội tịnh, Thê nào bậc men trí, Hiểu biết hai chữ ấy? 845. Thế Tôn nói như sau: Này Mãgandiya, Không phải từ tri kiến, Từ truyền thống, từ trí, Không phải từ giới cấm, Thanh tịnh được đem đến. Người ta nói như vậy, Nhưng cũng không phải là, Không kiến, không truyền thống, Không trí, không giới câm, Từ bỏ tất cả chúng, Không chấp thủ sự gì, Bậc thiện không y chỉ, Không ước muốn sanh hữu. 846. Mãgandiya nói: Nấu không từ tri kiến, Từ truyền thống, từ trí, Không phải từ giới cấm, Thanh tịnh được đưa đến. Người ta nói như vậy, Cũng không phải không kiến, Không truyền thống, không trí, Không giới luật, giới cấm, Thanh tịnh được đem đến, Con nghĩ rằng pháp vậy, Là pháp kẻ ngu si, Vì rằng thật có người, Nhờ kiến đến thanh tịnh. 847. Thế Tôn nói như sau: Này Mãgandiya, Nêu y vân tri kiên, Ong còn tiêp tục hỏi, Chính do những chấp

thủ, Đi đến sự ngu si, Từ đó ông không thấy, Một chút gì về tưởng, _ Do vậy ông cho răng, Pháp này là ngu si. 848. Bằng ta, thắng hơn ta, Hay thấp kém hơn ta, Ai suy nghĩ như vậy, Do vậy đấu tranh khởi, Ai không bị dao động, Bởi ba vấn đề ấy, Như vậy đôi vị ây, Không bằng, không thù thắng. 849. Sao Bà-la-môn ây, Lại nói: "Bây sự that", Đây chính là nói láo, Để gây nên tranh luận; Với ai không hề có, Bằng nhau, không bằng nhau. Do đâu nó có thể5 Mắc vào tranh luận được. 850. Rời bỏ mọi nhà cửa, Sống là kẻ không nhà, Ẩn sĩ không thân thiết, Với một ai ở làng,

r Trông không các dục vọng, Không xem trọng sự gì, Không nói chuyện tranh luận, Với một ai ở đời. Vị ấy sống viễn ly, Mọi sự việc ở đời9 Bậc Long tượng không chấp, Và không nói đến chúng, Như cây sen có gai, Sanh ra ở trong nước, Không bị nước và bùn, Mac dính và thâm ướt, Như vậy bậc ẩn sĩ, Nói an tịnh, không tham, Không bị dục và đời, Mắc dính và thấm ướt. Bậc trí không do kiến, Cũng không do thọ tưởng, Đi đến sự kiêu mạn, Không có tham dự vào, Không để cho hành động5 Cho truyền thống dắt dẫn, Không để bị chi phối, Trong trú xứ của ý. Người không ưa thích tưởng, Không có bị trói buộc5 Vị được Tuệ giải thoát, Không có sự si mê? Và những ai chấp thủ5 Tư tưởng và tri kiến, Người ây sông xung đột, Với mọi người ở đời.

§10. KINH TRƯỚC KHI BỊ HỦY HOẠI (Purãbhedasutta)n (Sn .166) 854. Người sống đời an tịnh, Kiến và giới thế nào, Con hỏi Gotama, Là bậc người tối thượng? 855. Thế Tôn đáp như sau: Ly ái trước thân hoại, Không y chỉ ban đầu, Khồng y chỉ cuối cùng? Không kể đến vật giữa, Không có ưa thích nào. 856. Không phẫn nộ? không sợ5 Không khoa đại, không hối, ?

Nói hòa nhã, không động, Bậc ân sĩ thận ngôn. 857. Không ước vọng tương lai, Không sâu muộn quá khứ, Thây viên ly giữa xúc, Không để kiến dắt dẫn. 858. Sống riêng, không man trá, Không muốn, không xan tham. Không xông xáo, nhàm chán, Không được nói hai lưỡi. 859. Không mê vật khả ái9 Cũng không có quá mạn5 Nhu hòa nhưng ứng biện, Không vọng tín, không tham. 860. Không tu tập vì lợi, Không được lợi không sân, Không bị ái kích thích, Không đam mê các vị. 861. Thường trú xả? chánh niệm, Ở đời không nghĩ mình, Bằng, hơn hay thua người, Vị ấy không bồng bột.

11 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Soụa); MNỈd. 209, Piưãbhedasuttanỉddeso (Diễn giải kinh trước khi hoại rã); Vìn. I. 179; Phật thuyêt Nghĩa túc kinh (r.04. 0198. 0174b 12).

862. Không y chỉ một ai, Biêt pháp? không y chỉ, Vị ấy không có ái, Đối với hữu, phi hữu. 863. Ta gọi vị an tịnh? Không mong câu các dục? Vị ấy không triền phược, Vượt khỏi các tham trước. 864. Vị: ấy không con cái, Thú vật, ruộng, đất dai, f r Không có gì năm lây9 Là ta, là không ta. 865. Phàm phu có buộc tội, Hoặc Sa-môn, Phạm chí, Vị ấy không quan tâm, Trong lời nói không động. 866. Không tham, không xan lẫn, Ẩn sĩ không nói cao, Không nói bằng, nói thấp, Không đi đến đặt dể, Vì vị ấy vượt khỏi, Những gì được đặt để. 867. Ai không co vật gì, Không có, không sầu muộn, Không đi

đến các pháp, Vị ấy gọi an tịnh.

§11. KINH TRANH LUẬN (Kalahavivãdasutta)12 (Sn. 168) [Người hỏi:] 868. Từ đâu được khởi lên, Các tranh luận, đấu tranh, Than van và sầu muộn, Cùng với tánh xan tham, Mạn và tăng thượng mạn, Kể cả với hai lưỡi, Từ đâu chúng sanh nhiều, Mong Ngài hãy nói lên? [Thế Tôn:] 869. Từ ái sanh khởi nhiều, Các tranh luận, đấu tranh, Than van và sầu muộn, Cùng với tánh xan tham, Mạn và tăng thượng mạn, Kê cả với hai lưỡi, Các tranh luận, đấu tranh, Đều liên hệ xan tham, Những lời nói hai lưỡi, Khởi lên từ tranh luận. [Người hỏi:] 870. Do những nhân duyên nào, Khả ái sanh ở đời? Hay những tham lam nào, Được lưu hành ở đời? Ước vọng và thành đạt, Là do nhân duyên nào? Khiến loài người được sanh, Trong thời gian tương lai. [Thế Tôn:] 871. Do ước muốn làm nhân, Khả ái sanh ở đời5 Hay với những tham lam, Được lưu hành ở đời, Ước vọng và thành đạt, Do ước muốn làm nhân, Khiến loài người được sanh, Trong thời gian tương lai.

12 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kỉnh Sonà)\ MNỈd. 254, Kalahayỉvãdasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh cãi cọ và tranh cãi); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc (7.04. 0198. 0174b 12).

406 KINH TIÊU Bộ

[Người hỏi:]
872. Ước muốn sanh ở đời, Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định, Do nhân nào được sanh?
Phẫn nộ và vọng ngữ, Cùng với cả nghi hoặc, r —
Hoặc là những pháp nào, Được Sa-môn nói đên?
[Thế Tôn:]
873. Khả ý, bất khả ý, Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng, Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc, Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được, Những quyết định ở đời.
874. Phẫn nộ và vọng ngữ, Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành, Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập, Trên con đường chánh trí,
Sau khi biết các pháp, Do Sa-môn thuyết giảng.
[Người hỏi:]
875. Khả ý? bất khả ý, Là do nhân duyên nào?
Do cái gì không c6, Họ không có hiện hữu?
Còn vê ý nghĩa này, về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con, Nguyên nhân gì chúng sanh?
[Thế Tôn:]
876. Do nhân duyên cảm xúc, Khả ý, bất khả ý?
Nêu không có cảm xúc, Họ cũng không hiện hữu,

Còn về ý nghĩa này, về phi hữu và hữu,
Ta nói cho ông rõ, Nguyên nhân này chúng sanh.
[Người hỏi:]
877. Còn cảm xúc ở đời, Do nhân gì sanh khởi?
Hay các loại chấp thủ, Do từ đâu sanh nhiều?
Do cái gì không có, Ngã sở hữu không có?
Cái gì không hiện hữu, Khiến không có cảm xúc?
[Thế Tôn:]
878. Do duyên danh và sắc, Nên có các cảm xúc,
Do nhân các ước muôn? Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có, Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu, Khiên không có cảm xúc.
[Người hỏi:]
879. Sở hành như thế nào, Sắc pháp không hiện hữu?
An lạc và khổ đau, Thế nào không có mặt?
KINH TẬP 407

Hãy nói lên cho con, Không có như thê nào, Chúng con muốn được biết, Tâm ý con là vậy. [Thế Tôn:] 880. Không có tưởng các tưởng, Không có tưởng vô tưởng, Phi tưởng cũng không có, Vô hữu tưởng cũng không, Do sở hành như vậy, Sắc pháp không hiện hữu, Do nhân duyên các tưởng, Hý luận được hình thành. [Người hỏi:] 881. Ngài đã nói chúng con, Những điều chúng con hỏi, Có điều nữa hỏi Ngài, Mong Ngài trả lời cho, Bậc hiền trí nói rằng, Như thế này tối thượng, Nghĩa là ở đời này, Thanh tịnh vượt nhân gian, Hay là chúng muốn nói, Có điều gì khác nữa? [Thế Tôn:] 882. Bậc hiền trí nói rằng, Như thế là tối thượng, Nghĩa là ở đời này, A Thanh tịnh vượt nhân gian, Nhưng có người nói răng, Chính là sự hoại diệt, Lại một số thiện nhân, Nói rằng: "Không dư y." 883. Biết được những pháp ấy, Đều nương tựa y chỉ, Biêt vậy bậc ân sĩ, Suy tư trên y chỉ, Biết được nên giải thoát, Không đi đến tranh luận, Bậc hiền không tìm đến, Cả hữu và phi hữu.

§12. KINH NHỮNG VẤN ĐÈ NHỎ BÉ (CũIabyũhasuttà)^ (S 171) [Người hỏi:] 884. Mỗi người tự thiên chấp, về tri kiến của mình, Do chấp thủ sai biệt, Bậc thiện xảo nói lên, Ai biết như thế này, Vị ấy biết được pháp, Ai chỉ ưích điểm này, Vị ấy không hoàn toàn. 885. Do chấp thủ như vậy, Họ tranh luận với nhau, Họ nói kẻ khác ngu, Không có khéo thiện xảo5 Trong những lời nói này, Lời nói ai chơn thật, Hay tất cả vị này, Là những bậc khéo nói? [Thế Tôn:] 886. Nếu không có chấp thuận, Pháp của các người khác, Nói kẻ khác là ngu, Tuệ như vậy thấp kém,

13 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNid. 284, Culabyiihasuttaniddeso (Diễn giải kinh những vấn đề nhỏ bẻ); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kinh (704. 0198. 0174bl2).

408 KINH TIỀU Bộ

Tất cả là ngu si, Có tuệ thật thấp kém, Tất cả tri kiến này, Đều chỉ là thiên chấp. 887. Nếu các cuộc tranh luận, Được tri kiến gạn lọc, Trí tuệ được thanh tịnh? Thiện xảo trí sáng suốt, Họ không có một ai, Là trí tuệ hạ liệt, Và tri kiến của họ? Được hoàn toàn viên mãn. 888. Ta không có nói rằng: “Bây chính là sự thật?9 Các người ngu với nhau, Cùng nhau nói như vậy, Với tri kiến tự mình, Họ nói là chơn thật, Do vậy các người khác, Được họ xem là ngu. [Người hỏi:] 889. Một số người nói rằng: 4tĐây mới là sự that” Họ nói các người khác, Là trống không, giả dối, Do chấp thủ như vậy? Họ tranh luận, đấu tranh, Vì sao bậc Sa-môn, Không cùng nói một lời? [Thế Tôn:] 890. Sự thật chỉ có một, Không sự thật thứ hai, Khi có sự hiểu biết, Hội chúng không tranh luận. Nhrnig họ tự mình khen, Các sự thật khác nhau, Do vậy bậc Sa-môn, Không cùng nói một lời. [Người hỏi:] 891. Vì sao họ nói lên, Những chơn thật sai khác? Vì sao bậc thiện xảo, Lại nói lời tranh luận? Nếu các sự thật ấy, Là nhiều và sai biệt, Hay họ chỉ nhớ đến, Những suy luận của họ? [Thế Tôn:] 892. Thật sự các sự thật, Không có nhiều sai biệt, Từ các luồng tư tưởng, về thường còn ở dời, Do họ suy nghĩ đến, Tư tưởng các tri kiên, Họ nói có hai pháp, Sự thật và giả dối. 893. Các pháp được thấy nghe, Ngửi, nếm, xúc, giữ giới, Họ y cứ pháp này, Họ suy tư, nhìn thây, An trú các quyết định, Họ chê cười người khác, Họ nói các người khác, Là ngu si, bất thiện. 894. Vì rằng đối người khác, Họ xem là ngu si, Tự mình gọi chính mình, Là thiện xảo tốt đẹp, Do chính mình khen mình, Vị ấy gọi thiện xảo, Khinh thường các người khác, Lời người ây là vậy.

KINH TẬP 409

895. Vị ây quá say mê5 Với tri kiên của mình, Nên trở thành kiêu mạn, Viên mãn tự ý mình, Tự mình với tâm ý, Làm lễ Quán đảnh mình, Và tri kiến của họ, Được nghĩ đạt như thế. 896. Nếu người khác nói rằng: Nó là hạng hạ liệt, Như vậy đối tự minh, Kẻ kia cũng liệt tuệ, Nêu tự nó sáng suốt, Bậc hiền trí hiểu biết, Không có ai ngu si, Giữa các bậc Sa-môn. 897. Những ai tuyên bố pháp, Sai khác với pháp này, Đi ngược lại thanh tịnh? Không là người hoàn toàn, Như vậy các ngoại đạo, Tuyên bô thật rộng rãi? Do lòng tham tri kiến, Họ quá sức đam mê. 898. Những ai tuyên bố rằng, Chính đây là thanh tịnh, Họ nói không thanh tịnh, Trong các pháp sai khác, Như vậy các ngoại đạo, An trú cách khác nhau, Họ kiên trì tuyên bố, Con đường riêng của mình. 899. Ai kiên trì tuyên bố, Con đường riêng của mình, Sao ở đây có thể, Nói người khác là ngu? Vị ấy tự bản thân, Đem lại sự tranh cãi, Người khác nói họ ngu, Không được pháp thanh tịnh 900. An trú trên quyết định, Tự mình lượng sức người, Vị ấy ở trên đời, Chỉ tăng thêm tranh luận. Khi từ bỏ tất cả, Mọi quyết định, chủ trương, Con người ở trên đời, Không tạo ra tranh cãi.

§13. KINH NHỮNG VẤN ĐÈ TO LỚN (Mahãbyũhasutta)Ỵ4 (Sn. 174) [Người hỏi:] 901. Với những ai thiên vị, Đối với tri kiến này, Chỉ đây là sự thật, Họ cãi cọ, tranh luận, Tất cả những người ấy, Đem lại sự chỉ trích, Hay chính tại ở dây, Họ được lời tán thán? [Thế Tôn:] 902. Đây chỉ là nhỏ bé, Không đủ đem an tịnh, Ta nói về hai quả, Của các loại đấu tranh; Sau khi thấy như vậy, Chớ có nên tranh luận, Nên thây răng an 6n, Không phải đấu, tranh luận.

14 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kỉnh Sog; MNỈd. 304, Mahabyuhasuttaniddeso (Diễn giải kinh những vấn đề to lớrì)\ Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kinh (r.04. 0198. 0174b 12).

410 KINH TIÊU Bộ

903. Phàm những thế tục này, Được sanh giữa phàm phu, Bậc trí không dựa vào, Tất cả thế tục này, Với vật được thấy, nghe, Không khởi ý muốn thích, Đã không có dính mắc, Sao nay lại dính măc. 904. Bậc xem giới tôi thượng, Nói tịnh nhờ chế ngự, Chập thủ giới câm xong, Họ an trú như vậy. Ở đây họ tu tập, Do đây được thanh tịnh, Họ chỉ khéo nói năng, Họ bị hữu dắt dẫn. 905. Nếu có ai vi phạm, Giới hạnh và giới cấm, Người ấy sẽ run sợ, Vì sở hành khiếm khuyết. Và người ây ham muôn, Cầu mong được thanh tịnh, Như lữ hành lạc đoàn, Khi sống xa gia đình. 906. Hoặc người ấy đoạn hết, Tât cả giới câm thủ, Cùng với các sở hành, Có tội9 không có tội, Không còn có cố gắng, Thanh tịnh, không thanh tịnh, Người ây sông từ b6, Không theo giữ an tịnh. 907. Người y chỉ khổ hạrýì, Người y chỉ nhàm chán, Kẻ dựa vào nghe thấy, Hay ngửi, nếm, xúc chạm, Họ là hạng nói lớn9 Tán thán sự thanh tịnh, Chưa đoạn được tham ái, Đối với hữu, phi hữu. 908. Với ai có nỗ lực9 Cầu mong và ham muốn, Họ mới phải run sợ, Ở nơi các định kiến; Với những ai ở đời5 Không có sanh và chết, Do gì, khiến họ sợ, Họ tham vọng cái gì? [Người hỏi:] 909. Có những người tuyên bố, Pháp này là tối thượng, Nhưng người khác lại nói9 Pháp ấy là hạ liệt. Ai nói lời chơn thật, Giữa hai hạng người này, Hay tất cả hạng này, Đều là hạng khéo nói? 910. Với pháp tự của mình, Nói pháp này viên mãn, Chỉ trích pháp người khác, Là thấp kém, hạ liệt; Do chấp thủ như vậy, Họ luận tranh, đâu tranh, Mọi thế tục tự mình, Họ nói là chơn thật. [Thế Tôn:] 911. Nếu có bị người khác, Khinh rẻ là hạ liệt, Như vậy giữa các pháp, Không gì thù thắng sao? Kẻ phàm phu nói rằng, Pháp người khác hạ liệt, Cương quyết tự đề cao, Pháp mình không hạ liệt.

KINH TẬP 411

912. Như mọi người tôn thờ, Chánh pháp của tự mình, Giống như họ tán thán, Mọi sở hành bản thân, Tât cả những lời nói, Trở thành lời chơn thật, Sự thanh tịnh đối họ5 Tự mỗi người tác thành. 913. Với người Bà-la-môn? Không người khác lãnh đạo, Sau khi đã nghiên cứu, Chấp thủ trong các pháp, Do vậy nên vị ây, Vượt khỏi các tranh luận, Không thấy pháp người khác, Có thể thù thắng hơn. 914. Họ nói: “T6i thấy biết, Cái này là như vay.” Họ đi đên quan điêm9 Thanh tịnh nhờ tri kiến, Vị ấy đã thấy vậy, Cần gì kiến người khác, Vượt qua được quan điểm5 Thanh tịnh nhờ pháp khác. 915. Người có mắt thấy được, Cả danh và cả sắc, Sau khi thấy được chúng, Sẽ biết chúng là vậy, Hãy để người ấy thấy, Các dục nhiều hay ít, Bậc thiện xảo không nói, Thanh tịnh là nhờ dục. 916. Người đã có cuồng tín, Không đưa đến thanh tịnh, Vì đã có thiên V Với tri kiến tác thành, Y chỉ nơi cái gi, Nơi đấy là tinh sạch, Người tuyên bô thanh tịnh, Thấy ở đấy như vậy. 917. Phạm chí không rơi vào, Thời gian và ước lượng, Không theo các tri kiến, Không bà con với trí, Biết được các thế tục, Do phàm phu chấp thủ9 Các người khác học hỏi5 Vị ấy sống hỷ xả. 918. Không chấp thủ triền phược, Ẩn sĩ sống ở đời, Giữa tranh luận khởi lên, Không theo phe phái nào, Sống an tịnh, hỷ xả, Giữa những người không tịnh, Các người khác học hỏi, Vị ấy sống không học. 919. Từ bỏ lậu hoặc cũ, Không tạo

lậu hoặc mới, Không đi đến ước muốn, Không cuông tín, châp thủ, Vị hiền trí như vậy, Thoát khỏi các tà kiến, Không tham dính ở đời, Không bị ngã chỉ trích. 920. Không có sự thù hằn, Đối với tất cả pháp? Phàm có thấy nghe gì, Hay ngửi, nêm, xúc chạm, Ẩn sĩ không hệ lụy, Đã đặt gánh nặng xuống, Không đặt dể, sắp xếp, Không phải kiêng, không câu.

§14. KINH CON ĐƯỜNG MAU CHÓNG (Tuvatakasuttd)15 (Sn. 179) 921. Con hỏi bậc Đại Tiên, Bậc Bà Con Mặt Trời, Con đường đến viễn ly, Con đường đến an tịnh, Tỷ-kheo sau khi thấy, Làm thê nào tịch tịnh, Không có sự chấp thủ, Một vật gì ở đời? 922. Thế Tôn đáp như sau: Hãy chặt đứt hoàn toàn, Gốc rễ các hý luận, Mọi tư tưởng "t6i là", Tất cả phải chấm dứt, Phàm có nội ái nào, Sau khi nhiếp phục chúng, Thường chánh niệm học tập. 923. Phàm có loại pháp gi, Được thắng tri hoàn toàn, Hoặc thuộc vê nội pháp, Hay thuộc vê ngoại pháp, Chớ tự hào, kiêu hãnh, Bất cứ một pháp nào, Trạng thái ấy không gọi, Sự bình an tịch tịnh. 924. Chớ có nghĩ như sau: Cái kia là tốt hơn, Đây là hạ liệt hơn, Hay đây là ngang băng, Do phải bị xúc chạm, Với các sắc sai biệt, Hãy chớ để tự mình, An trú trên vọng tưởng, 925. Hãy giữ được an tịnh, về phía tự nội tâm, Tỷ-kheo không cầu tìm, An tịnh từ chỗ khác, Với người được an tịnh, Từ phía tự nội tâm, Đã không có tự ngã, Từ đâu co vô ngã. 926. Như chính giữa trung ương, Của biển cả đại dương, Sóng biển không có sanh, Biên hoàn toàn đứng lặng, Cũng vậy này Tỷ-kheo, Hãy đứng lặng không động, Không dục vọng, tham luyến, Đối sự gì ở đời. [Người hỏi:] 927. Vị có mắt rộng mở, Đã tuyên bố rõ ràng, Pháp có thể chế ngu, Mọi nguy hiểm khó khăn? Bậc Hiền thiện, mong Ngài, Tuyên bố rõ con đường, Hay về biệt giải thoát, Hoặc về pháp thiền định? [Thế Tôn:] 928. Chớ có những con mắt, Đây rây những tham đăm5 Hãy chặn đứng lỗ tai, Nghe cấu chuyện của làng, Lại chớ nên đắm say, Các mùi vị ngon lành5 Chớ xem là của ta, Mọi sự vật ở đời! 929. Trong khi được cảm giác, Với các loại cảm xúc, Tỷ-kheo không than van, Bất cứ một điều gì;

15 Tham chiếu: Ud. 57, Soụasutta (Kinh Sona); MNid. 338, Tuvatakasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh một cách nhanh chỏng)', Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kinh (7.04. 0198. 0174b 12).

’

Vị ây không câu mong, Dầu loại sanh hữu nào, Và không có run sợ, Rơi vào các kinh hoàng. 930. Các đồ ăn thâu được, Cùng với các đồ uống, Các món ăn nhai được, Các đô vải mặc được? Chớ có cất chứa chúng, Những đồ vật nhận được, Chớ có quá lo âu, Nếu không thâu được chúng. 931. Hãy tu tập thiền định, Chớ làm kẻ lang thang, Chớ ưa thích trạo cử, Đừng rơi vào phóng dật, r /ỹ 5 Đôi với các chô ngôi, Cùng với các chô năm5 Tỷ-kheo hãy an trú, Những chỗ không tiếng động. 932. Ngủ nghỉ có chừng mực, Chớ có ngủ quá nhiều, Hãy luôn luôn tỉnh thức, Nỗ lực và nhiệt tâm, Hãy từ bỏ biếng nhác, Man trá, cười, chơi đùa? Hãy từ bỏ dâm dục, Bỏ ưa thích trang điểm. 933. Chớ co dùng bùa chú, Atharva Vệ-đà, Chớ tổ chức đoán mộng, Coi tướng và xem sao5 Mong

rằng đệ tử Ta, Không đoán tiếng thú kêu, Không tính ngày thọ thai, Không hành nghề lang băm. 934. Tỷ-kheo không run sợ, Khi bị người chỉ trích, Cũng không có công cao, Khi được khen, tán thán, Hãy từ bỏ tham ái, Cùng với tánh xan tham, Kể luôn cả phẫn nộ, Cùng với nói hai lưỡi. 935. Tỷ-kheo không an trú, Trong nghề nghiệp bán buôn, Lại không có chỉ trích, Bất cứ tại chỗ nào, Khi ở tại thôn làng, Không tức giận một ai, Chớ có vì lợi dưỡng, Nói chuyện với quần chúng. 936. Tỷ-kheo không nên nói, Khoa trương quá mức độ, Và cũng không nói lời, Có dụng ý lợi dưỡng, Chớ có học tập theo, Lối sỗ sàng trâng tráo, Chớ có thốt ra lời, Khiêu khích xung đột ai. 937. Chớ có bị dắt dẫn, Rơi vào lời nói láo, Không cố ý làm nên. Điều man trá, giả dối, Chớ có khinh người khác, Vê vân đê sinh mạng, về vấn đề trí tuệ9 Và vấn đề giới hạnh. 938. Sau khi phẫn uất nghe, Nhiều ngôn từ lời lẽ9 Của các vị Sa-môn, Hay những kẻ phàm phu5 Chớ có phản ứng họ5 Với những lời thô ác, Bậc hiền lành an tịnh, ỈChông phản pháo một ai.

939. Sau khi rõ biết được, Pháp này là như vậy, Tỷ-kheo hãy học tập, Sáng suốt và chánh niệm, Rõ biết sự tịch tịnh, Được gọi "su an tjnh", Chớ có sống phóng dật, Trong lời dạy Cù-đàm. 940. Bậc đã được chiến thắng, Không ai chiến thắng nổi, Tự mình thấy được pháp, Không nghe theo tin đồn, Do vậy hãy học tập, Luôn luôn không phóng dật, Với tâm tư cung kính, Lời dạy đức Thế Tôn, The Tôn nói như vậy.

§15. KINH CHẤP TRƯỢNG (Attadandasutta)16 (Sn. 182) 941. Từ người cầm các trượng, Sợ hãi được sanh ra, Hãy xem các loài người, Trong khi đấu tranh nhau, Ta sẽ nói sợ hãi5 Như Ta đã được biết. 942. Thây loài người vùng vây, Như cá trong nước cạn, Thấy họ chống đối nhau, Ta rơi vào sợ hãi. 943. Đời toàn không cốt lõi, Mọi phương đều dao động, Muốn cho mình ngôi nhà, Ta không thấy nhà ở. 944. Cuối cùng là xung đột? Thấy vậy, Ta chán ngắt, Đây Ta thấy mũi tên, Khó thấy, gắn vào tim. 945. Ai bị mũi tên đâm? Chạy khắp mọi phương hướng; ĩ

Ai rút mũi tên ra, Không chạy, không chìm xuông. 946. Ở dây, sự học tập, Đã được nói rõ lên, Phàm triền phược ở đời, Chớ liên hệ với chúng, Rõ các dục hoàn toàn, Tự học tập Niết-bàn. 947. Chơn thật, không xông xáo, Không man trá? hai lưỡi, Không phẫn nộ, ẩn sĩ, Vượt tham ác, xan tham. 948. Người nghĩ đến Niết-bàn, Bỏ ngủ, nhác, thụy miên, Không sống với phóng dật, Không an trú quá mạn. 949. Không rơi vào nói láo, Không tham ái các sắc, r Cần liễu tri ngã mạn, Sông từ bỏ bạo ác. 950. Không hoan hỷ uẩn cũ, Không mong mỏi uẩn mới, Trong tổn giảm, không sầu, Không liên hệ tham ái, 951. Ai, Ta gọi bộc lưu, Mong câu cứ tiêp n6i, Sở duyên gọi rúng động, Bùn dục khó vượt qua.

16 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNỈd. 401, Attadanýasuttaniddeso (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh (T.04. 0198. 0174b 12).

952. Ẩn sĩ giữ chân thật, Phạm chí trú đất liền, Vị từ bỏ tất cả? Thật được gọi an tịnh. 953. Biết vậy, gọi người biết, Biết pháp, không y cứ, Chơn chánh sống ở đời, Không tham ái một ai. 954. Ai ở đây vượt dục? Ái khó vượt ở đời, Không sầu, không tham

muốn, Cắt dòng không trói buộc. 955. Trước ông làm khô cạn, Sau ông không vật gì? Ở giữa không nắm giữ, Ông sẽ sống an tịnh. 956. Toàn diện đối danh sắc, Không gì nghĩ "của ta", Không có gì không sầu, Không có già ở đời. 957. Không nghĩ "dây của tôi" Không nghĩ Cíđây của người9\ Người không có tự ng Không sầu vì không ngã. 958. Không ganh tị, không tham, Không dục, thường đông đăng. Được hỏi Ta nói lên, Lợi ícĩi bậc bất động. 959. Bậc ly dục rõ biết, Vị ấy không sở hành, Thoát ly các sở hành, Thây an ôn khăp nơi. 960. Bậc ẩn sĩ không nói, Bằng nhau, thua, hơn nhau, An tịnh, ly xan tham, Không nhận, không bác bỏ5 Thế Tôn giảng như vậy.

§16. KINH SẢRIPUTTA (Sărìputtasutta)^ (Sn. 185) 961. Xá-lợi-phất nói vầy, Trước con chưa từng thấy, Chưa từng được nghe ai, Tiêng nói thật ngọt ngào, Như tiếng bậc Đạo su, Từ cõi Đâu-suất đến. 962. Bậc Có Mắt xuất hiện, Đời này và thiên giới, Quét sạch mọi u ám, Độc cư, chứng an lạc. 963. Bậc Giác Ngộ độc lập, Như thật khôngA man trá, Ngài đến ở đời này, Lãnh đạo các đô chúng, Con đến với câu hỏi, Từ nhiều người trói buộc. 964. Vị Tỷ-kheo nhàm chán, Thường ngồi nơi frống không, Tại gốc cây, nghĩa địa, Hay hang sâu trong núi. 965. Tại chỗ cao thấp ấy, Có bao nhiêu sợ hãi, Khiến Tỷ-kheo không run, Tại trú xứ vắng lặng? 966. Bao nguy hiểm ở đời, Tỷ-kheo càn chinh phục, , r Trong hướng đi bât tử, Tại trú xứ xa văng?

17 Tham chiếu: Ud. 57, Sonasutta (Kinh Sona); MNịd. 444, Sariputtasuttaniddeso (Diễn giải kinh về Sãriputta); Vìn. I. 179; Phật thuyết Nghĩa tủc kinh (T.04. 0198. 0174b 12).

967. Ngôn ngữ và hành xứ, Của vị ấy là gì? Có bao nhiêu giới cấm, Tỷ-kheo cần tinh tấn? 968. Chấp nhận học tập gì, Vị Tỷ-kheo nhất tâm, Thông minh, giữ chánh niệm, Tây sạch các câu uê, Trên tự ngã của mình, Như thợ lọc vàng bạc? 969. Thế Tôn bèn trả lời: Này Sãriputta, Với người biết nhàm chán, Có gì là khoan khoái, Khi sử dụng sàng tọa, Tại chỗ tịnh trống không, Với ai muốn giác ngộ, Sống đúng với tùy pháp, Ta sẽ nói điều ấy, Như Ta đã quán tri. 970. Vị Tỷ-kheo có tí, Chánh niệm, sống có giới, Không có sợ năm điêu, Đáng sợ hãi ở đời: Các loại ruồi, mối bay, Cùng các loài bò sát, Xúc chạm của loài người, Cùng các loại bốn chân. 971. Vị ấy không nên sợ, Tri kiến của người khác, Khi đã được thấy biết, Nhiêu sợ hãi của chúng, Bậc tìm đến chí thiện, Thấy được các nguy hiểm, Cần phải lo khắc phục, Tất cả nguy hiểm khác. 972. Khi thọ lãnh bệnh hoạn, Khi cảm xúc đói khổ? Với lạnh và cực nóng, Cần phải nhiếp phục chúng, Cảm xúc nhiều bởi chúng, Kẻ không có nhà cửa, Cần tinh tấn, cần mẫn, Lòng hết sức kiên trì. 973. Chớ ăn trộm, ăn cắp, Chớ nói lời nói láo5 Hãy cảm xúc từ tâm, Đối kẻ yếu, kẻ mạnh, Khi rõ biết tâm tư, Trong tình trạng dao động5 Hãy gột sạch, tẩy sạch, Phần hắc ám đen tối. 974. Chớ để bị chi phối, Bởi phẫn nộ? quá mạn5 , Hãy đào chúng tận gôc, Và an trú như vậy, Đối những gì khả ái, Hay đối không khả ái, Hãy hoàn toàn nhiếp phục, Chớ để bị chi phối. 975. Thiên trọng về trí tuệ, Hoan hỷ trong chí thiện, Hãy chặn đứng, loại bỏ, Nguy hiểm ách nạn ấy, 18 Hãy khắc phục bất lạc, Đối trú xứ vắng lặng, Hãy khăc phục bôn pháp, Khiên sâu muộn than van: 976. Ta sẽ ăn những gì? Và được ăn tại đâu? Thật khó khăn ta ngủ? Nay ta ngủ tại đâu?

18 Năm triền cái của thiền.

KINH TẬP 417

Với những tư tưởng ây, Vị ấy có thể than, Bậc Hữu học không nhà, Hãy nhiếp phục trừ chúng. 977. Với đồ ăn, vải mặc, Đúng thời thâu hoạch được, Cần ước lượng vừa đủ, Hài lòng ở nơi đây, Chế ngự đối với chúng, Sống nhiếp phục trong làng, Dầu phẫn uất không nói? Những lời độc, thô ác. 978. Với mắt cúi nhìn xuống, Chân không đi lang thang, Chú tâm vào thiền định, Với rất nhiều tỉnh giác, Cố gắng tu tập xả, Tự ngã khéo định tĩnh, Hãy cắt dứt, trừ khử, Các nghi ngờ hối tiếc. 979. Bị buộc tội bằng lời, Chánh niệm, tâm hoan hỷ? Phá hoại sự cứng rắn9 Giữa các đồng Phạm hạnh, Nói lên ĩứiững lời nói, Hiền thiện và đúng thời, Không để tâm suy tư, Gièm pha, vu khống người. 980. Lại nữa, năm loại uê5 Hiện có ở trên đời, Hãy học nhiếp phục chúng, Luôn luôn giữ chánh niệm, Đối với sắc và tiếng, Đối với vị và hương, r : Cùng đối các cảm xúc, Hãy chê ngự tham ái. 981. Hãy chế ngự ước muốn, Đối với những pháp ấy, Vị Tỷ-kheo chánh niệm, Tâm tư khéo giải thoát, Rồi đúng thời vị ấy, Chơn chánh suy tư pháp, Với chuyên tâm nhất trí, Sẽ đoạn tận hăc ám.

V PHẨM CON ĐƯỜNG ĐÉN BỜ BÊN KIA (PÃRÃY4NAVAGGA)

§1. BÀI KỆ MỞ ĐẨU (Vatthugãthẩ)x {Sn. 190) 982 Từ thành phố đẹp đẽ? Của các Kosala, Có vị Bà-la-môn? Thông đạt các chú thuật, Hướng tầm vô sở hữu, Hướng phía Nam bước tới 983. Trong nước Assaka, Gần xứ AIaka, Vị ấy sống trên bờ, Sông Godhãvari, Nuôi sông băng trái cây, Bằng đồ ăn lượm lặt. 984. Gần chỗ vị ấy ở, Có làng đất rộng rãi, Với tài sản thâu thập, Tổ chức tế đàn lớn. 985. Đại tế đàn lễ xong, Vị ấy trở về am, Trong khi bước vào am, Một Phạm chí khác đến. y r

986. Chân sưng húp, run Tẩy, Răng dơ, đâu lâm bụi, Người ây bước đên gân, Và xin năm trăm tiền. 987. Sau khi thấy vị ấy, Bãvaiĩ mời ngôi, Hỏi thăm an lành không, Rồi nói lời như sau: [Bãvarĩ:] 988. "Những gì tôi cho được, Tôi đã cho tất cả5 Phạm chí hãy tin tôi, Tôi không có năm trm.” [Phạm chí:] 989. Nếu điều ta xin ông, Tôn giả không đáp ứng, Sau bảy ngày, đâu ông, Sẽ bị vỡ bảy mảnh! 990. Sau khi làm chú thuật, Kẻ man trá tuyên bố, Những lời nói đáng sợ, Nghe những lời nói ấy, Phạm chí Bãvarĩ, Cảm thấy lòng đau khổ. 991. Gầy ốm, không uống ăn, Bị tên sầu muộn đâm, Với tâm tư như vậy, Ý khó vui trong thiền. 992. Thấy lo sợ5 buồn khổ, Một thiên nhân đi đến, Muốn bạn được hạnh phúc, Nói với Bãvarĩ:

Xem CNỈd. 1, Vatthugãthã (Kệ ngôn dẫn chuyệrì).

[Thiên nhân:] 993. Kẻ man trá muốn tiền, Không rõ biết về đàu5 về đầu, đánh bể đầu, Trí ấy nó không có. [Bãvarĩ:] 994. Này bạn, nếu bạn biết, Hãy nói câu hỏi tôi, về dầu, đánh bể dầu, Chúng tôi nghe lời người. [Thiên nhân:] 995. Toi không biết yiệc này, Trí này toi không có, về đầu, đánh bể đầu, Bậc Chiến Thắng thấy được [Bãvarĩ:] 996. Vậy ai có thể biết, Trên quả đất tròn này, về đầu, đánh bể đầu, Thiên nhân nói tôi biết. [Thiên nhân:] 997. Từ thành Kapila, Bậc Lãnh Đạo Thế Giới, Xuất hiện ra ở đời, Là con cháu

hậu duệ, Của Vua Okkãka, Thích tử chiếu hào quang. 998. Vị ấy, Chánh Đẳng Giác, Hỡi này Bà-la-môn, Đã đi đến bờ kia, Đối với tất cả pháp, Đạt được cả sức mạnh, Của tất cả thắng trí, Bậc Có Mắt thấy được, Trong tất cả các pháp, Đạt được sự diệt tận, Của tất cả các nghiệp, Được giải thoát, diệt tận, Đối với các sanh y. 999. Bậc Giác Ngộ, Thế Tôn, Bậc Có Mắt thuyết pháp, Hãy đến hỏi vị ấy, Vị ấy sẽ trả lời. 1000. Nghe tiếng Chánh Đẳng Giác. Bãvarĩ phấn khởi, Sầu muộn được giảm bớt, Được hoan hỷ rất nhiều. 1001. Vị Bãvarĩ ấy, Hoan hỷ và phấn khởi, Cảm thấy lòng cảm động, Hỏi vị thiên nhân ấy: Ở tại thôn làng nào, Ở tại thị trấn nào, Ở tại quốc độ nào, Lãnh đạo thế giới trú? Tại đấy tôi sẽ di, Đảnh lễ bậc Giác Ngộ9 Bậc Vô Thượng Loài Người. [Thiên nhân:] 1002. Ở tại Savatthi,^ Trong thành Kosala, Bậc Chiến Thắng an trú, Với trí tuệ rộng lớn, Với hiểu biết thù thắng, Rộng rãi và cùng khắp; Vị ấy là Thh tử, Không gánh nặng, vô lậu, Bậc Ngưu Vương Loài Người, Biết rõ về đỉnh đàu, Biết rõ đánh vỡ đầu.

KINH TẬP 421

1003. Rồi vị Bà-la-môn5 Cho gọi các đệ tử,
Là những vị thông đạt, về bùa chú, kệ tụng.
[Bãvarĩ:]
Hãy đến các thanh niên, Ta sẽ nói, hãy nghe,
Những lời ta nói lên.
1004. Vị ấy rất khó gặp, Rất hiếm hiện ở đời,
Nay sanh ra ở đời? Được danh bậc Chánh Giác,
Hãy đi gấp Xá-vệ, Thấy được bậc Vô Thượng.
[Các đệ tử:]
1005. Kính thưa Bà-la-môn? Thế nào chúng con biết,
Sau khi thấy vị ấy, Biết vị ấy là Phật,
Chúng con chưa được biêt? Hãy nói chúng con biết!
[Bãvarĩ:]
1006. Trong những kệ, bùa chú, Được truyền lại đến nay,
Có nói đến tướng tốt, Của một bậc Đại nhân,
Có nói ba mươi hai, Trọn đủ được liên tục.
1007. Ai có trên thân thể, Đủ tướng đại nhân ấy,
Chỉ có hai sanh thú9 Không có cái thứ ba.
1008. Nấu trú tại gia đình, Chinh phục quả đất này,
Không dùng trượng dùng kiếm, Giáo hóa đúng Chánh pháp.
1009. Nếu vị ấy xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà,
Rộng mở màn vô minh, Vị ấy được trở thành,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bậc ứng Cúng Vô Thượng.
1010. Với tâm ý hãy hỏi, Sanh, tánh tướng của ta,
Kệ chú, đệ tử ta, về đầu, đánh bể đầu.
1011. Nếu vị ấy là Phật, Thấy rõ, không ngăn ngại,

Với lời vị ấy đáp, Các câu hỏi bởi ý.
1012. Nghe lời Bãvarĩ, Mười sáu người đệ tử,
Tất cả là Phạm chí, Tên là Ajita,
Tissa Metteya, Punnaka, Mettagũ,
1013. Cùng với Dhotaka, Và Ưpasĩva,
Nanda, Hemaka, Todeyya, Kappa,
Với Jatukanni, Là bậc danh hiền trí
1014. Và Bhadrãvudha, Cùng với ưdaya,
Phạm chí Posãla5 Và Mogharặịa,
Là bậc có trí tuệ, Cùng với Piốgiya,
Là vị đại ẩn si, Tất cả những vị ấy,

1015. Mỗi người có đồ chúng, Có danh xưng ở dời, Tu thiền, ưa thiền định, Bậc có trí sáng suốt, Đã tạo được nền tảng, Từ đời trước của mình. 1016. Đảnh lễ Bãvarĩ, Thân phía hữu hướng ngài, Tât cả đêu bện tóc, Mặc áo vải da thú, Mặt hướng vê phía Băc, Tất cả họ ra đi. 1017. Trước hết, họ đi ngang, Đến Patitthãna, Của xứ A]aka, Rồi Mãhissati, Tiếp đến Ujjeni? Và đến Gonaddha, Tiếp đến Vedisa, Vanasavhaya. 1018. Đi đến Kosambl Đi đến Sãketa, Rồi đến Sãvatthi, Là thành phô tôi thượng, Kế đến Setavyã, Kapilavatthu, Rồi đến tòa lâu dài, Tên Kusinãrã. 1019. Rồi đi đến Pãvã? Và thành phố Bhoga, Tiếp đến Vesãli, Thành phố Magadha, Rồi Pãsãnaka, Ngôi điện đẹp, khả ái. 1020. Như khát có nước mát, Người buôn được lợi lớn? Nóng bức gặp bóng mát, Họ gấp leo ngọn núi. 1021. Thế Tôn trong lúc ấy, Dần đầu chúng Tỷ-kheo5 Ngài đang thuyết Chánh pháp, Cho các vị Tỷ-kheo, Giống như con sư tử, Rông tiêng rông trong rừng. 1022. Ajita thấy Phật, Như mặt trời vàng chói, Như mặt trăng ngày rằm, Được tròn đầy viên mãn. 1023. Và thấy thân thể Ngài, Đầy đủ các tướng tốt, Hoan hỷ đứng một bên, Hỏi câu hỏi tâm ý. [Ajita:] 1024. Hãy nói về thọ sanh, Nói dòng họ, các tướng, về tối thượng kệ chú, Phạm chí dạy bao nhiêu? [Thế Tôn:] 1025. Tuổi thọ trăm hai mươi, Dòng họ Bãvarĩ, Trên thân thể ba tướng, Thông đạt ba Vệ-đà. 1026. về tướng và truyền thuyết, về từ vựng, lễ nghi, Dạy học được năm trăm, Tột đỉnh pháp của mình. [Ajita:] 1027. Bậc Vô Thượng đoạn ái, Hãy nói lên tường tận, Các tướng Bãvarĩ, Để chúng con không nghi.

[Thế Tôn:] 1028. Lưỡi che kín mặt mày, Lông trắng giữa hai mày, Có da bọc âm tàng, Hãy biết vậy thanh niên. 1029. Không nghe câu hỏi gi, Chỉ nghe câu trả lời, Quần chúng rất ngạc nhiên, Chăp tay tự suy nghĩ. [Dân chúng:] 1030. Thiên, Phạm thiên, Đế-thích, Hay Siỳampati, Ai với ý hỏi Ngài, Xin nói cho được biết? [Ajita:] 1031. Bãvarĩ tìm hỏi, về đàu, đánh bể dầu, Thê Tôn hãy trả lời, Đoạn nghi hoặc chúng con, Ôi5 thưa bậc Tiên Nhân! [Thế Tôn:] 1032. Vô minh là đỉnh đầu, Hãy hiểu biết như vậy, Minh là đánh bể đầu? Liên hệ dục tinh tấn, Với lòng tin, chánh niệm, Liên hệ với thiền định. 1033. Với cảm thọ lớn mạnh, Thanh niên tự chế ngự, r Đăp áo da một bên, Với đầu, đảnh lễ chân. [Ajita:] 1034. Phạm chí Bãvarĩ, Cùng đệ tử, thưa Ngài, Tâm phấn khởi đẹp

ý5 Lễ chân bậc Có Mắt. [Thế Tôn:] 1035. Phạm chí Bāvarī, Hãy sông được an lạc, Cùng với các đệ tử! Mong ông sống an lạc, Thọ mạng được lâu dài, Hỡi này kẻ thanh niên. 1036. Bãvarĩ và ông, Có mọi nghi ngờ gì, Cơ hội đến hãy hỏi, Tùy theo ý ông muốn. 1037. Được bậc Chánh Đẳng Giác, Cho cơ hội tốt đẹp, Ajita liền ngồi, Chắp tay hỏi Như Lai, Hỏi câu hỏi thứ nhất, Chính ngay tại chỗ ấy, (Kệ mở đầu đã xong.)

§2. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN AJITA (Ajitamanavapuccha)2 (S 197) 1038. Tôn giả Ajita: Do gì đời bị che?

2Xem s. II. 47, Bhũtasutta (Kinh Sanh); CNid. 6, Ạịitamãụavapucchã^Cầu hỏi của thanh nỉênAjită)\ Netti. 10, Vìcayahãravibhanga (Phân tích cách truyền đạt băng sự tìm hiêu); Netti. 70, Sodhanahãrạvỉbhangạ (Phân tích cách truyền đạt bằng sự làm rổ); Pe. 1, Ariyasaccappakãsạnapathamabhũmỉ (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thanh đế); Pe. 81, Haravibhangapancamabhumi (Phần thứ năm về Phân tích phạm tru).

Do gì không chói sáng? Hãy nói lên cái gì, Làm uế nhiễm cuộc đời? Cái gì sợ hãi lớn? 1039. Thế Tôn liền đáp lại: Đời bị vô minh che, Do xan tham, phóng dật, Đời không được chói sáng, Ta nói do mong cầu, Nên đời bị uế nhiễm, Chính là sự đau khổ5 Nên có sợ hãi lớn. 1040. Tôn giảAjita: Mọi nơi dòng nước chảy, Cái gì ngăn dòng nước? Hãy nói lên cái gL Chế ngự được dòng nước? Cái gì đóng dòng nước? 1041. Thế Tôn liền đáp lại: Hỡi này Ajita, Các dòng nước ở đời? Chánh niệm ngăn chặn lại, Chánh niệm được Ta gọi, Chế ngự các dòng nước, Và chính do trí tuệ, Đóng lại các dòng nước. 1042. TôngiảẠịita: Trí tuệ và chánh niệm, Cùng với danh và sắc, Kính thưa bậc Tôn giả, Hãy nói điều con hỏi, Từ đâu chúng bị diệt? [Thế Tôn:] 1043. Câu hỏi gì ông hỏi, Hỡi này Ajita, Ta sẽ đáp cho ông. Chỗ nào danh và sắc5 Được đoạn diệt hoàn toàn, Không còn lại dư tàn, Chính do đoạn diệt thức, Danh sắc được đoạn diệt. [Ajita:] 1044. Những ai biết tư sát, Các pháp thuộc hữu vi, Cùng với bậc Hữu học, Nhiều vị ở đời này, Được hỏi Ngài hãy nói, về nếp sống của họ? Bậc thận trọng sáng suốt, Hãy nói lên thưa Ngài! [Thế Tôn:] 1045. Chớ tham đắm các dục, Giữ tâm tư an tịnh, Thiện xảo trong các pháp, Tỷ-kheo giữ chánh niệm, Sống đời sống du phương.

§3. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TISSA METTEYYA (Tissametteyyamãnavapucchã)3 (Srĩ. 199) 1046. Tissa Metteyya: Ai thỏa mãn ở đời? Với ai không dao động? Ai thắng tri hai biên, Ở giữa không dính líu, Ai, Ngài gọi đại nhân? Ở đời ai vượt khỏi, Thêu dệt, các ái nhiễm?

3 Xem A. III. 399, M(ỳjhesutta (Kinh Trung đạo); CNỈd. 9, Tissametteyyamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Tissametteyyă).

1047. Thế Tôn liền đáp rằng: Hỡi này Metteyya, Giữa dục sống Phạm hạnh, Không ái, luôn chánh niệm, Tỷ-kheo lặng tính toán, An tịnh không dao động. 1048. Ai thắng tri hai biên, Chặng giữa nhờ trí tuệ? Không dính líu bị nhiễm, Ta gọi là đại nhân, Vị ấy ở đời này, Vượt khỏi sự thêu dệt, Các ái nhiêm tham muôn.

§4. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PUNNAKA (Punnakamanavapuccha) 4 (Sn. 199) 1049. Tôn giả Punnaka: Với ai không dao động, Thấy rõ được cội gốc, Con đến với câu hỏi, Liên hệ đến mục đích, Bậc ân sĩ, loài người, Sát-đế-lỵ, Phạm chí, Do họ y chỉ gì, Tế đàn cho chư thiên, Đã tổ chức rộng lớn? Con hỏi bậc Thế Tôn, Hãy trả lời cho con. 1050. Thế Tôn bèn đáp rằng: Hỡi này Punnaka, Bậc ẩn sĩ, loài người, Sát-đế-lỵ, Phạm chí, Đã tổ chức rộng lớn, Tế đàn cho chư thiên, Khi họ thành già yếu, Họ tổ chức tế dàn, Vì răng họ hy vọng, Được sanh ở đời này, Hỡi này Punnaka! 1051. Tôn giả Punnaka: Bậc ân sĩ, loài người, Sát-đế-lỵ9 Phạm chí, Đã tổ chức rộng lớn, Tế đàn cho chư thiên, The Tôn nghĩ the nào, Họ không có phóng dật, Trên con đường tế đàn, Họ vượt qua già chết, Được hay không thưa Ngài? Con hỏi đức Thế Tôn, Con mong Ngài trả lời. 1052. Thế Tôn trả lời rằng: Hỡi này Punnaka, Họ hy vọng tán thán, Họ cầu nguyện, cúng lễ, Họ cầu nguyện các dục, Do duyên vì lợi dưỡng, Chuyên tâm lo tế dàn, Ưa thích, tham sanh hữu, Họ không vượt già chết, Ta nói lên như vậy. 1053. Tôn giả Punnaka: Nếu họ chuyên tế dàn, Nhimg không thể vượt qua, Già, chết với tế dàn, Thời ai sống ở đời, Trong thế giới nhân, thiên,

4 Xem A. I. 132, Ẫnandasutta (Kinh Tôn giả Ẫnandà)\ A. II. 44, Samãdhỉbhãvanãsutta (Kinh Định tu tập); CNid. 11, Punụakamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Punnakă).

Đã vượt qua già chết, Ai được vậy thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn, Ngài trả lời cho con.
1054. Thế
.
Tôn trả lời ràng:
m
Hỡi này Puụụaka,
Ai tính toán cao thâp5 Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động, Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,56 Không phiên não, không câu,
Vị ấy vượt g chết, Ta nói lên như vậy.
§5. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN METTAGŨ (Mettagũmãnavapucchẩý (Sn. 201) 1055. Tôn giả Mettagũ: Con xin hỏi Thế Tôn, Mong Thế Tôn trả lời, Vấn đề con đã hỏi, Con nghĩ Ngài hiền trí, Tự ngã đã tu tập, Từ đâu ở trong đời, Đau khổ này khởi lên, Với nhiều loại như vậy? 1056. Thế Tôn trả lời rằng: Hỡi này Mettagũ, Ông hỏi ta vấn dề, Sanh khởi của khổ đau, Ta sẽ nói cho ông, Như Ta đã được biết. Chính do duyên sanh y, Nên khổ được khởi lên, Với nhiều loại như vậy, Khác biệt ở trong đời. 1057. Những ai vì vô minh, Tác thành các sanh y, Kẻ ngu tạo đau khô, Tiếp tục được sanh khởi; Do vậy kẻ hiểu biết, Không nên tạo sanh y, Vì thấy sự sanh khởi, Của sanh và đau khổ. [Mettagũ:] 1058. Điều chúng con đã hỏi, Ngài đã đáp chúng rồi, Nay xin hỏi câu khác, Mong Ngài giải đáp cho. Thê nào bậc hiên trí, Vượt khỏi dòng nước mạnh. Vượt khỏi sanh và già,

Cùng sầu muộn than khóc? Mong rằng bậc Ẩn sĩ, Hãy khéo trả lời con, Đúng như Ngài đã biết, Pháp nhĩ là như vậy. 1059. Thế Tôn trả lời rằng: Hỡi này Mettagũ, Ta sẽ nói cho ông, Pháp thiết thực hiện tại, Không do trao truyền lại, Sau khi biết pháp ấy, Vị ấy sống chánh niệm, Vượt tham ái ở đời. [Mettagũ:] 1060. Thưa bậc Đại ẩn si, Con hết sức hoan hỷ?

5 Chỉ cho phẫn nộ. 6 Xem CNỈd. 14, Mettagũmãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Mettagu).

Chánh pháp vô thượng ấy, Sau khi biết pháp ấy, Sống gìn giữ chánh niệm, Vượt tham ái ở đời. 1061. Thế Tôn đáp lại rằng: Hỡi này Mettagũ, Phàm ông rõ biết gì, Trên? dưới, ngang, ở giữa, Hãy từ bỏ thích thú? Hãy từ bỏ chấp thủ, Chớ để cho ý thức, An trú trên sanh hữu. 1062. An trú vậy, chánh niệm? Tỷ-kheo không phóng dật, Sau khi bỏ sở hành, Đưa đến ngã sở hữu, Đối với sanh và già, Sầu muộn và than khóc, Ở đây biết được vậy? Sẽ từ bỏ đau khổ. [Mettagũ:] 1063. Con cảm thấy hoan hỷ9 Lời nói bậc Đại sĩ, Đoạn tận được sanh y, Được Ngài khéo tuyên thuyết; Chắc chắn đức Thế Tôn, Đã đoạn tận đau khổ, Vì pháp này được Ngài, Rõ biết là như vậy. 1064. Những vị ấy chắc chắn, Có thể đoạn đau khổ, Những người mà được Ngài, Thường thường dạy giáo hóa. Biết bậc Long Tượng rồi? Con xin đảnh lễ Ngài? Mong Thế Tôn thường hằng, Giáo hóa dạy dỗ con. [Thế Tôn:] 1065. Vị Bà-la-môn nào, Được thăng tri có trí, Không có sở hữu gi, Không ái luyến dục hữu, Chắc chắn vị như vậy, Vượt qua bộc hru này, Đã đến được bờ kia, Hoàn toàn, không nghi ngờ. 1066. Người ấy sau khi biết, Thông suốt ở đời này, Không dính ái triền này, về hữu và phi hữu; Vị ấy ly tham ái, Không phiền lụy, không cầu, Ta nói răng vị ây, Đã vượt khỏi sanh già.

§6. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN DHOTAKA (photakamãnavapucchẩ)1 (Sn. 204) 1067. Tôn giả Dhotaka: Con xin hỏi Thế Tôn, Mong Ngài trả lời cho, Con chờ đợi lời Ngài, Kính thưa bậc Đại si, Nghe lời Ngài tuyên bố, Chúng con sẽ tự mình, Học tập giới Niết-bàn.

7 Xem MNid. 22, Guhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về hang); CNid. 19, Dhotakamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh nien Dhotaka); Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp); Kv. 188, Paravitãranakathã {Vấn đề siêu phàm của bậc A-ỉa-hản).

1068. Thế Tôn đáp lại rằng: Hỡi này rDhotaka, Ở đây ông nhiệt tâm, Sáng suôt và chánh niệm9 Từ đây nghe tuyên bố, Tự học tập Niết-bàn. [Dhotaka:] 1069. Con thấy ở thế giới, Chư thiên và loài người, Sở hành của Phạm chí, Không một gì sở hữu. Con đảnh lễ chính Ngài, Bậc Có măt cùng khăp, Kính thưa bậc Thích Tử, Hãy giải thoát cho con, Tất cả mọi nghi ngờ. [Thế Tôn:] 1070. Hỡi này Dhotaka, Ta sẽ không đi đến, Giải thoát cho một ai, Có nghi ngờ ở đời, Khi pháp được ông biết, Là tôi thượng, tôi thăng, Như vậy ông vượt khỏi, Dòng nước chảy mạnh này. [Dhotaka:] 1071. Hãy giáo hóa từ mẫn, Ôi, bậc Đại Phạm thiên! Đê con được rõ biêt, Pháp viễn ly vô thượng, Như vậy con sẽ sông, Như trời, không áp bức, Sở hành ở đời này, An tịnh và độc lập. 1072. Thế Tôn liền nói

rằng: Hỡi này Dhotaka, Ta sẽ giảng cho ông, Pháp tịch tịnh hiện tại, Không do xưa truyền lại, Sau khi biết pháp này, Hãy sống giữ chánh niệm? Vượt tham ái ở đời. [Dhotaka:] 1073. Con cảm thấy hoan hỷ, Pháp bậc Đại sĩ giảng, Pháp tịch tịnh vô thượng, Sau khi biết pháp này, Con sẽ sống chánh niệm, Vượt tham ái ở đời. 1074. Thế Tôn lời đáp lại: Hỡi này Dhotaka, Phàm ông rõ biết gì? Cao, thấp, ngang, chặng giữa, Sau khi được rõ biêt, Tham ái này ở đời, Chớ tạo nên khát ái, Với hữu và phi hữu.

§7. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UPASĨVA (Upasĩvamãnavapucchẳỷ (Sn. 205) 1075. Tôn giả upasĩva: Kính thưa bậc Thích Tử, Một mình không y chỉ, Con không thể vượt khỏi,

8 Xem CNỈd. 22, Upasĩvamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Upasĩvà).

Dòng nước lớn mạnh này, Kính thưa bậc Biến Nhãn,
Hãy nói cho sở duyên, Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi, Dòng nước chảy mạnh này.
1076. Đây lời dạy Thế Tôn: Này Ưpasĩva,
Biết gìn giữ chánh niệm, Không mong đợi vật gì,
*

Ong sẽ vượt bộc lưu, Nương tựa: "Không có gi" Ngày đêm ngươi nhận thây, Đoạn dục, ly nghi ngờ, Ái diệt là Niết-bàn. 1077. upasĩva nói: Ai là người ly tham, Đối với tất cả dục, Y chỉ không có gi, Từ bỏ mọi gì khác, Được giải thoát hoàn toàn, Tưởng giải thoát tôi thượng, Tại đấy vị ấy trú, Không tiếp tục đi tới? 1078. Thế Tôn nói như sau: Này upasĩva, Ai hoàn toàn ly tham, Đối với tất cả dục, Y chỉ không có gi, Từ bỏ mọi gì khác, Được giải thoát hoàn toàn, Tưởng giải thoát tối thượng, Tại đấy vị ấy trú, Không tiếp tục đi tới. [Ưpasĩva:] 1079. Nếu vị ấy tại đấy, An trú không đi tiếp, Trong một số nhiều năm, Ôi5 bậc Có Biến Nhãn, Nếu vị ấy tại đấy, Được mát lạnh giải thoát, Với vị được như vậy5 Còn có thức hay không? 1080. Đây lời Thế Tôn nói: Hỡi upasĩva! Cũng giống như ngọn lửa, Bị gió mạnh thôi tăt, Đi đến chỗ tận cùng, Không thể nói về đâu, Cũng vậy vị ẩn sĩ, Được giải thoát danh thân, Đi đến chỗ tận cùng5 Không có thể định danh. [Ưpasĩva:] 1081. Vị đi đến tận cíing, Có phải không hiện hữu, Hay vị ấy thường hằng, Đạt được sự không bệnh? Lành thay bậc An si, Hãy trả lời cho con, Có vậy con hiểu được5 Pháp như thật Ngài giảng. 1082. Thế Tôn nói như sau: Hỡi upasĩva! Người đi đến tận cùng, Không thể còn ước lượng, Với ,nói đến nó, Không còn có cái ấy, Khi tất cả các pháp, Đã được nhổ hẳn lên, Mọi con đường nói phô, Được nhổ lên sạch hết.

§8. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN NANDA
(Nandamãụavapucchẩỷ (Sn. 207)
1083. Tôn giả Nanda nói: Quần chúng có nói rằng,
_ 9
CÓ ân sĩ ở đời, Ngài nghĩ như thế nào? Họ gọi là ẩn sĩ, Vị có đầy đủ trí, • Hay thành tựu đời sông? [Thế Tôn:] 1084. Các bậc thiện nói rằng: Ở đời, này Nanda, Không phải ỴÌ

tri kiến, Vì truyền thống, vì trí, Được gọi là ẩn sĩ, Ta chỉ gọi ẩn sĩ, Những ai diệt quân lực, Không phiên não? không câu. 1085. Tôn giả Nanda thưa: Có Sa-môn, Phạm chí, Nói rằng sự thanh tịnh, Là nhờ thấy, nhờ nghe, Có người lại nói răng, Thanh tịnh do giới cấm, Có người lại nói rằng, Thanh tịnh do nhiều pháp, Bạch Thế Tôn, như vậy5 Là sở hành của họ? Vậy Ngài nghĩ thế nào, Họ có thể vượt qua, Sanh và già thưa Ngài? Con kính hỏi Thế Tôn, Mong Ngài trả lời con. 1086. Thế Tôn nói Nanda: Sa-môn, Phạm chí này, Nói rằng sự thanh tịnh, Là nhờ thấy, nhờ nghe, CÓ người lại nói răng, Thanh tịnh do giới cấm, Có người lại nói rằng, Thanh tịnh do nhiều pháp, Dầu họ ở tại dây, Với sở hành như vậy, Ta nói họ không vượt, Khỏi sanh và khỏi già. 1087. Tôn giả Nanda thưa: Sa-môn5 Phạm chí này5 Nói rằng sự thanh tịnh, Là nhờ thấy, nhờ nghe, Có người lại nói rằng, Thanh tịnh do giới cấm, Có người lại nói rằng, Thanh tịnh do nhiều pháp, Thưa Ân si, Ngài nói, Họ không vượt bộc lưu5 Vậy ai có thể được, Giữa thế giới trời, người, Có thể vượt qua được, Sanh và gi thưa Ngài? Con xin hỏi Thế Tôn? Mong Ngài trả lời con. 1088. Thế Tôn nói Nanda: Ta không nói tất cả9 Sa-môn, Bà-la-môn, Bị sanh, già che lấp. Những ai ở đời này, Đoạn tận khắp tất cả, Điều được nghe, được thấy, Ngửi, nếm, xúc, giới cấm,

9 Xem CNỈd. 26, Nandamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Nandà).

Và đoạn nhiêu pháp khác, Liêu ái dạt, vô lậu, Ta nói những người ây, Vượt qua được bộc lưu. [Nanda:] 1089. Con cảm thấy hoan hỷ? Lời Đại sĩ Cù-đàm, Được Ngài khéo thuyêt giảng, Vê châm dứt sanh y: "Những ai ở đời này, Đoạn tận khắp tất cả, y f

Điêu được nghe, được thây, Ngửi, nêm, xúc, giới câm, Và đoạn nhiều pháp khác5 Liễu ái, đạt vô lậu, , . Ta nói những người ây, Vượt qua khỏi bộc hru."

§9. CÁC CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN HEMAKA (Hemakamãnavapucchấ)10 (Srĩ 209) 1090. Tôn giả Hemaka: Những ai trong thời trước, Đã trả lời cho con, về lời dạy Cù-đàm, Trước đã như thế nào, Sau sẽ là như vậy, Tất cả đều truyền thống, Tất cả tăng suy tư, Vậy con không hoan hỷ. 1091. Ngài nói pháp cho con, Oi, mong bậc Ẩn sĩ! Nói pháp đoạn khát ái, Biêt xong, sông chánh niệm, Vượt ái trước ở đời. [Thế Tôn:] 1092. Hemaka ở dây, Đối các pháp khả ái, Được nghe và được thấy, Ngửi, nêm, xúc, nhận thức, Tẩy sạch ước muốn tham, LaNiết-bànbấttử. 1093. Biết vậy giữ chánh niệm, Hiện tại đạt tịch tịnh, Vị ấy thường an tịnh, Vượt chấp trước ở đời.

§10. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TODEYYA (Todeyyamãnavapucchẩ)11 (Sn. 210) 1094. Tôn giả Todeyya: Ai sống không dục vọng, Ai sống không có ái, Ai vượt khỏi nghi hoặc, Giải thoát của vị ấy, Giải thoát như thế nào? 1095. Đây lời nói Thế Tôn: Hỡi này Todeyya, Ai sống không dục vọng, Ai sông không có ái, Ai vượt khỏi nghi hoặc, Giải thoát của vị ấy, Không có gì khác hơn.

10 Xem CNid. 29, Hemakamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Hemakà). 11 Xem CNid. 131, Todeyyamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Todeyyà).

[Todeyya:] 1096. Vị sống không ước vọng, Hay sông có ước vọng, Vị ấy có trí tuệ, Hay tác thành trí tuệ, Ôi, kính bậc Biến Nhãn! Hãy trả lời con rõ5 Để con có thể biết, The nao la an sĩ, Oi, kính bậc Thích Tử! [Thế Tôn:] 1097. Vị sống không ước vọng5 Không có ước vọng nào, Vị ấy có trí tuệ, Không tác thành trí tuệ, Như vậy Todeyya, Hãy biết bậc ẩn sĩ, Không có sở hữu gì, Không tham dính dục hữu.

§11. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN KAPPA (Kappamanavapuccha)12 (Sn 211) 1098. Tôn giả Kappa nói: Những ai đứng giữa nước? Trong dòng nước mạnh chảy, Giữa sợ hãi lớn lao, Thưa Ngài hãy nói lên9 Hòn đảo cho những kẻ, Bị già chết chinh phục, Ngài nói con, hòn đảo, r 9

Để không có khổ khác, Giông như đau khô này. 1099. Thế Tôn nói Kappa: Những ai đứng giữa nước, Trong dòng nước mạnh chảy, Giữa sợ hãi lớn lao, Ta nói ông, hòn đảo, Cho những ai đang bị, Già và chết chinh phục. 1100. Hòn đảo vô song này, Không sở hữu, chấp trước, Ta nói ông, Niết-bàn, Già chêt được đoạn diệt. 1101. Biết vậy giữ chánh niệm, Hiện tại đạt tịch tịnh, Không rơi vào ma lực, Không tùy tùng theo ma.

§12. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN JATUKANNI
(Jatukannimanavapuccha)13 (Sn. 212)
1102. Jatukanni nói: Được nghe bậc Anh hùng,
Không tham đắm dục vọng, Nên con đã đến đây
Để hỏi bậc Vô dục, Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt, Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật, Nói cho con được biết.
12 Xem CNỈd. 32, Kappamãnavapucchă (Câu hỏi của thanh niên Kappa). 13 Xem CNỈd. 34, Jatukannimanavapuccha (Cầu hỏi của thanh niên Jatukanni).

KINH TẬP 433

1103. Chinh phục dục vọng xong, The Tôn sông ở đời, Như mặt trời chiếu sáng, Cõi đất với hào quang, Bậc trí tuệ rộng lớn, Hãy nói pháp cho con, Người trí tuệ bé nhỏ, Do rõ biết pháp này, Ở đây con đoạn được, Kể cả sanh và già. 1104. Thế Tôn nói như sau: Hỡi Jatukanni! Hãy nhiếp phục lòng tham, Đối với các dục vọng, Hãy nhìn hạnh xuất ly, Đưa đến sự an ổn, Chớ chấp chờ, từ bỏ, Sự vật gì ở đời. 1105. Những gì có trước ông? Hãy làm nó khô cạn, Đừng có sự vật gì, Ở phía đằng sau ông, Ở giữa ông không chấp, Ông sẽ sống an tịnh. 1106. Hỡi này Bà-la-môn! Đôi với danh và săc, Hoàn toàn không tham đắm, Không có các lậu hoặc, Chính do lậu hoặc này? Bị thần chết chi phối.

§13. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN BHADRÃVUDHA (Bhadrãvudhamãnavapucchẩ) 14 (Sn 213) 1107. Bhadrãvudha nói: Con có lời yêu câu, A _ FTpl • A _ rTTlf / • 1 A_ Bậc Thiện Thệ nói lên, Bậc bỏ nhà, đoạn ái, Bất động9 bỏ hỷ ái, Giải thoát, vượt bộc lưu, Bậc bỏ sự đặt dể, Nghe xong bậc Long Tượng, Từ đây họ ra đi. 1108. Quần chúng sai biệt ấy, Từ quốc độ tụ họp, Họ ao ước khát vọng, Được nghe lời của Ngài, Ôi? Anh hùng chiến thắng! Ngài hãy khéo trả lời9 Pháp Ngài dạy thế này, Như vậy họ hiểu biết. 1109. Thế Tôn nói như sau: Này Bhadrãvudha, Hãy nhiêp phục tât cả, Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang, Và kể luôn chặng giữa, Những ai có chấp thủ, Sự gì ở trong đời, Chính do sự việc ấy, Ác ma theo người ấy. 1110. Do vậy bậc hiểu biết, Không có chấp thủ gì, Tỷ-kheo giữ chánh niệm, Trong tất cả thế giới; Phàm có sở hữu gi, Vị ây không mong ước, Nhìn xem quân chúng này, Là chúng sanh chấp thủ, Trong lãnh vực của ma, Bị tham dính chấp trước.

14 Xem CNid. 36, Bhadrãvudhamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Bhadrãvudhà).

CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UDAYA (Udayamãnavapucchẩ)1516 (Sìì 214) 1111. Ton giả Udaya: Con đến với câu hỏi, về tất cả mọi pháp, Để hỏi bậc tu thiền, Bậc an tọa không bụi, Trách nhiệm đã làm xong. Bậc không có lậu hoặc, Đã đạt bờ bên kia, Hãy nói trí giải thoát, Để phá hoại vô minh. 1112. Đây lời Thế Ton nói: Hỡi này Ucỉaya, Đoạn ước muốn dục vọng, Và iru phiền, cả hai, Và trừ bỏ hôn trầm? Ngăn chặn mọi hối hận. 1113. Ta nói trí giải thoát, Để phá hoại vô minh, Thanh tịnh nhờ xả niệm5 Suy tư pháp đi trước. [Udaya:] 1114. Đời cái gì trói buộc, Cái gì đời vận hành? Do đoạn được cái gi, Được gọi là Niết-bàn? [Thế Tôn:] 1115. Đời bị hỷ trói buộc, Suy tầm là sở hành, Do đoạn được khát ái, Được gọi là Niết-bàn. [Udaya:] 1116. Người sở hành chánh niệm, Thức được diệt thế nào? Con đến hỏi Thế Tôn, Nghe lời Thế Tôn nói. [Thế Tôn:] 1117. Ai không có hoan hỷ? Với nội và ngoại thọ, Sở hành chánh niệm vậy, Thức đạt được hoại diệt.

§15. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN POSÃLA (Posãỉamãụavapucchă)Ỵ6 (Sn. 215) 1118. Tôn giả Posãla: Vị nói về quá khứ, Không mong cầu, đoạn nghi, Đã đến bờ bên kia, Con đến với câu hỏi, Của hết thảy các pháp. 1119. Với ai sắc tưởng diệt, Đoạn tận hết thảy thân, Nhìn thấy nội và ngoại, Thật sự không có gi, r Con hỏi bậc Thíchca, Thê nào người như vậy, Có thể bị dắt dẫn?

15 Tham chiếu: Sn. 115, Vãseịthasutta (Kinh Vãsettha); M. II. 196, Vãsetthasutta (Kinh Vãsetthà), số 98; A, I. 133, Sãriputtasutta (Kinh Sãriputtà); Dh. V. 386; CNỈd. 38, Udayamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Udaya); Pháp củ kinh uPhạm chi phẩm" rấ (T.04. 0210.35. 0572b20). 16 Xem CNỈd. 40, Posãlamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Posãlă).

1120. Thê Tôn bèn đáp răng: Hỡi này Posãla, Như Lai được thắng tri, Tất cả nơi thức trú, Rõ biết vị an trú, Giải thoát, đạt cứu cánh. 1121. Biết được sự tác thành, Thuộc vê vô sở hữu, Biết hỷ là kiết sử, Do thắng tri như vậy, Tại đấy thấy như vậy, Đây là trí như that, Của vị Bà-la-môn, Đã thành tựu Phạm hạnh.

§16. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN MOGHARAJA (Mogharậịamãnavapucchẩ)17 (Sn. 216) 1122. Mogharãja nói: Đã hai lần con hỏi, Bậc Có Mắt họ Thích, Ngài chưa trả lời con, Nhưng con được nghe răng, Cho đến lần thứ ba, Vị Thiên nhân, Ẩn sĩ, Sẽ trả lời cho con. 1123. Đời này và đời sau, Phạm thiên giới, thiên giới, Con không rõ quan điểm, Gotama lừng danh. 1124. Vị thầy được thù diệu, Con đến với câu hỏi, Cần nhìn đời thế nào, Để

thần chết không thấy? [Thế Tôn:] 1125. Này Mogharaja, Hãy nhìn đời trống không, Luôn luôn giữ chánh niệm, Nhổ lên ngã tùy kiến, Như vậy vượt tử vong, Hãy nhìn đời như vậy, Thần chết không thấy được.

§17. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PINGIYA (Pingiyamãnavapucchẩ)18 (Sn. 217) 1126. Tôn giả Pingiya: Con đã già, yêu đuôi, Không còn có dung sắc, Mắt không thấy rõ ràng, Tai không nghe thông suốt, Để con khỏi mạng chung, Với tâm tư si ám, Mong Ngài nói Chánh pháp, Nhờ rõ biết pháp ấy, Chính tại ở đời này, Con đoạn tận sanh già.

17Tham chiếu: Dh. V. 170;.II. 486, Mogharậịattheraapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Mogharãịa); MNỈd. 401, A ttadandasuttaniddeso (Diễn giải kinh ue hạnh của bản thần); CNỈd. 42, Mogharậịamãnavapucchã (Cẩu hỏi của thanh niên Mogharậịă). Netti. 5, Desãnahãravibhanga (Phân tích cách truyên đạt băng sự chỉ bảoỴ Pe. 23, Sãsanapatịhãnadutỉyabhũmỉ (Phần thứ hai vê Sự hình thành, giảo pháp); Kv. 1, Puggalakathã (Vấn đề hiện hữu của một thực ngã); Pháp củ kỉnh uThuật Phật phairf, (r.04. 0210.22. 0567a01);P^ củ thidu kinh^uật Phạt pham?,(r.04. 0211.22. Xuất diệu Wn pham,5 (T.04.0212.28.0736b06); Pháp tạpyếu tụng kinh 4tQuán sat phẩm,^ (b.04. 0213.27. 0791b03). ” 18 Xem CNỈd. 44, Pingiyamãnavapucchã (Câu hỏi của thanh niên Pỉngiyd).

1127. Thế Tôn đáp lại rằng: Hỡi này Pingiya, Thấy được sự tác hại, Trong các loại sắc pháp, Chúng sanh sống phóng dật, Bị phiên lụy trong săc9 Do vậy Pihgiya, Ông chớ có phóng dật, Hãy từ bỏ sắc pháp, Chớ đi đến tái sanh. [Pingiya:] 1128. Bôn phương chính, bôn phụ, Cộng thêm trên và dưới, Như vậy có mười phương, Và trong thế giới này5 Không có sự việc gì, Mà Ngài không thấy được, Không nghe, ngửi, nếm, xúc, Và không thức tri được; Hãy nói đến Chánh pháp, Nhờ rõ biết pháp này, Con ngay tại đời này, Đoạn tận được sanh già. 1129. Thế Tôn nói như sau: Hỡi này Pihgiya, Thấy chúng sanh loài người, Rơi vào trong khát ái, Bị già nua đốt cháy, Bị già nua chinh phục, Do vậy Piỏgiya, Ông chớ có phóng dật, Hãy từ bỏ khát ái, Không còn bị tái sanh.

§18. CÁC KỆ NGÔN KẾT LUẬN TÁN THÁN CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (Pãrãyanatthutìgãtha)Ỵ9 (Sn. 219) Thế Tôn nói như vậy. Trong khi ở tại Magadha, tại điện Pãsãnaka, Thế Tôn được mười sáu Bà-la-môn đệ tử của Bãvarĩ tìm đên5 được hỏi nhiêu câu hỏi và Ngài đã trả lời. Nếu từng câu hỏi một, sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thì có thể đi đến bờ bên kia của già chết. Những pháp này có thể đưa người qua bờ bên kia, cho nên pháp môn này cũng được gọi là Pãrãyanam: "Con đường đưa đến bờ bên kia." 1130. Phạm chí Ajita, Tissa Metteyya, Phạm chí Punnaka, Cùng với Mettagũ, Thanh niên Dhotaka, Và upasĩva, Nanda, Hemaka, 1131. Cả hai vị thanh niên? Todeyya, Kappa, Và Jatukanni, Với Bhadrăvudha, Phạm chí Udaya, Phạm chí Posãla, Với Mogharaja, Là bậc đại hiền trí, Cùng với bậc đại sĩ, Tên là Piồgiya. 1132. Những vị này đi dến, Đức Phật, bậc Tiên Nhân, Bậc hạnh đức đầy đủ, Những vị này đi dến, Bậc Giác Ngộ Tối Thượng, Hỏi câu hỏi tế nhị.

19 Xem CNỈd. 45.

1133. Đức Phật đã như thật, Trả lời các vị ấy,
Tùy theo các câu hỏi, Và bậc Đại Ẩn sĩ,
Trả lời những câu hỏi, Khiến các Bà-la-môn?
Được hoan hỷ vui thích.
1134. Họ được vui hoan hỷ5 Nhờ Phật, bậc Có Mắt,
Nhờ Bà Con Mặt Trời, Họ hành trì Phạm hạnh,
Dưới chỉ đạo hướng dẫn, Bậc trí tuệ tuyệt diệu.
1135. Theo từng câu hỏi một, Tùy đức Phật thuyết giảng,
Ai như vậy hành trì, Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia.
1136. Đi được từ bờ này, Đến được bờ bên kia,
Tu tập đạo vô thượng, Và chính con đường ấy,
Đưa đến bờ bên kia, Do vậy được tên gọi,
Con đường đến bờ kia.
§19. CÁC KỆ NGÔN TƯỜNG THUẬT CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (Pãrãyanãnugĩtìgãthă)2() (Sn. 221) Rồi Tôn giả Piồgiya đi về Godhãvarĩ và nói lại với Bà-la-môn Bãvarĩ những điều đã xảy ra. 1137. Tôn giả Pingiya: Con sẽ đọc tụng lên, Con đường đến bờ kia, Ngài được thấy thế nào, Ngài nói lên thế ấy, Bậc Vô Cấu, Quảng Trí, Bậc Lãnh Đạo Không Dục, Bậc Niết-bàn An Tịnh, Làm sao do nhân gì, Ngài nói điều không thật. 1138. Bậc đã đoạn trừ hết, Uê nhiêm và si mê, Bạc đã diệt trừ sạch, Kiêu mạn và gièm pha, Con sẽ nói tán thán, Am thanh vi diệu ây. 1139. Bậc quét sạch u ám, Phật-đà5 bậc Biến Nhãn, Đã đến tận cùng đời, Đã vượt qua sanh hữu, Bậc không có lậu hoặc, Đoạn tận mọi đau khổ, Vị được gọi sự thật, Hỡi vị Bà-la-môn, Con được hâu vị ây. 1140. Như chim bỏ rừng hoang, Đến ở rừng nhiều trái, Cũng vậy con từ bỏ, Những bậc thây nhỏ nhen, Con đạt đến biển lớn, Chẳng khác con thiên nga. 1141. Những ai trong đời khác, Đã nói cho con nghe, Lời dạy bậc Cù-đàm, Như vậy đã xảy ra,

20 Xem CNid. 49.

Như vậy sẽ xảy đến, Tất cả là tin đồn,
Chỉ làm tăng nghi ngờ.
1142. Chỉ một vị an trú, Quét sạch các hắc ám,
Sanh trưởng gia đình quý? Vị ấy chiếu hào quang,
Cù-đàm5 bậc Quảng Tuệ, Cù-đàm, bậc Quảng Trí.
1143. Ai thuyết pháp cho con, Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi, Ai diệt vượt đau khô,
Vị ấy không ai sánh.
[Bãvarĩ:]
1144. Hỡi này Pingiya, Sao ông lại không thể,

Sông xa lánh vị ây, Chỉ trong một chốc lát?
Bậc Cù-đàm Quảng Tuệ, Bậc Cù-đàm Quảng Trí.
1145. Vị thuyết pháp cho người, Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi, Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh?
[Piốgiya:]
1146. Hỡi này Bà-la-môn, Con không có thể được,
Sống xa lánh vị ấy, Chỉ trong một chốc lát,
Gotama Quảng Tuệ, Gotama Quảng Trí.
1147. Vị thuyết pháp cho con, Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi, Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.
1148. Chính con thấy vị ấy, Với ý9 với con mắt,
Ngày đêm không phóng dật, Kính thưa Bà-la-môn?
Con trải qua suôt đêm, Đảnh lễ? kính vị ấy,
\
Do vậy con nghĩ răng, Con không xa vị ấy. 1149. Với tín và với hỷ, Với ý luôn chánh niệm, Không làm con xa rời, Lời dạy Gotama! Chính tại phương hướng nào, Bậc Quảng Tuệ đi dến, Chính ở phương hướng ấy, Con được dắt dẫn đến. 1150. Với con tuổi đã già, Yêu đuôi không sức mạnh. Do vậy thân thể này, Không đến được chỗ ấy, Với tâm tư quyết chí, Con thường hằng đi đến, Vì rằng, thưa Phạm chí, Ý con cột vị ấy. 1151. Nằm dài trong vũng bùn, Vùng vẫy vật qua lại, Con đã bơi qua lại, Đảo này đến đảo khác, Con đã thấy đức Phật, Vượt bộc lưu vô lậu.

KINH TẬP 439

Đên đây, khi họ đang nói, đức Phật hiện ra và nói: 1152. Cũng như Vakkali, Nhờ tin được giải thoát, Với Bhadrãvudha, ÃỊavi, Cù-đàm5 Cũng vậy ông đã được, Giải thoát nhờ lòng tin. Hỡi này Piốgiya, Ông sẽ đi đến được, Đến được bờ bên kia, Của thế giới thần chết. [Piồgiya:] 1153. Được nghe lời Ân sĩ, Con tăng trưởng tịnh tín. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Đã vén lên tấm màn, Không cứng cỏi, biện tài. 1154. Thắng tri các chư thiên, Biết tất cả cao thấp, Bậc Đạo sư châm dứt5 Tất cả các câu hỏi, Với những ai tự nhận, Còn có chỗ nghi ngờ. 1155. Không run rẩy? dao động, Không ai có thể sánh, Chắc chắn con sẽ di, Tại đây con không nghi, Như vậy con thọ trì, Như tâm người tín giải.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.